

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ:
“NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ CAO IMC QUANG MINH –
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ”

Địa điểm: Lô 42A2, Khu công nghiệp Quang Minh,
huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ:
“NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ CAO IMC QUANG MINH –
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ”
Địa điểm: Lô 42A2, Khu công nghiệp Quang Minh,
huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.



GIÁM ĐỐC
Hoàng Tuấn Huy

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	IV
DANH MỤC BẢNG	V
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1.1. Tên chủ cơ sở.....	7
1.2. Tên cơ sở.....	7
1.2.1. Tên và địa điểm thực hiện của cơ sở	7
1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án	8
1.2.3. Quy mô cơ sở.....	8
1.2.4. Loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ	8
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	9
1.3.1. Công suất của cơ sở	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	9
1.3.3. Sản phẩm sản xuất của cơ sở	14
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	15
1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	15
1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước và nhu cầu sử dụng điện nước của cơ sở	21
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	22
1.5.1. Thông tin chung về cơ sở.....	22
1.5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện của Cơ sở.....	23
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	24
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	24
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	25
2.2.1. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường nước ..	25
2.2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường khí	25
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	26

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	26
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	26
3.1.2. Điểm xả nước mưa.....	26
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	27
3.1.3. Xử lý nước thải	29
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	37
3.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường	39
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	40
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp	41
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	44
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	45
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	46
3.6.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ, chập điện	46
3.6.3. Phòng cháy các thiết bị điện	48
3.6.4. Biện pháp phòng cháy sự cố hóa chất.....	48
3.6.5. Công trình ứng phó, phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý chất thải.....	48
3.6.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với sự cố hệ thống bể tự hoại, đường ống thoát nước	56
3.6.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với sự cố máy phát điện dự phòng tại nhà máy.....	57
3.7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác	57
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	58
3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)	61
3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	61
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	62
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	62
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	62
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	63
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại	64

4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	64
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	65
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	65
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	65
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh.....	66
5.4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không môi trường lao động	67
5.5. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải phát sinh từ lò hơi	68
5.6. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở	68
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	69
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	69
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	69
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	69
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, định kỳ) theo quy định của pháp luật	70
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	70
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	71
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	71
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	71
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	72
7.1. Cam kết.....	72
7.2. Kiến nghị	72

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu ôxi sinh hóa (Biochemical oxygen Demand)
BQL	Ban Quản lý
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCBVMT	Chi cục bảo vệ môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học (Chemical Oxygen Demand)
CTNH	Chất thải nguy hại
CP	Cổ phần
DO	Ôxi hòa tan (Dessolved Oxygen)
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
GP	Giấy phép
GPHĐ	Giấy phép hoạt động
GĐVH	Giai đoạn vận hành
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
HTXL	Hệ thống xử lý
KK	Không khí
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
NĐ	Nghị định
NM	Nước mặt
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCV	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
RTNH	Rác thải nguy hại
RTR	Rác thải rắn
STNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	Thông tư
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng trong nước
UBND	Ủy ban nhân dân
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Tọa độ vị trí khu vực dự án (VN2000, kinh tuyến 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰)...	7
Bảng 1.2: Sản phẩm sản xuất của Cơ sở.....	14
Bảng 1.3: Bảng thống kê hóa chất sử dụng chủ yếu của Cơ sở.....	15
Bảng 1.4: Nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất.	16
Bảng 1.5: Thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất.	20
Bảng 1.6: Thống kê lượng điện sử dụng của cơ sở theo hóa đơn tiền điện thực tế tháng 01/2024 – 08/2024.	21
Bảng 1.7: Thống kê lượng nước cấp sử dụng của cơ sở theo hóa đơn tiền nước thực tế tháng 02/2024 – 08/2024.	22
Bảng 1.8: Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở.	22
Bảng 1.9: Tổ chức quản lý và thực hiện của Cơ sở.	23
Bảng 3.1: Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa đã hoàn thành.....	26
Bảng 3.2: Khối lượng đường ống hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở.....	28
Bảng 3.3: Nồng độ các chất ô nhiễm sau khi qua bể tự hoại.....	31
Bảng 3.4: Hiệu suất xử lý nước thải tại các công đoạn xử lý	34
Bảng 3.5: Thông số kỹ thuật các bể xử lý	34
Bảng 3.6: Thông số thiết bị hệ thống xử lý nước thải	35
Bảng 3.7: Thiết bị, cấu tạo hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi.....	39
Bảng 3.8: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường của Cơ sở.	41
Bảng 3.9: Khối lượng phát sinh chất thải nguy hại của Cơ sở.	44
Bảng 3.10: Một số sự cố máy móc, thiết bị và biện pháp ứng phó đối với các thiết bị lắp đặt tại hệ thống XLNT của nhà máy.....	50
Bảng 3.11: Các nội dung thay đổi so với báo cáo cam kết môi trường của Cơ sở.....	59
Bảng 4.1: Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi công suất 14.000 m ³ /h.....	63
Bảng 4.2: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh.	63
Bảng 4.3: Giá trị giới hạn đối với độ rung phát sinh.	64
Bảng 4.4: Danh mục các chất thải nguy hại đăng ký phát sinh	64
Bảng 5.1: Kết quả quan trắc nước thải từ năm 2023 -2024.	65
Bảng 5.2: Kết quả quan trắc định kỳ không khí xung quanh năm 2024 của Cơ sở.....	66
Bảng 5.3: Kết quả quan trắc định kỳ không khí MTLĐ năm 2024 của Cơ sở.....	67
Bảng 6.1: Thời gian dự kiến của quá trình vận hành thử nghiệm.	69
Bảng 6.2: Kế hoạch quan trắc trong GĐVH ổn định công trình xử lý chất thải.	69

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Vị trí của Nhà máy công nghệ cao IMC.....	7
Hình 1.2: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm.....	13
Hình 1.3: Một số hình ảnh sản xuất của Cơ sở.....	13
Hình 1.4: Một số hình ảnh sản phẩm của Cơ sở.....	15
Hình 1.5: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở.....	26
Hình 3.1: Vị trí điểm xả nước mưa của Cơ sở.....	27
Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của nhà máy.....	27
Hình 3.3: Hướng nước chảy sau xử lý của Cơ sở.....	29
Hình 3.4: Vị trí xả nước thải sau xử lý của Cơ sở.	29
Hình 3.5: Sơ đồ nguyên lý xử lý nước thải bể tự hoại ba ngăn.	30
Hình 3.6: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.	32
Hình 3.7: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bụi, khí thải lò hơi.....	38
Hình 3.8: Hệ thống xử lý khí thải từ lò hơi đốt củi.	39
Hình 3.9: Sơ đồ thu gom, quản lý CTR thông thường của Nhà máy.	40
Hình 3.10: Kho lưu chứa chất thải của Cơ sở.....	45
Hình 3.11: Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của Cơ sở.....	47

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế.
- Địa chỉ văn phòng: Số 9 Lô A, Tổ 100 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Ông Hoàng Tuấn Huy.
- Chức vụ: Giám Đốc. Điện thoại: 02435377274.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0101424904 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 27/3/2023.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 01221000498 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 24/9/2013 cho “Dự án chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP”.

1.2. Tên cơ sở

1.2.1. Tên và địa điểm thực hiện của cơ sở

- Cơ sở đầu tư: Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế.
- Địa điểm cơ sở: Lô 42A2, Khu công nghiệp Quang Minh I, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.



Hình 1.1: Vị trí của Nhà máy công nghệ cao IMC.

Bảng 1.1: Tọa độ vị trí khu vực dự án (VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

Vị trí ô đất	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	2344490	578758
2	2344524	578788
3	2344494	578823
4	2344465	578788

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất số 103/2013/HDKT-NĐ ngày 21/8/2013 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 01221000498 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 24/9/2013 cho “Dự án chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP”.

- Giấy phép xây dựng số 859/GPXD do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty TNHH tư vấn y dược Quốc tế, tại lô 42A KCN Quang Minh I.

- Văn bản số 309/TB-UBND ngày 25/11/2013 về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” tại Lô 42A2, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh.

- Giấy xác nhận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy số 68/NT-PCCC-P3 ngày 02/02/2018 do Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội – Bộ Công an cấp.

- Văn bản số 3533/UBND-TNMT ngày 26/6/2017 của UBND huyện Mê Linh về việc chấp thuận điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế.

- Biên bản thỏa thuận đầu nối số 06/2017/BB-NĐ ngày 19/4/2017 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế về việc thoát nước mặt, nước thải KCN Quang Minh.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0101424904 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 27/3/2023.

1.2.3. Quy mô cơ sở

- Quy mô của Cơ sở phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công: Căn cứ theo Khoản 3 Điều 11 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội, Dự án thuộc **nhóm C** với tổng mức đầu tư là 55.000.000.000 đồng.

- Quy mô của Cơ sở phân loại theo tiêu chí quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Căn cứ theo mục 2, phụ lục V ban hành kèm theo “Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường” thì Dự án đầu tư thuộc **nhóm III**.

1.2.4. Loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ

Dự án thuộc lĩnh vực y tế nên không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (Theo phụ lục II ban hành kèm theo “Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”
tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất của cơ sở

- Sản phẩm chính của Cơ sở là sản xuất:
 - + Thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng cao lỏng, cao mềm, cao khô, viên nén, bao phim, viên nang cứng, cốm, bột.
 - + Thực phẩm, thực phẩm bổ sung, nguyên liệu thực phẩm các dạng: Cốm, hạt, cao, các dạng bánh.
 - + Thực phẩm, thực phẩm bổ sung chứa vi sinh vật lợi khuẩn các dạng: Cốm, bột, hạt.
- Công suất sản xuất: 20 – 30 tấn thành phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Nhà máy Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP gồm 02 quy trình sản xuất gồm: Quy trình công nghệ chiết xuất cao dược liệu; quy trình công nghệ sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

a) Quy trình công nghệ chiết xuất cao dược liệu

- Chọn lọc, chuẩn bị dược liệu:

Để có được chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, dược liệu được lựa chọn và kiểm tra nguồn gốc, chất lượng trước khi đưa vào quy trình sản xuất. Trước khi bắt đầu chiết xuất, dược liệu cần được cân đủ theo yêu cầu của công thức sản xuất. Việc cân chính xác giúp đảm bảo hàm lượng hoạt chất trong sản phẩm cuối cùng đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm tra:

Sau khi dược liệu đã được cân chia đủ theo mẻ, công nhân sẽ có trách nhiệm kiểm tra lại chất lượng của dược liệu. Trong trường hợp dược liệu có vấn đề gì bất thường (ấm mốc, lẫn tạp chất...) cần báo ngay cho phụ trách sản xuất, QA để giải quyết kịp thời.

- Rửa dược liệu:

Sau khi kiểm tra, dược liệu sẽ được rửa sạch bằng nước để loại bỏ bụi bẩn, đất cát và các tạp chất khác. Quá trình này giúp đảm bảo các chất bẩn không ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm sau khi chiết xuất.

Nước rửa dược liệu sẽ được dẫn ra hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở.

- Chiếu xuất dược liệu:

Dược liệu sau khi rửa sạch đưa vào nồi chiết. Tại công đoạn này sẽ cấp nước sạch và nhiệt vào nồi chiết để chiết xuất theo thời gian trong lệnh sản xuất đã ban hành.

- Cô đặc dung dịch chiết xuất:

Quá trình chiết xuất hoàn tất, dung dịch chiết xuất sẽ được chuyển sang nồi cô để tiến hành cô đặc. Mục tiêu của công đoạn này là loại bỏ dung môi thừa và thu được một lượng cao dược liệu đặc, giàu hoạt chất. Trong quá trình này, cần phải kiểm soát nhiệt độ và áp suất thường xuyên để tránh làm mất các hoạt chất nhạy cảm với nhiệt.

Hơi nước sinh ra từ quá trình cô đặc sẽ được dẫn vào thiết bị ngưng tụ. Tại đây, hơi nước tiếp xúc với bề mặt ống dẫn được làm lạnh bởi nước mát và ngưng tụ thành nước lỏng (nước ngưng). Nước ngưng thu được sẽ tận dụng cấp lại cho các mẻ chiết sau đó.

Khi dung dịch chiết xuất được đun nóng để bay hơi, nhiệt lượng sẽ truyền qua thành của thiết bị cô đặc. Để kiểm soát nhiệt độ không bị tăng cao, nguồn nước mát bơm từ bể cấp nước PCCC được tuần hoàn qua các ống dẫn bên trong thành thiết bị để hấp thụ nhiệt lượng này, giúp làm mát bề mặt và ngăn chặn sự quá nhiệt của thiết bị. Quá trình này còn giúp bảo vệ các hoạt chất trong cao dược liệu không bị phân hủy dưới nhiệt độ cao.

Sau khi hấp thụ nhiệt, nước làm mát sẽ được dẫn đến tháp tản nhiệt và về lại bể cấp nước PCCC. Tại đây, nước được phân tán thành các giọt nhỏ và tiếp xúc với không khí. Quá trình bay hơi sẽ làm giảm nhiệt độ của nước, giúp nó trở lại nhiệt độ ban đầu.

Việc sử dụng quy trình tuần hoàn này giúp giảm thiểu lượng nước mới cần sử dụng và giảm chi phí năng lượng, tránh tình trạng phát thải ra ngoài môi trường.

- Kiểm tra chất lượng thành phẩm:

Kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng như hàm lượng hoạt chất, độ ẩm... trong cao đặc để đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu.

- Hoàn thiện sản phẩm:

Sản phẩm sau khi thu được sẽ đem đi đóng gói, niêm phong và dán nhãn bên ngoài để đảm bảo chất lượng trước khi đưa đến tay người tiêu dùng.

- Nhập kho:

Sản phẩm cuối cùng sau khi kiểm tra chất lượng sẽ được nhập kho để phân phối tới khách hàng.

➤ Sơ đồ quy trình công nghệ chiết xuất cao dược liệu:



Hình 1.2: Sơ đồ quy trình công nghệ chiết xuất cao dược liệu.

b) Quy trình sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm

- Chuẩn bị nguyên liệu:

Nguyên liệu ban đầu được tiếp nhận và kiểm tra sơ bộ để đảm bảo đúng chủng loại và đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng. Nguyên liệu có thể bao gồm các hoạt chất chính, tá dược, phụ gia hoặc các thành phần bổ trợ khác.

- Kiểm tra:

Để có chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, nguyên liệu cần được kiểm tra trước khi bước vào quy trình sản xuất. Đối với những nguyên liệu có lẫn tạp chất hay bị nấm mốc các công nhân sẽ loại bỏ bằng phương pháp nhặt thủ công.

- Biệt trữ cân chia mẻ:

Nguyên liệu đạt chuẩn được phân loại và cân đo chính xác theo từng mẻ dựa trên

công thức sản xuất. Quá trình này nhằm đảm bảo tỷ lệ phối trộn giữa các thành phần trong từng lô sản phẩm, giúp sản phẩm đồng nhất về chất lượng.

- Xử lý nguyên liệu:

Sau khi cân, nguyên liệu được đem đi xử lý để loại bỏ tạp chất và đạt trạng thái cần thiết cho quá trình pha chế. Tùy vào từng loại nguyên liệu sẽ có các bước xử lý khác nhau (xay, nghiền, rây,...).

- Pha chế:

Tùy theo dạng viên được yêu cầu (bột, hạt, viên nén...) sẽ tiến hành pha chế theo các kỹ thuật và phương pháp bào chế thích hợp.

+ Nguyên liệu sau khi được cân sẽ tiến hành trộn với nhau để tạo thành hỗn hợp đồng nhất. Thời gian và tốc độ phối trộn sẽ tùy thuộc vào từng loại sản phẩm.

+ Tạo hạt (nếu cần) bằng cách trộn khối bột với dung dịch tá dược dính trong máy nhào tạo hạt cao tốc. Tốc độ và thời gian quy định cho từng sản phẩm.

- Định liều:

Hỗn hợp sau khi pha chế được định lượng chính xác để tạo ra các đơn vị sản phẩm đồng nhất (viên nén, bột, dung dịch...). Quá trình này yêu cầu độ chính xác cao để đảm bảo mỗi đơn vị sản phẩm chứa hàm lượng hoạt chất chính xác như công bố, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn chất lượng.

- Biệt trữ (bao viên):

Sản phẩm đã định liều sẽ được biệt trữ tạm thời trong điều kiện bảo quản phù hợp (nhiệt độ, độ ẩm...) để chờ đến công đoạn đóng gói. Giai đoạn này giúp duy trì chất lượng sản phẩm trước khi hoàn thiện.

- Hoàn thiện bao bì:

Sản phẩm từ bước biệt trữ được đóng gói vào bao bì cấp 1 (vỉ, lọ, túi hoặc bao bì bảo vệ trực tiếp). Quá trình này yêu cầu môi trường vô trùng để đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Thành phẩm hoàn thiện cấp 1 sẽ được tiến hành hoàn thiện cấp 2 (đóng gói vào hộp, thùng...) để bảo vệ trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Tem nhãn, hướng dẫn sử dụng cũng được dán lên bao bì trong giai đoạn này.

- Nhập kho thành phẩm/Bảo quản:

Thành phẩm đạt tiêu chuẩn được lưu trữ trong kho với điều kiện bảo quản phù hợp. Quá trình nhập kho đảm bảo sản phẩm được phân loại rõ ràng, dễ dàng truy xuất nguồn gốc và chờ xuất bán ra thị trường.

Sau quá trình sản xuất sản phẩm, các dụng cụ, máy móc sẽ được công nhân đem vệ sinh bằng nước để chuẩn bị cho mẻ tiếp theo. Nước thải phát sinh từ quá trình rửa chai lọ, máy móc thiết bị sẽ được thu gom về HTXLNT tập trung của Nhà máy.

➤ Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm:



Hình 1.3: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm



Hình 1.4: Một số hình ảnh sản xuất của Cơ sở.

1.3.3. Sản phẩm sản xuất của cơ sở

Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh có tổng diện tích 1.558,9 m², công suất hằng năm đối với cao dược liệu khoảng 12 tấn/năm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe hơn 12 triệu sản phẩm. Sản phẩm sản xuất của nhà máy đạt chất lượng cao, phục vụ nhu cầu của khách hàng trong nước cũng như quốc tế. Chi tiết sản phẩm của cơ sở được trình bày dưới đây:

Bảng 1.2: Sản phẩm sản xuất của Cơ sở.

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
I	Chiết xuất cao dược liệu		
1	Cao dược liệu	tấn	12
II	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe		
1	Phụ Bì Khang	viên	284.610
2	Nữ Vương New	viên	300.390
3	Vương Nãi Khang	viên	1.215.150
4	Destroyhp	viên	29.400
5	Stonebye	viên	28.590
6	Hồng Mạch Khang	viên	7.080
7	Genecel® Max	viên	1.513.170
8	Lactocol® Max	viên	611.760
9	Nattospes®	viên	1.569.080
10	Spacaps®	viên	262.500
11	Hoàng Thấp Linh	viên	3.540
12	Cốt Thoái Vương	viên	2.526.090
13	Detoxmune® Max	viên	896.070
14	Jointlink® Max	viên	304.950
15	Niệu Bảo	viên	200.702
16	Kukumin IP	viên	21.600
17	Bách Xuân®	viên	643.500
18	Koaru	gói	89.360
19	Y Xuân®	viên	946.350
20	Định Áp Vương	viên	27.810
21	Glutex	viên	29.850
22	Lipidcleanz	viên	29.200
23	Men Vi Sinh Zeambi	gói	239.280
24	Bảo Phế Vương	viên	43.420

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
25	Bách Thống Vương	viên	14.460
26	Ích Tiểu Vương	viên	12.380
27	Superbros	gói	167.010
28	Cốm Vi Sinh Bebugold	gói	13.020
29	Goodnight® Plus	viên	151.170
30	Bổ Não Á Âu	viên	1.180
31	Đại Tràng Á Âu	viên	82.280
32	Nội Tiết Tố Nữ Á Âu	viên	11.180
33	Dạ Dầy Á Âu	viên	44.040
34	Tiền Liệt Tuyến Á Âu	viên	24.120
35	Mindenergy® MAX	viên	302.550
36	Perz-Probiotic	viên	149.850
37	TPBS Aqstrongs	viên	100.760
Tổng			12.897.452



Hình 1.5: Một số hình ảnh sản phẩm của Cơ sở.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

1.4.1.1. Nhu cầu hóa chất sử dụng của cơ sở

Hóa chất sử dụng tại cơ sở chủ yếu là hóa chất phục vụ cho quá trình hoạt động của hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi và phòng thí nghiệm của nhà máy, các loại hóa chất như sau:

Bảng 1.3: Bảng thống kê hóa chất sử dụng chủ yếu của Cơ sở.

TT	Tên hóa chất	Công thức hóa học	Khối lượng (lít/năm)
1	Natri Hydroxide	NaOH	200
2	Ethanol tuyệt đối	C ₂ H ₅ OH	200

1.4.1.2. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu của cơ sở

Trong quá trình sản xuất, Công ty sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất như sau:

Bảng 1.4: Nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất.

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Hạt Đậu Hà Lan Tách Vỏ	kg	68
2	Hạt Đậu Xanh Tách Vỏ	kg	987
3	Hạt Đậu Nành Tách Vỏ	kg	1.000
4	Hạt Đậu Lắng Tách Vỏ	kg	400
5	Hạt Hạnh Nhân Tách Vỏ	kg	100
6	Imcdeltaimmune®	kg	400
7	Magnesi Lactat Dihydrat	kg	242,5
8	Vitamin B1 (Thiamin Nitrat)	kg	5,45
9	Vitamin B2 (Riboflavin)	kg	4,4
10	Vitamin B6 (Pyridoxin Hydro Clorid)	kg	5,01
11	Pregnenolon Acetat	kg	48,14
12	Taurine	kg	469
13	L-Lysin Hydroclorid	kg	87,5
14	L-Carnitin Fumarat	kg	271,75
15	Chromium Picolinate mm	kg	400
16	Soy Isoflavones (40% Isoflavones)	kg	60
17	Mgo (Magnesi Oxyd)	kg	315
18	Magnesi Clorid ($MgCl_2 \cdot 6H_2O$)	kg	105,8
19	Kẽm Gluconat	kg	92,75
20	MSM (Methyl Sulfonyl Methane)	kg	240
21	Dầu Vẹm Xanh	kg	1
22	Acid Alpha Lipoic	kg	90
23	L- Arginin Hydroclorid	kg	84,6
24	Vitamin B5 (D-Calcium Pantothenate)	kg	46,8
25	Acid Folic	g	70
26	Ginkgo Biloba Extract CP (Chiết Xuất Bạch Quả)	kg	20
27	Nattokinase 20000 FU	kg	45,5
28	Dicalcium Phosphate Dihydrate	kg	646

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
29	DHA Powder 10%	kg	110
30	Coenzyme Q10	kg	3,75
31	Natri Succinat Hexahydrat	kg	292,7
32	Bacopa Monnieri Extract	kg	90
33	Calci Alginat	kg	223
34	Chitosan	kg	10
35	Fructose Oligosaccharide (FOS)	kg	254,3
36	Chiết Xuất Pine Bark (Pine Bark Extract)	kg	30
37	Selen Sinh Khối (Se 2000 ppm)	kg	9,46
38	Chiết Xuất Ginkgo Biloba (Ginkgo Biloba Extract)	kg	20
39	Bacillus Subtilis 1.5*10 ⁹ Cfù/G (Bacillus Subtilisvids 1.5B)	kg	400
40	Kali Clorid	kg	9,8
41	Lactobacillus Acidophilus (Lactophilusime)	kg	310
42	Lactobacillus Acidophilus 3.10 ¹⁰ Cfù/G (Lactophilusime)	kg	130
43	Lactobacillus Rhamnosus (Lactonosusime)	kg	50
44	Lactobacillus Rhamnosus 3.10 ⁹ Cfù/G (Lactonosusime)	kg	50
45	Lactobacillus Paracasei (Lactocasei IMC)	kg	60
46	Bột Trà Xanh Matcha	kg	250
47	Vitamin E 50% (Dạng Bột)	kg	12
48	Kẽm L-Carnosine	kg	38
49	Đồng Gluconate	kg	5,25
50	Chiết xuất Maca	kg	10
51	Chiết xuất tỏi (Garlic Extract Powder)	kg	60
52	Mangan Gluconat	kg	7,04
53	Chiết xuất hạt bí ngô	kg	30
54	Pylopass™	kg	100
55	Lactobacillus 3.10 ¹⁰ Cfù/G(L.Acidophilus-VIDS 30B)	kg	25
56	Immunebio	kg	50
57	Dimethylglycine (DMG)	kg	105
58	Vitamin C (Dạng Bao EC)	kg	12,5

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
59	Bột Cacao Code 200DP11	kg	300
60	Opadry Red AMB (Tá Dược Bao Màu Đỏ)	kg	43
61	Hương Vani Fl/3939	kg	150
62	Cồn 96 Độ	kg	15.744,3
63	HPMCE6 (Hydroxy Propyl Methyl Cellulose E6)	kg	160,87
64	Avicel (PH101)	kg	1.350
65	Aerosil	kg	314,11
66	Talcum (Talc Powder)	kg	107,95
67	Mg Stearate (Magnesium Stearate)	kg	103
68	Calci Gluconat Monohydrat	kg	761,1
69	Polyvinyl Pirolidone (PVP K30)	kg	279,77
70	Polyethylene Glycol 4000 (PEG4000)	kg	4,38
71	Starch Sodium Glycolat (DST)	kg	35
72	Magnesi Carbonat	kg	110
73	Calci Carbonat	kg	100
74	Titan Dioxit (Tio2)	kg	26,02
75	PVA - 205 (Polyvinyl Acohol-205)	kg	99,6
76	Glycin	kg	100
77	Ethyl Cellulose	kg	10,38
78	Polyethylene Glycol 6000U (PEG6000)	kg	16,08
79	Đường Kính (Sucrose)	kg	5.525
80	Manitol	kg	325
81	Lake Sunset Yellow Code VL104:1	kg	3,16
82	Lake Tartazine Yellow Code VL101:1	kg	8,89
83	Tween 80	kg	5,99
84	Conalake Brilliant Blue FCF	kg	1,54
85	Avicel (PH 102)	kg	1.053,5
86	Erythrosine Lake (Đỏ)	kg	1,7
87	CPC (Complex Protective Coating)	kg	388,05
88	Croscarmellose Sodium	kg	128
89	Nacmc (Sodium Carboxyl Methyl Cellulose)	kg	50

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
90	Acid Citric (Citric Acid Anhydrous BP2003 30-100 Mesh)	kg	30
91	Sucralose	kg	8,55
92	Lactose Monohydrat	kg	9976,1
93	Inulin	kg	250
94	Kem Thực Vật (Vana-Blanca 35 C Non Dairy Creamer)	kg	6.850
95	Đường Isomalt	kg	250
96	Tinh Bột Bắp (Maize Starch)	kg	1.405
97	Vỏ Nang	kg	2.060.000
98	Cao Trinh Nữ Hoàng Cung (Đ, N)	kg	250
99	Cao Nhọ Nồi (Đ, N)	kg	100
100	Cao Bạch Thược (Đ, N)	kg	50
101	Cao Hoàng Bá (Đ, N)	kg	50
102	Cao Diệp Cá (Đ, N)	kg	50
103	Cao Xạ Can (Rẻ Quạt) (Đ, N)	kg	25
104	Cao Tam Lăng	kg	50
105	Cao Thăng Ma (VNK)	kg	150
106	Cao Nụ Tam Thất (Đ, N)	kg	35
107	Cao Chi Tử (Dành Dành) (Đ, N)	kg	125
108	Cao Râu Mèo	kg	100
109	Cao Hải Trung Kim (Bồng Bồng) (Đ, N)	kg	50
110	Cao Dây Ký Ninh	kg	100
111	Cao Khổ Sâm Bắc (Đ, N)	kg	20
112	Cao Ích Mẫu (Đ, N)	kg	50
114	Cao Lá Dâu Tằm	kg	100
115	Cao Xuyên Khung (CK,C)	kg	53,25
116	Cao Đương Quy (CK,C)	kg	85,2
117	Cao Cỏ Lào (Đ, C)	kg	50
118	Cao Chỉ Thực (Đ, C)	kg	50
119	Cao Nhàu (PBK)	kg	120

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
120	Cao Nấm Chaga (Đ, N)	kg	10
121	Cao Nhàu (Đ, C)	kg	50
122	Cao Đương Quy (Đ,C)	kg	85

(Nguồn: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế)

- Than củi nhiên liệu phục vụ quá trình đốt lò hơi khoảng 125 tấn/năm.

Bảng 1.5: Thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hệ thống cô chiết xuất cao dược liệu	Bộ	02
2	Máy rửa dược liệu	Chiếc	01
3	Máy hút chân không	Chiếc	02
4	Máy nén khí	Chiếc	01
5	Bơm nước làm mát	Chiếc	03
6	Bơm cấp nước sạch	Chiếc	03
Danh mục máy móc thiết bị sản xuất BTP – TP thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung			
1	Máy phun sấy tầng sôi	Chiếc	01
2	Máy nhào ngang	Chiếc	01
3	Máy nhào cao tốc	Chiếc	01
4	Máy xay nguyên liệu	Chiếc	01
5	Máy xát hạt lắc	Chiếc	01
6	Máy trộn tá dược trơn	Chiếc	01
7	Tủ sấy dụng cụ	Chiếc	01
8	Máy đóng lọ	Chiếc	01
9	Tủ sấy 2 cửa (tiệt trùng)	Chiếc	01
10	Nồi pha chế	Chiếc	01
11	Máy hút chân không	Chiếc	01
12	Tủ sấy tĩnh	Chiếc	01
13	Máy đóng túi	Chiếc	01
14	Máy gấp đơn	Chiếc	01
15	Máy in nhãn	Chiếc	01
16	Máy dán lỵnon	Chiếc	01
Thiết bị phụ trợ chung			
1	Lò hơi	Chiếc	01

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
2	Điều hòa HVAC, máy nén khí	Chiếc	01
3	HT máy lọc nước RO	Chiếc	01

(Nguồn: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế)

1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước và nhu cầu sử dụng điện nước của cơ sở

1.4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện: Điện của nhà máy được lấy từ hệ thống điện lưới 110 KVA của KCN Quang Minh nằm bên ngoài nhà máy.

- Nhu cầu sử dụng điện tại nhà máy chủ yếu phục cho quá trình sản xuất, hệ thống xử lý nước thải, chiếu sáng,... với tổng lượng điện sử dụng vào khoảng 139.279,79 kWh/tháng.

- Lượng điện năng tiêu thụ thực tế hàng tháng của nhà máy từ tháng 01/2024 – 08/2024 theo hóa đơn tiền điện được thống kê trong bảng sau:

Bảng 1.6: Thống kê lượng điện sử dụng của cơ sở theo hóa đơn tiền điện thực tế tháng 01/2024 – 08/2024.

STT	Thời gian	Lượng điện tiêu thụ (kWh/tháng)
1	01/2024	127.292,33
2	02/2024	77.761,68
3	03/2024	133.407,20
4	04/2024	137.414,92
5	05/2024	159.661,81
6	06/2024	116.782,68
7	07/2024	176.070,72
8	08/2024	185.846,98
Lượng điện trung bình		139.279,79

(Nguồn: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế)

1.4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước

➤ Nhu cầu sử dụng nước theo lý thuyết:

- Nguồn cung cấp: Hệ thống cấp nước của KCN Quang Minh

- Mục đích sử dụng: Cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên, vệ sinh thiết bị nhà máy, nước cấp cho hoạt động sản xuất (rửa nguyên liệu, pha chế...), nước sử dụng tưới cây và sân nội bộ nhà máy.

Theo hoá đơn sử dụng nước sạch của nhà máy từ tháng 01/2024 đến tháng 08/2024, lượng nước sử dụng tại nhà máy hàng tháng được thống kê như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

Bảng 1.7: *Thống kê lượng nước cấp sử dụng của cơ sở theo hóa đơn tiền nước thực tế tháng 02/2024 – 08/2024.*

STT	Thời gian	Lưu lượng nước cấp (m ³ /tháng)	Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày)
1	Tháng 01/2024	1.797	60
2	Tháng 02/2024	1.351	45
3	Tháng 03/2024	1.997	67
4	Tháng 04/2024	1.926	64
5	Tháng 05/2024	1.935	65
6	Tháng 06/2024	2.203	73
Lưu lượng nước trung bình		1.868	62

(Nguồn: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế)

Như vậy, theo lưu lượng đồng hồ đo thực tế lượng nước sử dụng trung bình từ tháng 2/2024 đến tháng 8/2024 là khoảng 62 m³/ngày đêm.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Thông tin chung về cơ sở

Cơ sở “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế” có vị trí tại lô 42A2, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội với tổng diện tích đất sử dụng theo hợp đồng thuê đất số 103/2013/HDKT-ND khoảng 1.558,9 m². Quy mô các hạng mục công trình cụ thể:

Bảng 1.8: *Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở.*

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn
I	Hạng mục công trình chính			
1	Nhà xưởng (3 tầng)	m ²	820,76	2.290
II	Hạng mục công trình phụ trợ			
1	Nhà phụ trợ (để than củi, lò hơi)	m ²	70,8	70,8
2	Nhà nén khí và thay đồ	m ²	37,37	37,37
3	Nhà để máy nén khí, kho cơ điện, phòng thay đồ nhân viên	m ²	37,37	37,37
4	Nhà bảo vệ	m ²	4,75	4,75
5	Khu để xe cho CBCNV (tầng 1)	m ²	42,7	42,7
6	Bể xử lý nước thải	m ²	43,6	43,6
7	Đường nội bộ	m ²	384,65	384,65
8	Trạm bơm PCCC, bể ngầm	m ²	37,4	37,4

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn
9	Bể PCCC, nước sinh hoạt	m ²	44,5	44,5
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1	Khu lưu trữ CTNH và chất thải rắn	m ²	35	
2	Thùng chứa chất thải rắn thông thường và nguy hại	Thùng		
	Tổng		1.558,9 m²	

- Nhà xưởng sản xuất: Nhà xưởng sản xuất của cơ sở được xây dựng 03 tầng bằng bê tông cốt thép, ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường gạch, giữa các phòng ngăn cách bằng panel.

- Trạm bơm PCCC: Trạm bơm phòng cháy chữa cháy được xây dựng bằng bê tông cốt thép, được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường gạch, mái đổ bê tông.

- Bố trí khu lưu trữ tạm thời chất thải với diện tích 35 m², được phân 04 ngăn có diện tích bằng nhau: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, chất thải có thể tái chế. Khu được xây dựng bằng bê tông cốt thép, được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường gạch, mái được lợp bằng mái tôn.

1.5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện của Cơ sở

Tổ chức quản lý của cơ sở đang đi vào hoạt động ổn định với tổng cộng khoảng 50 nhân sự. Tùy vào tình hình kế hoạch sản xuất – kinh doanh của cơ sở, giám đốc quyết định cơ cấu nhân viên cho từng bộ phận.

Bảng 1.9: Tổ chức quản lý và thực hiện của Cơ sở.

STT	Chức vụ	Số lượng
1	Cán bộ quản lý	7
2	Nhân viên văn phòng	8
3	Công nhân sản xuất trực tiếp	35
	Tổng cộng	50

➤ **Chế độ làm việc:**

+ Công nhân sản xuất trực tiếp làm 8 tiếng/ca, ngày 1-3 ca tùy theo tình hình sản xuất thực tế, ít nhất 44 tiếng/tuần.

+ Nhân viên quản lý, nhân viên văn phòng sẽ làm việc theo giờ hành chính do đơn vị quy định.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 04 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 07 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

KCN Quang Minh được phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2808/QĐUBND ngày 31/07/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Phê duyệt QHCT Khu công nghiệp Quang Minh tại huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc - tỷ lệ 1/2000. Theo đó, Khu công nghiệp (KCN) Quang Minh có tổng diện tích 344,4 ha và được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt giao cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức (Công ty Nam Đức) thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN tại Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB, ngày 22/10/2004.

Về thu hút đầu tư doanh nghiệp thứ cấp: Hiện nay, Chủ đầu tư là Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức (Công ty Nam Đức) trực tiếp thu hút đầu tư, ký hợp đồng cho thuê lại đất với 47 DN thứ phát; còn lại 86 Doanh nghiệp trực tiếp thuê đất của Nhà nước (trước khi giao Công ty Nam Đức làm Chủ đầu tư). Tính đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ lấp đầy KCN đạt 100% diện tích. Các Doanh nghiệp trong KCN Quang Minh hoạt động ổn định, ngành nghề hoạt động đa dạng: Dược phẩm, linh kiện điện tử, cơ khí, đồ uống...Loại hình hoạt động của cơ sở được đánh giá là phù hợp với quy hoạch của KCN Quang Minh;

Hoạt động của cơ sở trong khu công nghiệp được đánh giá là phù hợp với chiến lược của thành phố Hà Nội nhằm tập trung các nhà máy, xí nghiệp để tập trung sản xuất, quản lý và hạn chế tối đa ảnh hưởng của sản xuất công nghiệp tới khu dân cư. Việc sản xuất công nghiệp tập trung cũng nhằm mục đích quản lý chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường của sản xuất công nghiệp, giúp dễ dàng xử lý tập trung hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình triển khai hoạt động, cơ sở đã thực hiện các thủ tục môi trường bao gồm:

- Cam kết bảo vệ môi trường số 309/TB-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Chiết xuất cao dược

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

liệu đạt tiêu chuẩn GMP” tại lô 42A2, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh.

- Công văn số 3533/UBND-TNMT ngày 26 tháng 06 năm 2017 của UBND huyện Mê Linh về việc chấp thuận điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế.

=> Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Trong quá trình vận hành của Cơ sở phát sinh nước thải sản xuất từ công đoạn chiết xuất cao dược liệu, sản xuất BTP – TP thực phẩm; nước thải sinh hoạt từ hoạt động của các cán bộ, công nhân viên trong nhà máy và nước mưa chảy tràn. Nước thải được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải với công suất 30 m³/ngày đêm trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN rồi xả ra ngoài môi trường theo phương thức tự chảy. Nước thải sau khi được xử lý đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B). Do vậy nước thải của Nhà máy sau xử lý không ảnh hưởng nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường khí

Căn cứ theo Báo cáo đã được xác nhận tại Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung số 309/TB-UBND ngày 25/11/2013 của UBND huyện Mê Linh, bụi và khí thải của Nhà máy chủ yếu phát sinh từ hoạt động sản xuất. Các nguồn khí thải này chỉ phát sinh ở mức nồng độ nhỏ, không vượt quá các quy chuẩn hiện hành.

Bên cạnh đó, chủ Cơ sở đã triển khai nhiều biện pháp tích cực như thực hiện vệ sinh công nghiệp thường xuyên và lắp đặt thêm hệ thống điều hoà trung tâm giúp điều hoà không khí, điều kiện vi khí hậu cho công nhân làm việc trong nhà máy. Đồng thời, nhà máy cũng trang bị 01 hệ thống xử lý khí thải dành riêng cho quá trình vận hành lò hơi. Khí thải sau xử lý đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép QCTĐHN 01:2014/BTNMT (Cột B).

Nhờ áp dụng đồng bộ các giải pháp này, quá trình sản xuất tại nhà máy không gây tác động tiêu cực đến môi trường không khí xung quanh.

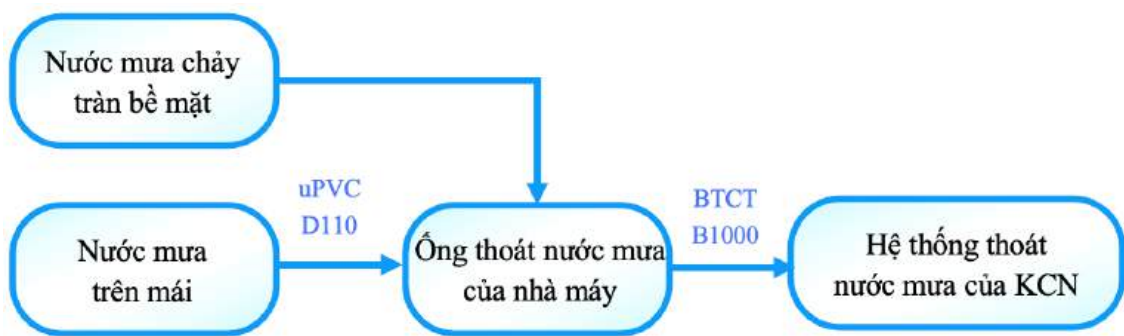
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở được xây dựng hoàn thiện 100% và tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.

Toàn bộ nước mưa chảy qua khu vực Cơ sở sẽ được thu gom bằng hệ thống thoát nước mưa đã được xây dựng xung quanh khu vực của nhà máy; dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ nhà máy và tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Quang Minh; cụ thể như sau:



Hình 1.6: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở

Nước mưa từ tầng mái của xưởng sản xuất được thu gom vào các máng và rãnh trên mái theo độ dốc và thu vào các sê nô, chảy xuống dưới cống qua hệ thống ống thu uPVC D110. Sau đó nước mưa chảy vào đường ống BTCT B1000 cùng với nước mưa chảy tràn của nhà máy thoát ra hệ thống thoát nước mưa của KCN Quang Minh theo đường ống BTCT B1000.

Bảng 3.1: Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa đã hoàn thành.

STT	Loại ống	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống uPVC D110	m	38
2	Ống BTCT B1000	m	398

3.1.2. Điểm xả nước mưa

- Vị trí: Tại lô 42A2, khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', vĩ tuyến 3°): X = 2344469, Y = 578759.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa của KCN Quang Minh.

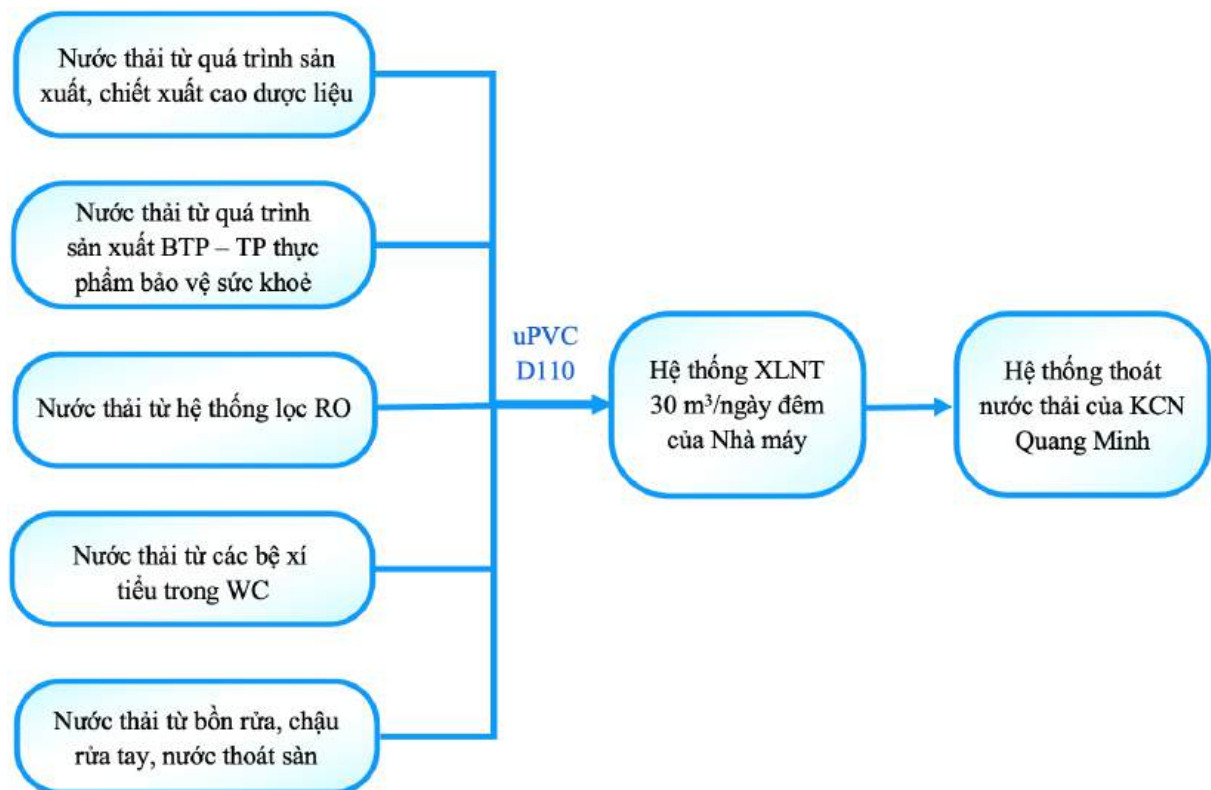


Hình 3.1: Vị trí điểm xả nước mưa của Cơ sở.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy được xây dựng tách biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.



Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của nhà máy.

Các nguồn phát sinh nước thải của Nhà máy bao gồm các khu vực sau:

- Nguồn số 1: Nước thải từ quá trình sản xuất, chiết xuất cao dược liệu.

- Nguồn số 2: Nước thải từ quá trình sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Nguồn số 3: Nước thải từ hệ thống lọc RO.

- Nguồn số 4: Nước thải từ các bể xí, tiểu trong WC.

- Nguồn số 5: Nước thải từ các bồn rửa, chậu rửa tay và nước thoát sàn.

Nước thải phát sinh từ nguồn số 1 đến nguồn số 5 của nhà máy sẽ được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối giữa Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế và Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức trước khi xả ra ngoài hệ thống thoát nước thải của KCN Quang Minh.

- Hệ thống thu gom nước thải từ các quá trình sản xuất, chiết xuất cao dược liệu, nước thải từ quá trình sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe; nước thải từ hệ thống lọc RO:

+ Khu vực sản xuất, chiết xuất cao dược liệu; sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe; lọc nước RO. Nước thải từ quá trình sản xuất, lọc nước RO được thu gom theo đường ống uPVC D110, sau đó nước thải chảy theo trục kỹ thuật ra đường ống uPVC D140 và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm.

- Hệ thống thu gom nước thải từ các bể xí, tiểu trong WC; nước thải từ các bồn rửa, chậu rửa tay và nước thoát sàn của nhà máy:

+ Nước thải từ các bể xí, tiểu WC tầng 2, tầng 3 của Nhà máy được thu gom bằng đường ống uPVC D110 theo trục kỹ thuật về bể tự hoại, nước thải từ bể tự hoại tự chảy ra đường ống uPVC D140 và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm.

+ Nước thải từ các bồn rửa, chậu rửa tay và nước thoát sàn tại tầng 1, tầng 2, tầng 3 được thu gom bằng đường ống D110, sau đó nước thải chảy ra đường ống uPVC D140 và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm.

Thống kê khối lượng hệ thống thu gom thoát nước thải của Cơ sở được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 3.2: Khối lượng đường ống hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở

STT	Vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	uPVC D110	m	65
2	uPVC D140	m	215

3.1.2.2. Công trình thoát nước thải

Chủ cơ sở đã xây dựng tuyến ống uPVC D140 chiều dài 70m dẫn nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải ra hệ thống thoát nước thải của KCN Quang Minh thông qua 01 điểm xả duy nhất.



Hình 3. 3: Hướng nước chảy sau xử lý của Cơ sở.

3.1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí: Tại lô 42A2, khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°): X = 2344466, Y = 578758.
- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải của KCN Quang Minh.



Hình 3.4: Vị trí xả nước thải sau xử lý của Cơ sở.

3.1.3. Xử lý nước thải

3.1.3.1. Xử lý nước thải sơ bộ trước khi vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung

a) Xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ

Nước thải từ khu vực sản xuất tầng 1, tầng 2, tầng 3 có kèm theo váng mỡ, cặn bẩn, rác nhỏ,.. nếu không được xử lý trước khi thải vào hệ thống thoát nước, sẽ làm ách tắc hệ thống, làm tốn nhiều chi phí cho việc khắc phục và ảnh hưởng xấu đến môi trường. Do đó, bể tách dầu mỡ được sử dụng với chức năng: lọc rác thải trực tiếp trước khi đưa nước thải vào ống thoát nước, tách dầu mỡ với nước.

Hoạt động của bể tách mỡ theo nguyên lý 3 bước:

- Ngăn đầu tiên có sọt đựng để giữ lại những rác thải rắn còn sót chảy vào đường

ống, đặc biệt là những chất thải lớn tránh gây tắc ống thoát.

- Hộp đựng và phân tách dầu mỡ được thiết kế để thích ứng với lượng nước để lọc được hiệu quả tốt nhất. Nước thải lẫn mỡ thừa lần lượt chảy qua các ngăn. Mỡ nhẹ hơn nên sẽ nổi lên trên, để nước đã được lọc bớt chảy ra ngoài. Khác với đường ống dẫn khó vệ sinh, bể tách mỡ có nắp đậy và các vách ngăn tháo rời rất tiện lợi.

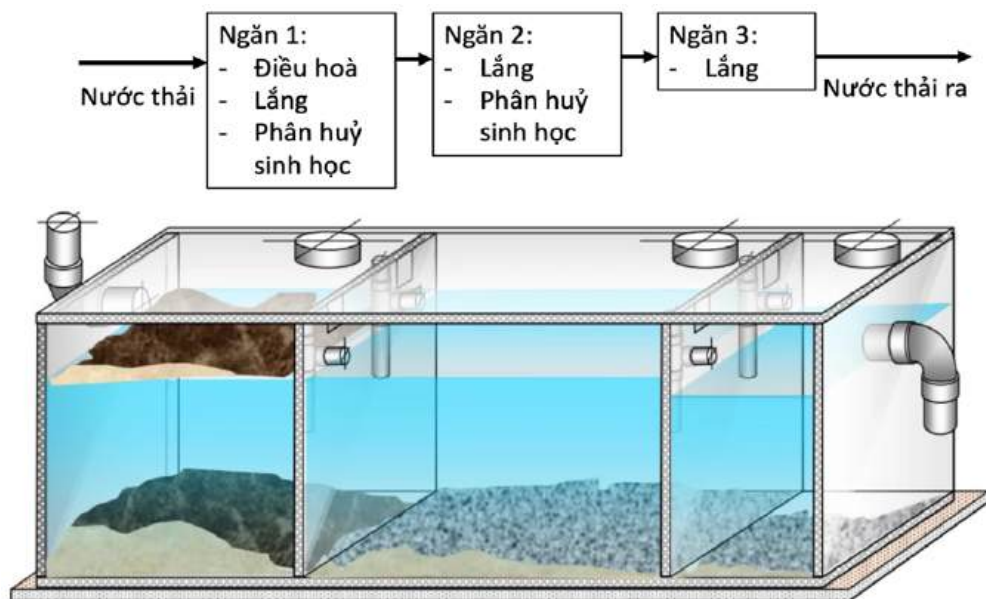
- Mỡ và chất bẩn lúc tách ra được giữ lại bên trong thùng, sau đó chất bẩn này sẽ được lấy ra từ thùng lọc và đem đi xử lý theo đúng quy định.

Nước thải sau bể tách mỡ tự chảy về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải thực hiện các bước xử lý tiếp theo.

Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 bể tách mỡ kết hợp với bể tách rác dung tích 4,4 m³ tại khu vực phía Bắc của nhà máy.

b) Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải từ các bệ xí tiểu trong WC được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ trước khi chảy về hệ thống XLNT tập trung.



Hình 3.5: Sơ đồ nguyên lý xử lý nước thải bể tự hoại ba ngăn.

Tại bể tự hoại 03 ngăn sẽ làm giảm nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải và tăng hiệu quả xử lý tại công đoạn tiếp theo ở hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở. Bể tự hoại 03 ngăn là công trình làm đồng thời các chức năng: lắng nước thải, lên men cặn lắng và phân huỷ cặn lắng. Nước thải sinh hoạt được đưa vào ngăn thứ nhất của bể có vai trò làm bể chứa lên men kỵ khí đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn có trong dòng thải. Nhờ các vị trí ống dẫn, nước thải chảy qua bể lắng theo chiều chuyển động từ dưới lên trên, tiếp xúc với vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch nước thải và ngăn cản các chất lơ lửng trôi ra theo dòng nước.

Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại sau chu kỳ khoảng 3-6 tháng sẽ bị phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí. Cuối cùng các chất hữu cơ bị phân hủy thành khí và một phần các chất vô cơ dạng muối tan. Với thời gian đủ dài, xử lý bằng bể tự hoại có hiệu quả xử lý khá cao.

Hiện chủ Cơ sở đã xây dựng 01 bể tự hoại được bố trí tại khu nhà vệ sinh tầng 1 thu gom nước thải nhà vệ sinh tầng 1 và tầng 3 của nhà máy thể tích xây dựng 4 m³ (kết cấu bê tông cốt thép, thể tích chứa 3,8 m³).

Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý sơ bộ sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại như sau:

Bảng 3.3: Nồng độ các chất ô nhiễm sau khi qua bể tự hoại.

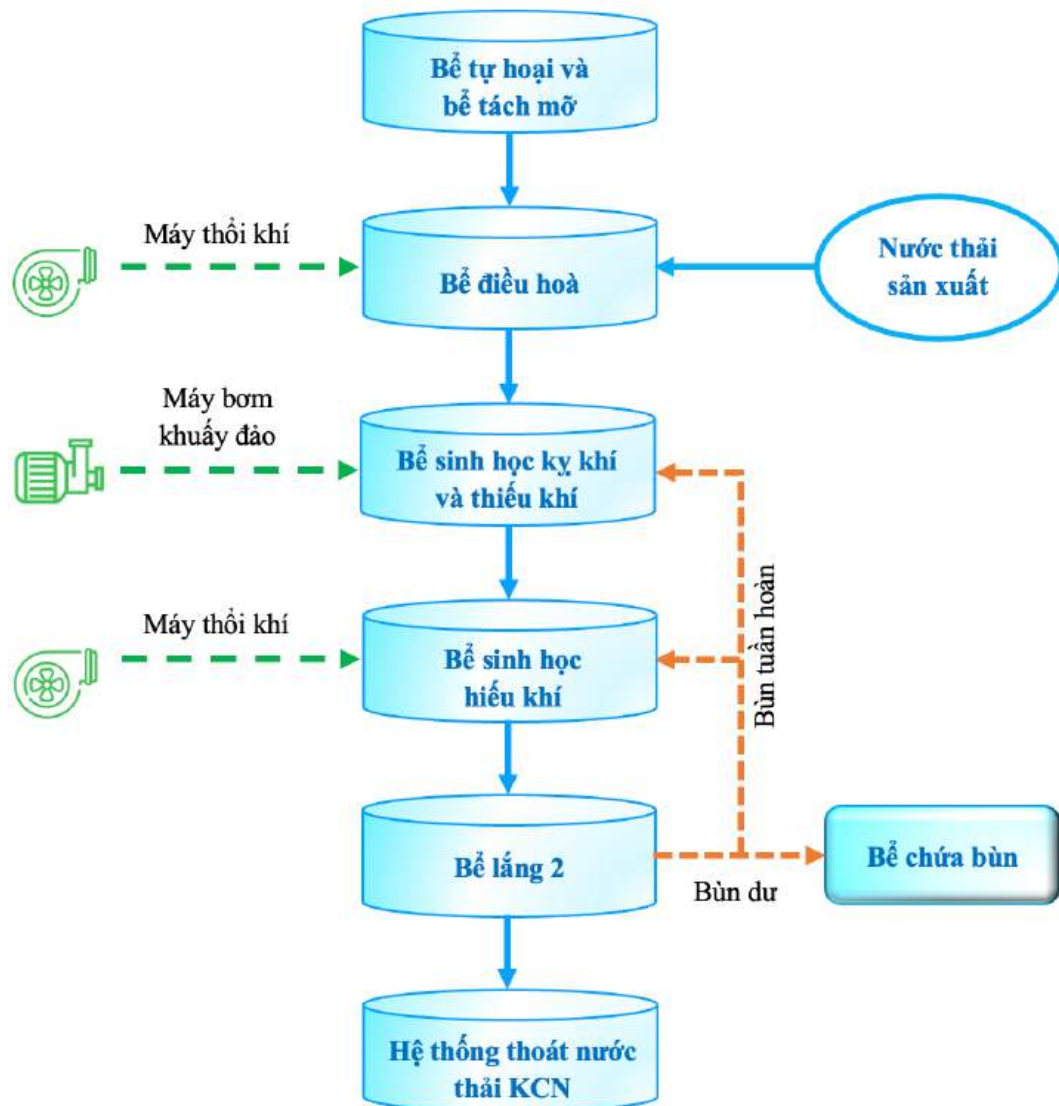
STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ
1	pH	7,0-8,1
2	Kiểm, mg/l	300-400
3	Cặn lơ lửng (TSS), mg/l	40-90
4	Cặn lơ lửng bay hơi (VSS), mg/l	36-60
5	BOD ₅ , mg/l	90-160
6	COD, mg/l	323
7	Amoni, mg/l	14-27
8	Tổng P, mg/l	18-20
9	Coliform, con/100ml	106

[Nguồn: Nguyễn Việt Anh(2018)- Bể tự hoại, NXB xây dựng]

3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày đêm của Nhà máy

Nhằm đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư, công nghệ xử lý nước thải và phương án thiết kế được lựa chọn phải đáp ứng được các yêu cầu về xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải, phù hợp với điều kiện thực tế mặt bằng khu vực; tối ưu hóa phương án vận hành; chi phí đầu tư, chi phí vận hành, bảo trì bảo dưỡng thấp. Ngoài ra, hệ thống phải ổn định và có độ tin cậy cao, đáp ứng được những biến động khi có sự cố về chất lượng và lưu lượng nước thải từ nguồn phát thải. Chính vì những điều này, Công ty CPĐT Phát triển Hạ tầng và Kỹ thuật Môi trường Nucetech đã lắp đặt công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp lọc kỵ khí kết hợp hiếu khí với giá thể vi sinh ngập nước cho trạm xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm.

a) Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung của Nhà máy công



Hình 3.6: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

Bước 1: Xử lý sơ bộ ở bể điều hòa

Nước thải từ bể phốt, nước thải sản xuất chảy vào hệ thống thu gom nước thải. Trước khi vào bể điều hòa được cho qua hộp lọc và tách rác thô để loại bỏ hết các loại rác lớn có kích thước lớn

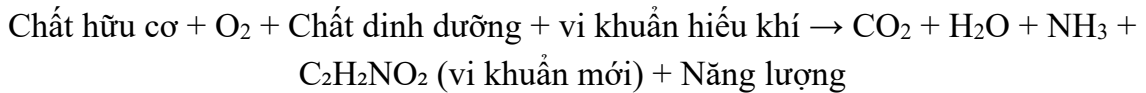
Bước 2: Ngăn lọc sinh học kỵ khí

Bể lọc kỵ khí được khuấy trộn bằng máy bơm khuấy giúp tăng cường khả năng khuấy trộn và xử lý kỵ khí. Trong bể này có bố trí các giá thể vi sinh để tăng cường khả năng xử lý kỵ khí và chống sốc cho bể kỵ khí.

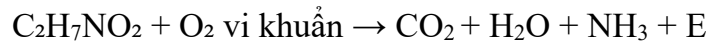
Bước 3: Ngăn xử lý sinh học hiếu khí

Nước thải được đưa vào bể lọc sinh học hiếu khí, với giá thể vi sinh ngập nước. Tại đây bể được cấp khí nhằm cung cấp ôxy cho quá trình hô hấp, phân giải các chất hữu cơ của vi khuẩn hiếu khí. Màng vi sinh vật hình thành trên bề mặt các khối giá thể vi sinh cố định cho phép đạt hiệu suất hấp thụ, chuyển hóa chất bẩn trong nước thải cao, với nhu cầu năng lượng thấp và thể tích bể nhỏ. Dòng tuần hoàn nước về ngăn lọc kỵ

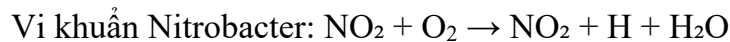
khí và ngăn Anoxic cho phép xử lý Nito, Photpho và dễ kiểm soát Hệ thống Bể xử lý sinh học có tác dụng là xử lý các thông số COD, BOD, Phốt pho đồng thời khử Nitơ với quá trình Nitrification - Denitrification ngoài ra còn phân hủy một số hợp chất khác thể hiện như sau: Nước thải từ bể điều hoà lắng sơ bộ cùng với bùn hoạt tính tuần hoàn từ bể tách bùn vào bể điều hoà và vào bể xử lý sinh học. Nồng độ bùn hoạt tính từ 2.000 - 3.000 mg/l và nồng độ bùn tuần hoàn từ 4000 – 5000 mg/l. Nồng độ bùn hoạt tính càng cao, khả năng xử lý BOD của bể càng lớn. Oxi được cung cấp bằng máy thổi khí và hệ thống phân phối khí từ đáy bể có hiệu quả khuếch tán oxi vào trong nước thải cao tạo điều kiện cho vi sinh vật sử dụng để ôxi hoá nước thải. Phương trình phản ứng:



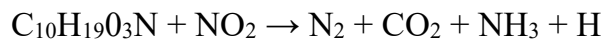
Quá trình hô hấp nội bào là quá trình ôxi hoá hùn (vi khuẩn) được thể hiện bằng phương trình sau:



Bên cạnh quá trình phân giải các chất hữu cơ thành CO₂ và H₂O, vi khuẩn hiếu khí Nitrosomonas và Nitrobacter còn ôxi hoá NH₃ thành Nitrit và cuối cùng thành Nitrat. Các phương trình phản ứng như sau:



Trong bể xử lý sinh học cũng diễn ra quá trình khử nitơ (denitrification) từ nitrat thành phân nitơ dạng khí N, đảm bảo nồng độ nitơ trong nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường. Quá trình sinh học khử nitơ liên quan tới quá trình OXH sinh học của nhiều cơ chất hữu cơ trong nước thải sử dụng Nitrat hoặc Nitrit như chất nhận điện tử thay vì dùng ôxi. Trong điều kiện không có ôxi hoặc ôxi dưới 2 mg/l diễn ra phản ứng khử nitơ:



Quá trình chuyển hoá này được thực hiện bởi vi khuẩn nitrat chiếm khoảng 10 - 80% khối lượng vi khuẩn trong bùn hoạt tính. Tốc độ khử nitơ đặc biệt dao động 0,04 đến 0,42 gN-NO₂/g MLSS.ngày, tỉ số F/M càng cao thì tốc độ khử Nitơ càng lớn.

Dưới đây bể xử lý sinh học hiếu khí có lắp hệ thống phân phối khí bọt mịn dạng ống của hãng Longtech. Hệ thống phân phối khí này có ưu điểm là cho bọt khí mịn nên hàm lượng oxy hấp thụ trong nước rất cao giúp cho VSV phát triển mạnh. Bên trong bể có thả các giả thể vi sinh mật độ cao để tạo môi trường cho các VSV đính bám sinh sống và chống sốc cho hệ thống. Nhằm tăng cường mật độ vi sinh trong bể.

Hệ thống cấp không khí cho bể xử lý sinh học được cấp bởi máy thổi khí thông qua hệ thống đường ống công nghệ. Máy thổi khí được đặt trên nắp bể và có lắp đặt ống tiêu âm, hệ thống thông khí đầy đủ, đảm bảo việc cấp khí an toàn và không bị ngập nước và ẩm ướt.

Bước 4: Xử lý bùn

Bùn được sinh ra từ bể lắng bùn sơ bộ và bùn sinh ra từ quá trình xử lý sinh học ở bể lắng thứ cấp và tách bùn được bơm về bể điều hòa để xử lý bùn nhờ quá trình xử lý kỵ khí và phân hủy bùn. Lượng bùn dư định kỳ từ 6-8 tháng được thuê đơn vị quản lý môi trường hút đi. Đặc biệt có 1 số công trình 03 năm vẫn chưa phải hút bùn do bùn thải tự phân hủy hết.

Bước 5: Lắng cặn

Nước thải từ bể hiếu khí chảy tự do sang bể lắng và tách bùn cặn lơ lửng ra khỏi nước. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường tiếp nhận.

b) Hiệu quả của công trình xử lý nước thải tại Cơ sở

Hiệu suất xử lý nước thải tại từng công đoạn xử lý được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3.4: Hiệu suất xử lý nước thải tại các công đoạn xử lý

Công đoạn	Công trình đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Trước xử lý	Hiệu suất (%)	Sau xử lý
Xử lý sơ bộ	Bể điều hòa	BOD ₅	mg/l	325	5%	308,75
		TSS	mg/l	182	5%	172,9
		NH ₄ ⁺	mg/l	50	0%	50
		PO ₄ ³⁻	mg/l	8	0%	8
		Dầu mỡ	mg/l	50	80%	10
		Coliform	MPN/100ml	100.000	0%	100.000
Xử lý sinh học	Bể kỵ khí Bể thiếu khí Bể hiếu khí Bể lắng	BOD ₅	mg/l	308,75	87%	40,13
		TSS	mg/l	172,9	80%	34,58
		NH ₄ ⁺	mg/l	50,0	84%	8,0
		PO ₄ ³⁻	mg/l	8,0	70%	2,4
		Dầu mỡ	mg/l	10,0	0%	10,0
		Coliform	MPN/100ml	100.000	0%	100.000

[Nguồn: Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải]

c) Các thông số kỹ thuật cơ bản của các khối bể xử lý và danh mục các máy móc thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải

Các thông số kỹ thuật cơ bản của các khối bể xử lý và danh mục các máy móc thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm của Nhà máy được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 3.5: Thông số kỹ thuật các bể xử lý

TT	Danh mục	Số lượng	Kích thước (Dài x Rộng x Cao)	Kết cấu	Năm đầu tư
1	Bể tiếp nhận	01 bể	2,2m x 1m x 2m	Bê tông cốt thép	2015
2	Bể điều hòa	01 bể	2,5m x 2m x 2m		
3	Bể kỵ khí	01 bể	1,5m x 2m x 2m		

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”*

TT	Danh mục	Số lượng	Kích thước (Dài x Rộng x Cao)	Kết cấu	Năm đầu tư
4	Bể hiếu khí	01 bể	6m x 2m x 2m	Bê tông cốt thép	2015
5	Bể lắng	01 bể	2m x 2m x 2m		
6	Bể chứa bùn	01 bể	2m x 1m x 2m		

Bảng 3.6: Thông số thiết bị hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên thiết bị	Thông số thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất
1	Máy bơm nước thải đặt chìm	- Lưu lượng: Q= 3-8 m ³ /h - Cột áp: 9.5-2m - Công suất: 0,55 kw - Tốc độ: 2.900 rpm - Nguồn điện: 220V/50Hz/1pha	bộ	02	Pedrollo/Italy
2	Rọ chắn rác, song chắn rác	Inox SUS 304	bộ	01	NucetechE/ Việt Nam
3	Máy bơm bùn đặt chìm	- Lưu lượng: 3-8 m ³ /h - Cột áp: 9.5 - 2m - Công suất: 0,55 kw - Tốc độ: 2.900 rpm - Nguồn điện: 220V/50Hz/1pha	bộ	03	Pedrollo/Italy
4	Đĩa phân phối khí	- Lưu lượng: 0 - 9,5 m ³ /h - Cột áp: 10,5 - 1m	cái	20	EDI/Mỹ
5	Máy thổi khí	- Lưu lượng: 2 m ³ /phút - Cột áp: 2,5 m - Công suất: 1,5 kw - Nguồn điện: 380V/50Hz	bộ	02	Hanghae/ Hàn Quốc
6	Đệm vi sinh kỵ khí	- Kích thước đệm: 500 – 1.000mm - Diện tích bề mặt đệm: 150 – 200 m ² /m ³	m ³	04	NucetechE/ Việt Nam
7	Tấm đệm lắng	//	m ³	4	NucetechE/ Việt Nam
8	Máy bơm định lượng	- Lưu lượng: 20l/h - Cột áp: 15m	bộ	1	Italy
9	Đệm vi sinh lơ lửng	//	m ³	6	NucetechE/

TT	Tên thiết bị	Thông số thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Hãng sản xuất
					Việt Nam

d) Định mức tiêu hao điện năng

Định mức tiêu hao điện năng trong quá trình vận hành Trạm xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm là: 20,67 KW/ngày.

e) Quy trình và hướng dẫn vận hành hệ thống XLNTTT

❖ Các bước chuẩn bị trước khi bắt đầu vận hành hệ thống

- Kiểm tra tất cả các thiết bị của hệ thống.
- Kiểm tra còi báo và giải quyết sự cố (nếu có).
- Kiểm tra dòng, cách điện máy thổi khí, máy khuấy chìm, bơm chìm.
- Kiểm tra chế độ đóng mở các van của bơm, máy thổi khí,...
- Kiểm tra vệ sinh giỏ rác, vệ sinh và kiểm tra hoạt động của phao báo mức nước.
- Kiểm tra mực nước trong bồn so với cánh khuấy (không để máy khuấy hoạt động không tải).
- Kiểm tra tình trạng bùn nổi trong bể lắng, vớt bùn nếu có hiện tượng bùn bị nổi.
- Kiểm tra điện, nước cấp cho hệ thống.

Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống theo những bước sau:

❖ Các bước khởi động hệ thống (áp dụng khi hệ thống mới khởi động lần đầu hoặc khởi động trở lại sau khi dừng một thời gian dài)

- Cấp điện cho các thiết bị.
- Các bơm hóa chất đều bật sang chế độ “A”.
- Các máy thổi khí, máy khuấy trộn chìm, các bơm chìm, bơm tuần hoàn cạn đều bật sang chế độ “A”. Các thiết bị này luôn ở chế độ “A” ngay cả khi hệ thống dừng vì không có nước thải, chỉ dừng lại để bảo trì hoặc sửa chữa hoặc dừng hệ thống trong thời gian dài.
- Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết.
- Trong thời gian đầu khởi động lại hệ thống không nên xả bùn từ bể lắng, vì lúc này bùn chưa đủ để xử lý. Thông thường sau 02 tháng khởi động lại thì hệ thống mới có bùn dư cần xả.

❖ Các bước vận hành hệ thống (áp dụng hàng ngày, khi dừng bơm nước thải sau mỗi ngày hoặc khi hệ thống bị mất điện)

- Cấp điện cho các thiết bị đang bị ngắt điện.
- Các bơm hóa chất đều bật sang chế độ “A”.

- Các máy thổi khí, máy khuấy trộn chìm, các bơm chìm, bơm tuần hoàn đều bật sang chế độ “A”.

- Kiểm tra và vệ sinh rọ rác nếu thấy bị tắc.

- Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết.

- Hàng ngày, cần kiểm tra thể tích bùn ở bể hiếu khí để quyết định xả bùn đi hay nạp thêm cơ chất cho vi sinh vật. Cách thức kiểm tra SV30 như sau: dùng ống đong 1000ml có khắc vạch mỗi 100ml, cho nước trong bể hiếu khí đã được đảo trộn vào đến vạch 1000ml rồi để trong 30 phút, sau đó đọc thể tích bùn chiếm được. Nếu thể tích trong 30 phút > 250ml thì tiến hành xả bùn dư về bể chứa bùn. Thời gian xả bùn khoảng 1ph, sau đó kiểm tra lại SV30 1 lần nữa sau khi xả, nếu thể tích bùn vẫn > 250ml thì tiếp tục lặp lại bước trên đến khi thể tích bùn xuống dưới giá trị 250ml.

❖ *Ghi chép theo dõi hoạt động & lưu giữ số liệu của hệ thống hàng ngày*

Liên tục theo dõi lưu lượng và thành phần nước thải hàng ngày và ghi chép các thông số lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của Trạm tại sổ nhật ký vận hành. Nhật ký vận hành Trạm phải được ghi chép đầy đủ các thông số bao gồm: lưu lượng nước đầu vào và đầu ra theo đồng hồ đo lưu lượng thực tế, lượng hóa chất đã sử dụng trong ngày và các sự cố (nếu có). Nhật ký vận hành Trạm là căn cứ giúp nhân viên vận hành

Trạm theo dõi, giám sát và kịp thời phát hiện những sự cố để nhanh chóng khắc phục, đưa hệ thống XLNT vận hành ổn định và hiệu quả.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của Nhà máy chủ yếu từ hoạt động của máy phát điện; hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi; hoạt động của giao thông vận tải ra vào; phòng thí nghiệm sản phẩm; mùi hôi từ khu vực tập kết, lưu trữ rác thải. Do đó, đối với các nguồn phát sinh trên Chủ cơ sở sẽ sử dụng một số biện pháp xử lý nhằm giảm thiểu các động tiêu cực gây ra, cụ thể như sau:

a) Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

- Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe trong khuôn viên nhà máy hợp lý, phương tiện ra vào phải đúng theo quy định hướng dẫn của người quản lý, các xe máy khi vào bãi để xe phải tắt máy.

- Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện vận chuyển.

- Nhân viên vệ sinh quét dọn sân đường để hạn chế cát, bụi trên mặt đường tần suất ít nhất 01 ngày/lần.

- Thường xuyên tưới nước để rửa sân đường, cây xanh để hạn chế bụi, giữ cho môi trường xung quanh Cơ sở sạch sẽ, thoáng mát.

b) Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng

Chủ cơ sở đã đầu tư 01 máy phát điện được đặt tại phòng kỹ thuật của nhà máy, xa khu vực làm việc, xây dựng kiên cố; máy được đặt trong phòng xây dựng kín, kiên

cổ, nền được gia cố bê tông, có lắp thiết bị giảm âm, chống rung, chống ồn. Máy phát điện tại cơ sở thường xuyên được bảo trì và bảo dưỡng để hạn chế tối đa lượng khí thải ô nhiễm phát sinh và khí thải đáp ứng đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

c) Đối với khí thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

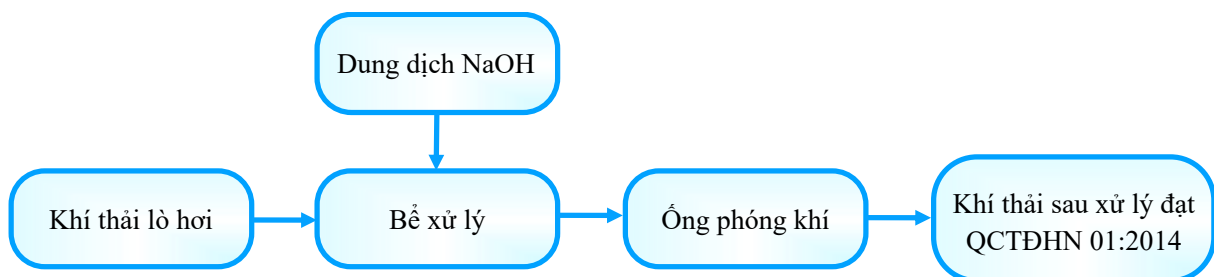
Chủ cơ sở đã xây dựng và đi vào vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải lò hơi 2,5 tấn hơi/h, công suất 14.000 m³/h.

Thông tin chi tiết về hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi như sau:

- Chức năng: Xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống lò hơi bằng phương pháp hấp thụ, đảm bảo đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải của lò hơi đốt sinh khối như sau:

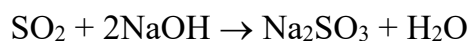
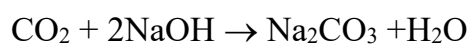
Khí thải lò hơi đốt than củi → Bể đập bụi (sử dụng nước + NaOH 1%) → Ống khói cao 12m → Khí thải ra ngoài môi trường đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p=1$, $K_v=0,9$).



Hình 3.7: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bụi, khí thải lò hơi.

- Thuyết minh quy trình công nghệ:

Trong quá trình vận hành lò hơi đốt than củi, khí thải sinh ra chứa các chất ô nhiễm như bụi, CO₂, SO₂ và các hợp chất khác gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người. Để giảm thiểu tác động này, khí thải được dẫn vào bể xử lý có chứa dung dịch NaOH 1% để trung hoà các khí có tính axit như SO₂ và CO₂ theo các phản ứng hoá học:



Ngoài việc trung hoà khí thải, hệ thống xử lý còn giúp loại bỏ bụi hiệu quả. Khi khí thải đi qua bể, các hạt bụi tiếp xúc với dung dịch NaOH và hơi nước, tạo điều kiện cho chúng kết dính, tăng trọng lượng và lắng dần xuống đáy bể. Quá trình này góp phần giảm thiểu đáng kể lượng bụi phát tán ra môi trường, nâng cao hiệu quả xử lý khí thải.

Sau khi qua bể xử lý, khí thải tiếp tục được dẫn qua ống phóng khí và thải ra môi trường, đảm bảo đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công

nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p=1$, $K_v=0,9$).

Để duy trì hiệu quả xử lý, dung dịch NaOH 1% được bổ sung định kỳ với tỷ lệ 10kg/tháng. Lượng nước trong bể cũng được giám sát thường xuyên, bổ sung định kỳ để đảm bảo quá trình xử lý diễn ra liên tục và ổn định.

Bùn thải lắng cặn tại bể xử lý được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải theo đúng quy định theo thời gian định kỳ 06 tháng/lần.

Bảng 3.7: Thiết bị, cấu tạo hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi

TT	Thiết bị, vật tư	Chức năng	Cấu tạo	Số lượng	Năm đầu tư
1	Bể xử lý khí thải	Xử lý bụi, các chất ô nhiễm	Cấu tạo bê tông cốt thép dung tích khoảng 6 m ³	01	2016
2	Ống khói	Phát thải khí sau khi đã được xử lý	D = 0,8 m; H = 12 m.	01	
3	Quạt hút	Khắc phục trở lực của khí thải trên đường dẫn khói từ lò đến ống khói	- Lưu lượng xả khí thải của lò hơi công suất 2,5 tấn/h là: 14.000 m ³ /h. - Công suất: 11 kW.	01	

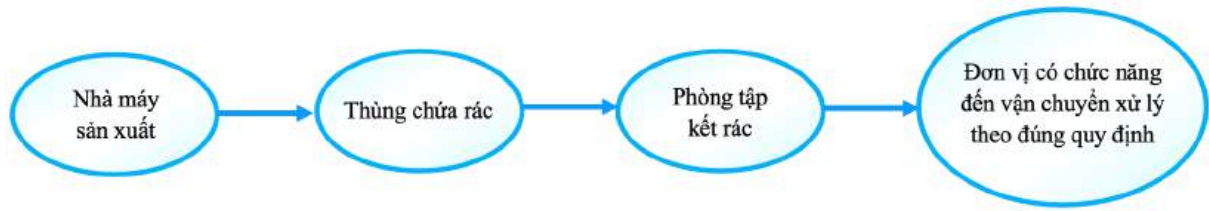
[Nguồn: Thuyết minh hệ thống xử lý khí thải của Cơ sở]



Hình 3.8: Hệ thống xử lý khí thải từ lò hơi đốt củi.

3.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Sơ đồ minh họa thiết bị, công trình và biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường phát sinh tại Nhà máy như sau:



Hình 3.9: Sơ đồ thu gom, quản lý CTR thông thường của Nhà máy.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng thu gom số 20240101.01/HĐKT/IMC-MTĐTQB với Công ty CP Thương mại và Môi trường Quốc Bình, thu gom xử lý toàn bộ rác thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường của nhà máy.

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Thành phần và khối lượng:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực hoạt động của cơ sở.

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: Các loại giấy bao gói, túi nilon đựng đồ ăn và thức ăn thừa của công nhân và các loại chất thải rắn khác không phát sinh từ quá trình sản xuất của nhà máy (Phần lớn lượng chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là các loại rác thải hữu cơ phát sinh tại khu vực nhà bếp của nhà máy).

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng số lượng 50 người bao gồm người lao động và cán bộ quản lý thường xuyên tại nhà máy với mức thải trung bình 1,3 kg/người/ngày (Thuộc đô thị loại đô thị đặc biệt QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng).

=> Tổng khối lượng chất thải phát sinh lớn nhất từ cơ sở là:

$$Q_{CTRS} = 0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 50 \text{ người} = 25 \text{ kg/ngày} = 9,13 \text{ tấn/năm}.$$

Thực tế hiện tại cơ sở đang hoạt động sản xuất với 50 cán bộ công nhân viên, phát sinh khoảng 12 kg/ngày.

b) Công trình, biện pháp lưu trữ và xử lý

Việc lưu trữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong nhà máy được tuân theo nguyên tắc: “phân loại tại nguồn” nhằm hướng ứng chủ trương bảo vệ môi trường “chất thải rắn là tài nguyên”.

Tại các khu vực văn phòng và xưởng sản xuất, Nhà máy đã bố trí các thùng rác nhựa, có nắp đậy dung tích từ 40 – 180 lít để chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hàng ngày, lượng chất thải rắn phát sinh sẽ được công nhân gom lại bằng các xe rác chuyên dụng dung tích 500 lít và tập kết và nhà kho lưu chứa tập trung của Nhà máy.

Kho lưu chứa, tập kết CTR sinh hoạt của Nhà máy có diện tích khoảng 7,8 m² nằm góc phía Tây Nhà máy. Kho lưu chứa có kết cấu bê tông cốt thép, ngăn cách với

khu vực xung quanh bằng tường gạch, nền được đổ bê tông dày 100mm. Tại cửa kho có dán biển báo, bên trong được bố trí các thùng chứa rác chứa riêng các loại rác hữu cơ và rác thải sinh hoạt khác.

Định kỳ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được chuyển giao lại cho đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần Thương mại và Môi trường Quốc Bình) đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (*hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục 1.1 của báo cáo*).

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp

3.3.2.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thành phần và khối lượng

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy chủ yếu là bã được liệu phát sinh từ quá trình sản xuất chiết xuất cao dược liệu. Bã được liệu tùy theo khối lượng phát sinh chủ cơ sở bàn giao cho Công ty CP Thương mại và Môi trường Quốc Bình thu gom vào xử lý theo quy định của nhà nước.

b) Công trình, biện pháp lưu trữ và xử lý

Bã được liệu của Cơ sở được thu gom, lưu chứa tạm thời bằng các bao tải dựa dung tích từ 50 kg đến 150 kg. Hàng ngày, công nhân phụ trách vệ sinh môi trường sẽ thu gom và vận chuyển bã được liệu đến khu vực lưu chứa tạm thời của nhà máy nằm ở góc phía Tây Nhà máy có kết cấu bê tông cốt thép, ngăn cách xung quanh bởi tường gạch, nền đổ bê tông với tổng diện tích khoảng 27 m².

Lượng chất thải tại kho lưu chứa tạm thời này sẽ được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Thương mại và Môi trường Quốc Bình thu gom và xử lý (*theo hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục 1.1 của báo cáo*).

Bảng 3.8: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường của Cơ sở.

STT	Loại CTRCNTT	Nguồn phát sinh	Thời gian	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
01	Bã dược liệu	Quá trình sản xuất chiết xuất cao dược liệu	Năm 2022	2,04
			Năm 2023	431,2
Tổng khối lượng phát sinh trung bình (tấn/năm)				433,24
Khối lượng dự kiến phát sinh lớn nhất (tấn/năm)				450

3.3.2.2. Chất thải rắn khác

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở ngoài chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp, Cơ sở còn phát sinh khối lượng bùn cặn từ một số công trình thu gom thoát nước mưa, nước thải, bể tự hoại và bể tách mỡ.

a) Bùn thải từ hệ thống thu gom thoát nước mưa

Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống thu gom thoát nước mưa của cơ sở phát sinh khi thực hiện nạo vét hệ thống thoát nước định kỳ. Dự tính khối lượng bùn cần phát sinh được xác định theo công thức sau:

$$M = M_{\max} \times [1 - \exp(-k_z \times T)] \times F \text{ (kg)}$$

[Nguồn: BVMT trong xây dựng cơ bản, PGS.TS. Trần Đức Hạ, NXB xây dựng, 2009].

Trong đó:

- $M_{\max}$: Lượng chất không tan lớn nhất trong khu vực, 220kg/ha;
- k_z : Hệ số động học tích lũy chất bẩn ở khu vực, $k_z = 0,8$ (ngày⁻¹);
- T : Thời gian tích lũy chất bẩn, $T = 30$ ngày (khoảng 1 tháng);
- F : Diện tích hoạt động của cơ sở (trừ các hạng mục bồn cây vì không phát sinh nước mưa chảy tràn); $F = 1.558,9 \text{ m}^2 = 0,156 \text{ ha}$.

=> Vậy tải lượng bùn cần phát sinh từ hệ thống thu gom thoát nước mưa là:

$$M = 34,32 \text{ kg/tháng} = 0,4 \text{ tấn/năm}.$$

Thành phần của lượng chất thải chủ yếu là cát, xà bần,... là các phần tử vô cơ, tỷ trọng lớn, theo nước mưa tích tụ đầu mạng lưới thoát nước.

Biện pháp quản lý: Định kỳ theo quy định nhà máy sẽ thuê đơn vị có chức năng đến để nạo vét các chất bẩn từ hệ thống thu gom thoát nước, sau đó vận chuyển đi để xử lý theo quy định.

b) Bùn thải từ bể tự hoại

Trong quá trình xử lý nước thải sinh hoạt của bể tự hoại phát sinh ra một lượng cặn. Lượng cặn này được chứa trong ngăn chứa 1 và 2 của bể tự hoại với tổng thể tích hai ngăn là 2,6 m³. Lượng bùn cặn phát sinh mỗi ngày trong bể được tính như sau:

$$V_{\text{bùn tự hoại}} = \frac{[a \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N}{(100 - W_2) \times 1000}$$

Trong đó:

- a : Lượng cặn tối đa một người thải ra trong một ngày tại nhà máy sản xuất, $a=0,2$ (l/người/ngày.đêm);
- W_1, W_2 : Độ ẩm cặn tươi vào bể và cặn khi lên men, tương ứng là 95% và 90%;
- b : Hệ số kể đến giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%), $b = 0,7$;
- c : Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để lại vì sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh chóng (để lại 20%), $c = 1,2$;
- N : số người sử dụng (áp dụng tối đa 50 người sử dụng bể tự hoại).

=> Thay số vào công thức trên, tính toán ta được: $V_{\text{bùn tự hoại}} = 0,008 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$.

Theo bài giảng “Kỹ thuật xử lý nước thải - Thạc sĩ Lâm Vĩnh Sơn - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ, năm 2008” thì khối lượng riêng của bùn $d = 1.053 \text{ kg/m}^3$. Vậy Khối lượng bùn sinh ra trong một ngày như sau:

$$M_{\text{bùn tự hoại}} = d \times V_{\text{bùn tự hoại}} = 1.053 \times 0,008 = 8,4 \text{ (kg/ngày)}$$

Vậy tổng lượng bùn cần phát sinh tại bể tự hoại trong quá trình hoạt động của cơ sở là 8,4 kg/ngày tương đương phát sinh khoảng 3,07 tấn/năm.

Biện pháp quản lý: Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển với tần suất khoảng 01 lần/năm.

c) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

Lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung nếu không được thu gom và xử lý sẽ làm giảm hiệu quả xử lý của hệ thống, dẫn đến việc nước thải sau khi được xử lý không đảm bảo Quy chuẩn trước khi thải đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Quang Minh.

Ngoài ra, nếu không được thu gom, lượng bùn thải này có thể sẽ làm tràn ngược nước thải từ hệ thống xử lý, gây vỡ đường ống, tràn nước thải ra khu vực xung quanh, gây ô nhiễm môi trường và khó khăn cho việc xử lý. Khối lượng bùn hoạt tính sinh ra trong HTXL được tính toán theo công thức:

$$G_{\text{bùn}} = Q \times (0,8 \times \text{SS} + 0,3 \times \text{BOD}_5) \times 10^{-3} \text{ kg/ngày đêm}$$

[Nguồn: Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải – TS Trịnh Xuân Lai]

Trong đó:

$Q = 30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: Tổng lưu lượng nước thải tính theo công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

$\text{SS} = 90 \text{ mg/l}$: Nồng độ chất rắn lơ lửng đầu vào (Sau xử lý sơ cấp bởi hệ thống bể tự hoại)

$\text{BOD}_5 = 160 \text{ mg/l}$: Nồng độ BOD_5 đầu vào (Sau xử lý sơ cấp bởi hệ thống bể tự hoại)

Từ đó ta có: $G_{\text{bùn}} = 3,6 \text{ kg/ngày đêm}$

Trong đó lượng bùn tuần hoàn trở lại bể hiếu khí theo thiết kế chiếm khoảng 30% lượng bùn hoạt tính, nên lượng bùn dư xả ra hàng ngày cần phải xử lý là:

$$G_{\text{bùn xả}} = 3,6 - 30\% \times 3,6 = 2,52 \text{ kg/ngày đêm} \approx 0,92 \text{ tấn/năm.}$$

Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải là những chất thải chứa nhiều chất hữu cơ, vi sinh vật. Bùn cặn phát sinh nếu không được bơm hút, xử lý sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải, đồng thời gây mùi hôi, ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh tại khu vực dự án.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Thành phần và khối lượng

Các loại CTNH từ hoạt động của nhà máy bao gồm:

- Bông đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.
- Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác.
- Giẻ lau dính dầu.
- Dầu thải
- Hỗn hợp dung dịch hoá chất thải.
- Than hoạt tính đã sử dụng

Khối lượng phát sinh chất thải nguy hại được thể hiện rõ dưới bảng sau:

Bảng 3.9: Khối lượng phát sinh chất thải nguy hại của Cơ sở.

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	kg	3
2	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	18 01 04	kg	62
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	kg	20
4	Dầu thải	17 02 03	kg	20
5	Hỗn hợp dung dịch hóa chất thải	13 01 02	kg	40
6	Than hoạt tính đã sử dụng	02 11 02	kg	50
Tổng				195

b) Công trình, biện pháp lưu trữ và xử lý

Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Hiện tại, Chủ cơ sở đã bố trí 1 kho lưu chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định tại khuôn viên của cơ sở. CTNH phát sinh sẽ được thu gom và lưu chứa vào 06 thùng chứa; tại khu vực lưu chứa có diện tích khoảng 4m².

Phòng lưu chứa có tường bao xây gạch, trát vữa xi măng M75, nền đổ bê tông M100 dày 100 mm đảm bảo mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Bên trong bố trí 06 thùng nhựa composite dung tích 60 lít, có nắp đậy kín, có dán nhãn mã chất thải nguy hại, biển cảnh báo đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường. Trong kho trang bị bình phòng cháy chữa cháy đáp ứng đúng theo yêu cầu về phòng chống cháy nổ.

Chủ cơ sở ban hành quy chế lưu giữ, thu gom CTNH và thông báo cho toàn bộ

dân cư tuân thủ và thực hiện theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Cụ thể, CTNH phát sinh tại nhà máy sẽ được cán bộ công nhân viên tự phân loại và đưa về kho lưu chứa. Tại đây, cán bộ công nhân viên sẽ tiến hành bỏ CTNH vào đúng vị trí các thiết bị lưu chứa có nắp đậy kín; đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Bên ngoài các thùng chứa đã được ghi tên, mã nguy hại, dấu hiệu cảnh báo. 06 thùng chứa này sẽ chứa chất thải nguy hại tương ứng với 06 mã CTNH phát sinh đã được thống kê.

Công ty đã ký hợp đồng số 01.12.2023/HĐCLCT-MTX ngày 01/12/2023 với Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp xanh để thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại định kỳ theo khối lượng thực tế phát sinh. *(chi tiết hợp đồng được đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo).*

(a) Kho lưu chứa chất thải sinh hoạt



(b) Kho lưu chứa bãi được liệu



(c) Kho lưu chứa chất thải nguy hại



Hình 3.10: Kho lưu chứa chất thải của Cơ sở.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình hoạt động, nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu của Cơ sở gồm: Hoạt động từ các phương tiện giao thông vận tải; từ quá trình sản xuất (xay, rây...), hoạt động của máy phát điện dự phòng, hệ thống quạt thông gió của nhà máy, hoạt động của phương tiện giao thông được phép lưu hành trong khuôn viên, máy điều hòa... Để giảm thiểu tác động từ tiếng ồn, độ rung, chủ Cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Phương tiện giao thông được phép lưu hành trong khuôn viên Cơ sở bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ.

- Hạn chế sử dụng máy phát điện dự phòng. Máy phát điện dự phòng được bố trí ở phòng riêng biệt, đặt cân bằng, có cách âm. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt,..) duy trì các thiết bị máy móc hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn; kê đệm chân đế máy, thường xuyên kiểm tra thay thế các linh kiện hỏng... của máy phát điện dự phòng.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Trong quá trình hoạt động, có thể xảy ra các rủi ro về môi trường như: sự cố cháy nổ, rò rỉ hệ thống đường ống dẫn nước thải, khí thải...Để phòng chống, ứng phó trước các sự cố, ban quản lý nhà máy đã thực hiện các biện pháp dưới đây đối với từng trường hợp.

3.6.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ, chập điện

❖ Hệ thống PCCC của nhà máy

- Hệ thống báo cháy tự động được lắp đặt tại tất cả các khu vực có nguy hiểm về cháy của công trình như khu vực nhà kho, xưởng sản xuất...Ngoài việc sử dụng các thiết bị báo cháy tự động (đầu báo cháy khói quang điện) thì thiết kế sử dụng bộ hợp tổ hợp nút nhấn báo cháy bằng tay.

- Hệ thống chữa cháy họng nước, vách tường được lắp đặt tại tất cả các khu vực nguy hiểm có cháy.

- Trang bị các bình chữa cháy di động, xách tay phục vụ dập tắt đám cháy mới phát sinh, hệ thống biển báo, nội quy, tiêu lệnh PCCC.

- Toàn bộ công trình được thiết kế hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố đảm bảo công tác thoát nạn cho người một cách nhanh nhất.

- Thành lập đội PCCC thường xuyên kiểm tra an toàn cháy nổ tại khu vực sản xuất, khu vực chứa nguyên vật liệu.

- Xây dựng các phương án phòng chống cháy nổ và nội quy an toàn cháy nổ. Bảng nội quy được treo ở vị trí dễ thấy, có nhiều người qua lại.

- Định kỳ hàng năm phối hợp với cơ quan Công an phòng cháy chữa cháy – Hà Nội tổ chức hướng dẫn và hội thảo về công tác PCCC và an toàn cháy nổ cho toàn công ty diễn tập các tình huống cháy nổ có thể xảy ra.

Nguồn nước chữa cháy được cung cấp từ nguồn nước sạch của hạ tầng khu vực, sau đó chuyển đến bể nước dự phòng của Cơ sở tới chữa cháy.

❖ Biện pháp ứng phó sự cố

- Khi phát hiện sự cố xảy ra, người phát hiện phải bấm còi báo động đồng thời hô hào mọi người xung quanh để cùng dập lửa; dùng bình xịt hoặc hệ thống bơm nước để dập tắt đám cháy.

- Người gần khu vực cầu dao điện nhanh chóng đến ngắt nguồn điện và cho ngừng hoạt động sản xuất.

- Di tản mọi người ra khỏi khu vực cháy.

- Thông báo cho đơn vị cảnh sát chữa cháy, đơn vị y tế gần nhất.

- Nếu có người mắc kẹt phải tổ chức thực hiện giải cứu và đưa người mắc kẹt ra ngoài.



Hình 3.11: Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của Cơ sở.

3.6.2. Biện pháp vệ sinh an toàn lao động

❖ Biện pháp phòng ngừa:

- Đề ra các nội quy an toàn lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn cho máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, tổ nhóm vi phạm.

- Quy định về trang phục, đầu tóc gọn gàng trong khi làm việc và trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn các quy tắc an toàn lao động và cách bảo quản, sử dụng an toàn chất thải nguy hại.

- Cung cấp các thiết bị, địa chỉ cần thiết phòng chống khi xảy ra sự cố.

- Cung cấp và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân: Găng tay, giày ủng, khẩu trang...

- Kiểm tra sức khỏe của công nhân định kỳ, thực hiện đúng quy định về an toàn lao động.

- Định kỳ đánh giá và tập luyện những phương án khẩn cấp (chống cháy, nổ).

❖ Biện pháp ứng phó

- Khi phát hiện sự cố, người phát hiện cần nhận biết được mức độ nguy hiểm của tai nạn và thông báo cho giám đốc để dừng hoạt động sản xuất và thực hiện thao tác cứu chữa người bị tai nạn.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu kịp thời: Các phương pháp sơ cứu khẩn cấp là các biện pháp cấp cứu tạm thời ban đầu nhằm cứu hộ sinh mạng và tránh tai biến khi người lao động bị tai nạn mà chưa có sự chăm sóc của các bác sĩ.

3.6.3. Phòng cháy các thiết bị điện

- Mỗi khu vực cấp điện khác nhau đều được đặt hệ thống Aptomat bảo vệ quá tải ngắn mạch tại các tủ điện: Tủ điện tổng, tủ điện sản xuất, tủ điện chiếu sáng.
- Hệ thống Aptomat này được tính và bố trí một cách chọn lọc, phân cấp và khoa học đảm bảo loại trừ nhanh và chính xác khi có sự cố về điện xảy ra tại mỗi khu vực nhà máy.
- Hệ thống nối đất an toàn thiết bị được thực hiện độc lập với hệ thống nối đất chống sét. Tất cả các kết cấu kim loại của các thiết bị dùng điện như: Khung tủ điện, vỏ động cơ, máy bơm, máy điều hoà nhiệt độ đều được nối đất an toàn của nhà máy.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây điện trong toàn khu vực hoạt động của nhà máy. Hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt.

3.6.4. Biện pháp phòng cháy sự cố hóa chất

- Cần lưu trữ hóa chất trong các thùng chứa đúng tiêu chuẩn, đúng quy cách để hạn chế tối đa sự rò rỉ hóa chất ra môi trường xung quanh. Trong trường hợp xảy ra rò rỉ hóa chất cần tiến hành các biện pháp sau để khắc phục sự cố:
 - Sơ tán toàn bộ những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn theo đường thoát hiểm, thực hiện sơ cứu nếu cần thiết.
 - Nếu hóa chất đổ tràn có khả năng bốc cháy thì phải giảm nguy cơ cháy nổ bằng cách dập tắt mọi ngọn lửa tràn, nguồn nhiệt hoặc cúp cầu dao điện tổng.
 - Đánh giá tình trạng và khả năng giải quyết. Nếu thấy cần thiết thì kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài.
 - Hạn chế và cô lập khu vực hóa chất lan truyền bằng cách kiểm soát tại nguồn phát sinh.
 - Cố gắng xử lý triệt để vết rò rỉ hoặc tràn đổ bằng việc quây lại và thấm hút sạch. Nếu thấy thích hợp sẽ dùng nước, chất tẩy rửa làm sạch khu vực bị tràn và dung dịch rửa được thu gom lại để xử lý.
 - Vùng bị rò rỉ hoặc tràn đổ phải được khử độc, được kiểm tra, đo đạc, đảm bảo an toàn và được chỉ đạo của các đơn vị chức năng theo quy định, khi đó mới được vận hành bình thường trở lại.

Lưu ý: Trong quá trình tham gia ứng phó sự cố, công nhân, cán bộ phải trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ cần thiết và phù hợp.

3.6.5. Công trình ứng phó, phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý chất thải

3.6.5.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

Các sự cố môi trường trong quá trình vận hành trong quá trình hoạt động chủ yếu liên quan đến quá trình vận hành của hệ thống XLNT có công suất 30 m³/ngày đêm của nhà máy. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành hệ thống XLNT được trình bày chi tiết tại các mục dưới đây.

a. Sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT

Đây là loại sự cố thường gặp nhất trong các loại sự cố đối với hệ thống XLNT hoạt động liên tục. Chính vì vậy các sự cố này cần được khắc phục kịp thời, tránh tình trạng phải dừng hoạt động. Quy trình ứng phó như sau:

Bước 1: Phát hiện sự cố, tạm ngưng hoạt động của hệ thống XLNT.

Bước 2: Tiến hành kiểm tra, phát hiện các máy móc thiết bị hư hỏng.

Bước 3: Kiểm tra kho chứa có thiết bị, vật tư thay thế hay không. Nếu có, lập tức tiến hành thay thế ngay, nhanh chóng đưa hệ thống XLNT đi vào vận hành trở lại.

Sau đó, đưa máy móc đi sửa chữa, kiểm tra nguyên nhân gây hư hỏng để đưa ra phương án vận hành phù hợp hơn.

Bước 4: Trường hợp máy móc thiết bị hư hỏng không có vật tư để thay thế tại chỗ. Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị cung cấp thiết bị tiến hành thay thế, sửa chữa, nhanh nhất có thể đưa hệ thống XLNT đi vào hoạt động trở lại.

Bước 5: Hệ thống XLNT chỉ được vận hành trở lại khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo có thể xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành. Để hạn chế sự cố trên, một số biện pháp được áp dụng như sau:

- Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải như bơm nước thải đầu vào, bơm tuần hoàn bùn, máy thổi khí cho hệ thống xử lý sinh học đều có sẵn thiết bị dự phòng.

- Với các thiết bị đặt chìm (đặt dưới đáy bể) như bơm chìm, Chủ Cơ sở đều đầu tư hệ thống ròng rọc để có thể dễ dàng nâng bơm lên trong quá trình sửa chữa.

- Các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải được bảo dưỡng định kỳ theo hướng dẫn của nhà cung cấp, nhằm đảm bảo hoạt động ổn định cũng như kịp thời phát hiện để sửa chữa và thay thế các thiết bị đã bị xuống cấp.

- Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải đều được kết nối với Aptomat để tránh hiện tượng chập điện, cháy nổ.

Một số sự cố và cách khắc phục sự cố thường gặp đối với các thiết bị máy móc lắp đặt tại hệ thống XLNTTT công suất 30 m³/ngày.đêm được trình bày cụ thể sau:

Bảng 3.10: Một số sự cố máy móc, thiết bị và biện pháp ứng phó đối với các thiết bị lắp đặt tại hệ thống XLNT của nhà máy.

STT	Mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó
1	Động cơ	Tiếng ồn hoặc rung bất thường	Ổ bi bị hỏng	Tra dầu mỡ/thay thế ổ bi
			Trục hoặc cánh quạt bị tắc	Kiểm tra / sửa chữa
			Giá, khung đỡ bị lỏng	Kiểm tra / xiết chặt bu lông giá, khung đỡ.
			Khớp nối bị hỏng	Kiểm tra / thay thế khớp nối
		Quá nhiệt (nóng)	Quạt/lỗ thông hơi bị hỏng hoặc tắc	Sửa chữa / thay thế quạt
			Tắm tản nhiệt bẩn	Vệ sinh động cơ
			Bộ phận truyền động quá tải	Kiểm tra xem có bất cứ bộ phận chuyển động nào bị tắc hoặc hộp số truyền động nào bị hỏng không.
		Bị ngắt liên tục	Bộ phận thiết bị quá tải	Kiểm tra tải trên thiết bị
			Hạng mục truyền động bị hỏng hoặc tắc (hộp số, cánh quạt...)	Kiểm tra/sửa chữa các bộ phận bị hỏng.
			Động cơ (cách điện) bị hỏng.	Kiểm tra / thay thế động cơ.
			Đặt dòng cắt không chính xác.	Kiểm tra /điều chỉnh dòng cắt.
2	Máy bơm thổi khí	Điện áp cao	Điện áp DC trên mạch điện chính cao hơn giá trị đã cài đặt	Kiểm tra và thay thế
		Mô tơ hỏng, biến tần hỏng	Đã xảy ra sự thiếu hụt trên cuộn dây động cơ.	Báo cáo cho KFM

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó
		Biến tần bị quá tải	Điều khiển bảo vệ quá dòng của biến tần bị khởi động bởi nhiệt do điện	Hạ thấp nhiệt độ phòng và Restart
		Bất thường trên điểm cuối của đầu vào	Phát hiện lỗi khi vượt mức RPM tối đa	Reset
		Phát hiện mô tơ bị rơi ra hoặc bị tuột ra	Ra khỏi phạm vi của tần số trong mô tơ PM được kiểm tra phát hiện n8-62, và điện áp thiết lập thấp khoảng 5-10%	Báo cáo cho KFM
		Quá dòng	Dòng điện lớn hơn giá trị cài đặt	Báo cáo cho KFM
		Điện áp thấp	Kiểm tra điện áp, nếu điện áp phát hiện thấp hoặc nếu phát hiện khi máy thổi khí tắt.	Kiểm tra điện áp và Restart
		Sự bất thường của áp suất làm việc	Khi áp suất thấp hoặc áp suất cao được phát hiện. Nhưng chỉ áp suất cao là được cài đặt để phát hiện.	Đóng mở van và Restart

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó
		Lỗi dòng thấp	Dòng thấp có thể bị cài đặt bởi Q1-03	Đóng mở van và Restart
		Lỗi điện áp cao	Dòng cao có thể bị cài đặt bởi Q1-04	Đóng mở van và Restart
3	Bơm chìm	Không khởi động được	Mất điện	Liên hệ với đơn vị quản lý cấp điện cho toàn trạm xử lý.
			Sụt điện áp đáng kể.	Kiểm tra lại nguồn điện và liên hệ với đơn vị quản lý cấp điện để kiểm tra và cung cấp đủ nguồn điện.
			Đầu sai pha của động cơ	Kiểm tra điểm đầu và công tắc từ
		Chạy nhưng dừng ngay lập tức	Mức nước không ở mức phao chỉ định	Nâng cao mức nước
			Phao không hoạt động	Sửa chữa hoặc thay thế
			Nỗ cầu chì	Kiểm tra và thay đúng loại cầu chì
			Phao không ở mức nước phù hợp	Di chuyển phao tới mức nước khởi động thích hợp

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó
		Vận hành nhưng máy bơm dừng sau một thời gian chạy	Việc vận hành khô kéo dài làm cho thiết bị bảo vệ động cơ hoạt động và làm dừng máy bơm	Nâng cao mực nước dùng bơm
			Nhiệt độ nước cao làm thiết bị bảo vệ động cơ hoạt động và làm dừng máy bơm	Làm giảm nhiệt độ nước
		Máy bơm không chạy. Lưu lượng nước không đạt	Đảo ngược chiều quay	Chỉnh đúng chiều quay
			Cột áp xả cao	Tính toán lại và điều chỉnh
			Mực nước vận hành thấp gây nên tình trạng hút khí vào	Nâng cao mực nước hoặc hạ cốt máy bơm
			Tắc đường ống xả	Loại bỏ rác ra
		Bơm bị rung, vượt quá độ ồn cho phép	Ngược chiều quay	Chỉnh lại chiều quay
			Đường ống có tiếng dội	Cải tạo đường ống
			Van chặn bị đóng quá chặt	Mở van chặn
		4	Bơm định lượng	Bơm không bơm dung dịch
Áp suất bay hơi của dung dịch quá cao	Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm			
	Độ nhớt của dung dịch quá cao			Lắp đặt đường ống hút có đường kính lớn hơn. Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó
		Lưu lượng bất thường hoặc cao hơn so với yêu cầu	Van bơm bị tắc do các chất bẩn đi vào từ đầu hút	Tháo van và vệ sinh lại một cách cẩn thận
			Áp lực thủy tĩnh đầu hút cao hơn áp lực đầu đẩy	Tăng áp lực đầu đẩy bằng cách lắp van tạo áp lực ngược.
			Van tạo áp lực ngược bị tắc ở vị trí mở hoặc áp lực đặt quá thấp so với áp lực đầu hút	Kiểm tra lại
		Thân bơm và động cơ quá nóng	Bơm làm việc ở áp lực cao hơn áp lực cho phép	Kiểm tra áp lực lớn nhất tại đầu đẩy bằng đồng hồ đo áp lực
			Mặt bích bơm bị nén quá chặt	Nới lỏng ống nối với đầu bơm và kiểm tra
			Van tạo áp lực ngược cài đặt áp suất cao hơn yêu cầu cho phép	Kiểm tra lại
5	Máy khuấy chìm	Máy khuấy chìm không khởi động hoặc bị ngừng bất chợt	Không có nguồn điện cấp vào	Nối lại dây điện nguồn
			Bị lỗi chức năng chạy tự động	Kiểm tra và sửa lại
			Do có ngoại vật gây kẹt cánh quay của máy	Kéo máy khuấy lên và gỡ bỏ vật gây kẹt
		Máy khuấy chạy nhưng sau đó dừng lại sau một khoảng thời gian	Máy khuấy đã hoạt động một khoảng thời gian dài trong không khí	Cho máy khuấy vào chỗ nước sâu hơn hoặc thêm nước vào mới chạy.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

STT	Mục	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó
		Hiệu suất khuấy bị giảm	Cánh quay bị mòn	Thay lại cánh mới
			Đấu nhầm loại máy tần số 60 Hz thành 50 Hz	Kiểm tra lại kiểu máy khuấy và thay thế loại phù hợp

3.6.5.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải

Nhà máy hiện có 01 hệ thống xử lý khí thải từ lò hơi. Để phòng ngừa, ứng phó sự cố, Nhà máy sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Sử dụng thiết bị lò hơi, thiết bị xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn thiết kế, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật để vận hành.
- Tổ chức các khóa đào tạo về an toàn vận hành nồi hơi, quy trình xử lý sự cố cho công nhân vận hành.
- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị của các hệ thống xử lý khí thải.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ 06 tháng hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.
- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành vào bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải của Nhà máy.
- Khi xảy ra sự cố phải lập tức ngừng hoạt động của lò hơi, các bộ phận phát sinh khí thải để thay thế hoặc sửa chữa. Các sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải chủ yếu liên quan đến sự cố hỏng hóc máy móc, thiết bị. Nhà máy luôn dự trù thiết bị để thay thế trong trường hợp có sự cố.

3.6.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với sự cố hệ thống bể tự hoại, đường ống thoát nước

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khoá trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín an toàn nhất.
- Bổ sung chế phẩm vi sinh thường xuyên làm sạch các bề mặt chứa các chất hữu cơ lắng đọng để tăng hiệu quả xử lý khu vực bể tự hoại.

❖ Hạn chế nước mưa, nước thải nhiễm dầu:

Để hạn chế nước mưa, nước thải có thể nhiễm dầu mỡ khoáng, trường hợp xảy ra hiện tượng rơi vãi dầu mỡ khoáng trong các xưởng sản xuất, biện pháp xử lý: Dùng giẻ lau để lau chùi những chỗ rơi vãi dầu. Sau đó, các vật liệu này sẽ được xử lý cùng với chất thải nguy hại.

❖ Đối với kho chứa chất thải:

- Khu vực nhà kho chứa đảm bảo có mái che, nền bê tông, có tường bao xung quanh, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Đối với việc vận chuyển CTNH: Công ty ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Ngoài ra, công ty có các biện pháp để phòng ngừa, kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển CTNH.

- Dán biển cảnh cáo tại các khu vực có các chất thải dễ tàn đổ, dễ cháy nổ....

- Trong kho chứa đặt sẵn 1-2 bình chữa cháy tạm thời.

3.6.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với sự cố máy phát điện dự phòng tại nhà máy

❖ Các lỗi thường gặp của máy phát điện dự phòng

- Máy phát điện không nổ hoặc khó nổ.

- Dòng tải tăng đột ngột, điện áp và tần số không ổn định khi đóng tải.

- Máy phát điện xuất hiện cảnh báo (quá tải stator, kích thích tối thiểu hoặc cảnh báo khác).

❖ Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó

- Tiến hành kiểm tra nhiên liệu máy phát điện, kiểm tra nhớt xem có đủ nhiên liệu để máy hoạt động không. Nếu hết nhiên liệu thì bổ sung thêm nhiên liệu

- Nếu nhiên liệu kém chất lượng hay bị biến chất nên đổ hết và vệ sinh bình nhiên liệu sau đó bổ sung bằng nguồn nhiên liệu chất lượng. Trường hợp ống nhiên liệu bị tắc hoặc gặp cần kiểm tra và thông ống, thay thế ống mới cần thiết

- Đối với bụi và tấm lọc gió cần phải làm sạch các bụi bẩn bám.

- Trước khi vận hành máy phát điện dự phòng cần thực hiện kiểm tra lần lượt từng bộ phận trên của máy. Bộ phận nào có dấu hiệu bất thường thì ngay lập tức khắc phục kịp thời để máy nổ hoạt động bình thường.

- Trung tâm điều khiển kiểm tra sơ bộ, xác nhận bảo vệ tác động do sự cố bên ngoài máy phát điện, máy phát điện không có hiện tượng gì bất thường và khẳng định đủ tiêu chuẩn vận hành, cho phép Điều độ viên chỉ huy đưa máy phát điện vào vận hành.

3.7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác

Ngoài các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trên, Chủ cơ sở sẽ thực hiện một số biện pháp bảo vệ môi trường khác tại khuôn viên Nhà máy như sau:

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy và bố trí công nhân môi trường thực hiện chăm sóc và tưới cây thường xuyên.

- Xe vận chuyển ra vào Nhà máy phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Trong trường hợp rơi vãi nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyển trên các

tuyến đường nội bộ của Nhà máy, cần nhanh chóng thu gom các nguyên vật liệu rơi vãi, tránh tình trạng phát tán do gió hoặc bị cuốn theo các phương tiện vận chuyển khác.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở có một số nội dung thay đổi nhỏ so với báo cáo cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Cụ thể theo bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

Bảng 3.11: Các nội dung thay đổi so với báo cáo cam kết môi trường của Cơ sở.

TT	Nội dung	Báo cáo đăng ký môi trường đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi, bổ sung	Lý do thay đổi
1	Sản phẩm và công suất sản xuất	Sản phẩm chính của công ty gồm các loại: + Sản xuất chiết xuất cao dược liệu 30 tấn. + Hoá mỹ phẩm dạng lỏng – kream 8 tấn + BTP – TP thực phẩm chức năng – dạng cốm 15 tấn	- Sản phẩm chính của Cơ sở là sản xuất: + Thực phẩm bảo vệ sức khoẻ dạng cao lỏng, cao mềm, cao khô, viên nén, bao phim, viên nang cứng, cốm, bột. + Thực phẩm, thực phẩm bổ sung, nguyên liệu thực phẩm các dạng: Cốm, hạt, cao, các dạng bánh. + Thực phẩm, thực phẩm bổ sung chứa vi sinh vật lợi khuẩn các dạng: Cốm, bột, hạt. - Công suất sản xuất: 20 – 30 tấn thành phẩm/năm.	Hướng tới mục tiêu tiếp cận được nhiều khách hàng, Cơ sở đã cân nhắc lại một số sản phẩm chính phù hợp với nhu cầu thị trường hiện tại
2	Lò hơi	Sử dụng lò hơi đốt than	Sử dụng lò hơi đốt củi	- Lò hơi đốt củi thường phát thải ít khí độc hại hơn lò hơi đốt than, lượng tro xỉ từ củi ít hơn so với than giúp giảm tác động đến môi trường. - Nguồn NVL cung cấp cho lò hơi đốt củi (gỗ, mùn cưa...) chi phí rẻ hơn so với lò hơi đốt than

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

TT	Nội dung	Báo cáo đăng ký môi trường đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi, bổ sung	Lý do thay đổi
				- Hệ thống lò hơi đốt củi thường có thiết kế đơn giản, ít phức tạp hơn lò hơi đốt than, giúp giảm chi phí bảo dưỡng
3	Hệ thống xử lý bụi, khí thải	Sử dụng cyclon, quy trình cụ thể: + Khí thải lò hơi được thu hồi đi qua hệ thống cyclon → Dập bụi bằng nước → Ống khói	Không sử dụng cyclon, thay vào đó lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải bằng bể dung dịch NaOH, quy trình cụ thể: + Khí thải lò hơi được thu hồi → Bể xử lý (chứa dung dịch NaOH) → Ống phóng khí → Khí thải đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội	Dung dịch NaOH (sodium hydroxide) có khả năng hấp thụ khí axit như SO ₂ , CO ₂ và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi trong khí thải, giúp làm sạch khí thải tốt hơn so với cyclone.
4	Chương trình giám sát môi trường định kỳ	- Đối với nước thải: + Không đề xuất	Không cần thực hiện quan trắc định kỳ	Căn cứ theo Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, lưu lượng nước thải của Cơ sở 30 m ³ /ngày đêm < 500 m ³ /ngày đêm nên Cơ sở không cần quan trắc định kỳ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

TT	Nội dung	Báo cáo đăng ký môi trường đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi, bổ sung	Lý do thay đổi
		- Đối với khí thải: + Thực hiện quan trắc môi trường không khí tại khu vực sản xuất, khu vực cổng Nhà máy, khu vực đường nội bộ với tần suất 06 tháng/lần. + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2009/BTNMT, TCVN 3733/2022/QĐ-BYT	Không cần thực hiện quan trắc định kỳ	Theo Phụ lục XXIX, Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở không cần phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ do Cơ sở có tổng công suất xả khí thải là 14.000 m ³ /h < 50.000 m ³ /h.

3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)

Cơ sở chưa được cấp giấy phép môi trường nên không có các nội dung thay đổi.

3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường).

Chủ Cơ sở là Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức đã ký kết biên bản thoả thuận đầu nối số 06/2017/BB-NĐ số 06/2017/BB-NĐ ngày 19 tháng 04 năm 2017 về việc thoát nước mặt, nước thải KCN Quang Minh (*chi tiết gắn kèm tại phụ lục 1.1*).

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn thải số 01: Nước thải từ các bộ xí tiểu trong WC
 - + Nguồn thải số 02: Nước thải từ bồn rửa, chậu rửa tay, nước thoát sàn
 - + Nguồn thải số 03: Nước thải từ quá trình sản xuất, chiết xuất cao dược liệu.
 - + Nguồn thải số 04: Nước thải từ quá trình sản xuất BTP – TP thực phẩm bảo vệ sức khỏe.
 - + Nguồn thải số 05: Nước thải từ hệ thống lọc RO.
- Lưu lượng xả thải tối đa: 30 m³/ngày đêm.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

❖ Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống lò hơi.

❖ Lưu lượng xả khí thải tối đa

- Nguồn số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa của hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi là 14.000 m³/h.

❖ Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 1: Khí thải sau xử lý hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.
- Vị trí xả khí thải: Tại ống khói sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.
- Tọa độ xả khí thải: X = 2344487, Y = 578770 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

❖ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Khí thải từ lò hơi sau xử lý của hệ thống xử lý bụi và khí thải của Nhà máy đảm bảo QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p=1$ và $K_v=0,9$).

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải từ hệ thống lò hơi được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 4.1: Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi công suất 14.000 m³/h.

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT (K _p = 1 và K _v = 0,9)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Lưu lượng	m ³ /h	-
3	Nhiệt độ	°C	-
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
5	CO	mg/Nm ³	1.000
6	SO ₂	mg/Nm ³	500
7	CO ₂	%	-

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

❖ Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Từ quạt thổi khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.
- Nguồn số 2: Từ máy nén khí của Nhà máy.
- Nguồn số 3: (không thường xuyên): Từ máy phát điện dự phòng của Nhà máy.

❖ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 1: X = 2344494, Y = 578774.
- Tọa độ nguồn số 2: X = 2344471, Y = 578805.
- Tọa độ nguồn số 3 (không thường xuyên): X = 2344480, Y = 578792.

❖ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung tại Nhà máy đảm bảo tuân thủ đúng theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; áp dụng đối với khu vực thông thường, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng 4.2: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh.

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Bảng 4.3: Giá trị giới hạn đối với độ rung phát sinh.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh lớn nhất:

Bảng 4.4: Danh mục các chất thải nguy hại đăng ký phát sinh

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	kg	3
2	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	18 01 04	kg	62
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	kg	20
4	Dầu thải	17 02 03	kg	20
5	Hỗn hợp dung dịch hóa chất thải	13 01 02	kg	40
6	Than hoạt tính đã sử dụng	02 11 02	kg	50
Tổng				195

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 25 kg/ngày tương đương 9,13 tấn/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh lớn nhất khoảng 1.293 kg/ngày tương đương 466 tấn/năm.

- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 8,4 kg/ngày tương đương 3,1 tấn/năm.

- Bùn thải từ nạo vét hệ thống thoát nước mưa khoảng 34,3 kg/tháng tương đương 0,4 tấn/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày đêm của nhà máy khoảng 2,52 kg/ngày tương đương 0,92 tấn/năm.

4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Cơ sở không thuộc đối tượng nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

**CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở đã thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ trình nộp Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội trước ngày 15/01/2025.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải định kỳ từ 2023 -2024 được thể hiện dưới đây:

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc nước thải từ năm 2023 -2024.

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1/ 2023	Đợt 2/ 2023	Đợt 1/ 2024	Đợt 2/ 2024	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	TCVN 5943:2005 (Cột C)
1	pH	-	7,25	7,44	7,31	7,3	5,5 - 9	5 – 9
2	Nhiệt độ	⁰ C	27,5	27,8	31,1	28,9	40	45
3	BOD ₅	mg/l	30	94,1	53,1	7,9	50	100
4	COD	mg/l	73,6	156,8	132,8	19,8	150	400
5	TSS	mg/l	44	31	26,2	17,6	100	200
6	Sắt	mg/l	0,4	0,35	0,3	0,12	5	10
7	Mangan	mg/l	0,2	0,22	0,2	0,24	1	5
8	Chì	mg/l	0,007	0,0076	0,008	0,01	0,5	1
9	Asen	mg/l	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,1	0,5
10	Amoni	mg/l	8,96	9,02	8,6	9,2	10	15
11	Tổng N	mg/l	16,8	16,62	18,2	25,2	40	60
12	Tổng P	mg/l	5,67	3,9	4,08	1,13	6	8
13	Tổng dầu mỡ	mg/l	2,2	2,3	2,6	1,9	-	–

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp.
- + Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- TCVN 5945:2005 (Cột C) – Tiêu chuẩn xả nước thải công nghiệp
- + Cột C: Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị quy định trong cột B nhưng không vượt quá giá trị quy định trong cột C chỉ được

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”

phép thải vào các nơi được quy định (như hồ chứa nước thải được xây riêng, cống dẫn đến nhà máy xử lý nước thải tập trung).

Nhận xét:

Qua kết quả tổng hợp quan trắc nước thải định kỳ cho thấy: Các thông số ô nhiễm trong nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép quy định tại TCVN 5945:2005 (Cột C) – Tiêu chuẩn xả nước thải công nghiệp và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh

Kết quả quan trắc khí thải định kỳ được thể hiện dưới đây:

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc định kỳ của không khí xung quanh năm 2024 của Cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đợt 1/2024		Đợt 2/2024		QCVN 05:2023/BTNMT
			K1	K2	K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	25,6	26,1	28,5	28,9	-
2	Độ ẩm	%	74,1	72,7	69,2	68,5	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,2	0,3	0,2	-
4	SO ₂	µg/Nm ³	95	100	108	104	350
5	Tiếng ồn	dBA	63,4	69,4	60,1	59,5	70⁽¹⁾
6	CO	µg/Nm ³	3.251	3.344	4.171	3.960	30.000
7	NO ₂	µg/Nm ³	79	77	98	96	200
8	Bụi tổng	µg/Nm ³	124	130	138	132	-
9	Carbon dioxide (CO ₂)	mg/Nm ³	530	529	528	533	-

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ)

- ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

- K1: Mẫu không khí khu vực cổng công ty.

- K2: Mẫu không khí khu vực đường nội bộ.

Nhận xét:

Từ kết quả phân tích các mẫu không khí tại khu vực cổng và khu vực đường nội bộ của Nhà máy cho thấy tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn tại các thời điểm quan trắc.

5.4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không môi trường lao động

Bảng 5.3: Kết quả quan trắc định kỳ của không khí môi trường lao động năm 2024 của Cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đợt 1/2024	Đợt 2/2024	QCVN 05:2023/ BTNMT
			K3	K3	
1	Nhiệt độ	°C	26,2	28,1	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	73,5	71,5	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,2	0,2 -1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	72,8	0,096	85 ⁽²⁾
5	NO ₂	mg/Nm ³	<0,006	0,098	10
6	SO ₂	mg/Nm ³	0,105	586	10
7	CO ₂	mg/Nm ³	528	0,135	18.000
8	Bụi tổng	mg/Nm ³	0,123	3,98	8 ⁽³⁾
9	CO	mg/Nm ³	3,73	64,2	40

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

- ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- ⁽²⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- ⁽³⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ).

- K3: Mẫu không khí tại khu vực xưởng sản xuất.

Nhận xét:

Từ kết quả phân tích các mẫu không khí tại khu vực xưởng sản xuất tại các thời điểm quan trắc trên cho thấy tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho

phép theo các quy chuẩn của các chỉ tiêu tương ứng với mức quy định.

5.5. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải phát sinh từ lò hơi

Để kiểm tra khả năng xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 2,5 tấn/giờ, chủ Cơ sở đã thực hiện quan trắc, lấy mẫu với kết quả như sau:

Bảng 5.4: Kết quả quan trắc mẫu khí thải từ lò hơi của Cơ sở.

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT (K _p =1, K _v =0,9)
			451.KT.250418	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	170	180 ⁽¹⁾
2	Lưu lượng	m ³ /h	4.339,3	-
3	Nhiệt độ	°C	180	-
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	78,96	850 ⁽²⁾
5	CO	mg/Nm ³	815,1	1.000 ⁽²⁾
6	SO ₂	mg/Nm ³	7,86	450 ⁽¹⁾
7	CO ₂	%	4,29	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 451.KT.250418: Mẫu khí thải tại ống khói khu vực lò hơi (X= 2344487, Y= 578770).

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

⁽¹⁾ K_p=1: Hệ số lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$. K_v=0,9: Hệ số vùng loại 3 để tính giá trị tối đa cho phép đối với thông số Bụi tổng; SO₂.

⁽²⁾ K_p=1: Hệ số lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$. K_v=1: Hệ số vùng loại 3 để tính giá trị tối đa cho phép đối với thông số CO₂, CO, NO_x (tính theo NO₂).

Nhận xét:

Từ kết quả phân tích mẫu không khí phát sinh từ lò hơi công suất 2,5 tấn/giờ trên cho thấy tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT.

5.6. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong vòng hai năm gần nhất (2023, 2024) Cơ sở không có đợt thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm: Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO, hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng.

Vì vậy Cơ sở dự kiến lên kế hoạch vận hành thử nghiệm như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

***Bảng 6.1:** Thời gian dự kiến của quá trình vận hành thử nghiệm.*

TT	Hạng mục công trình xử lý	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến tại thời điểm kết thúc quá trình VHTN
1	Hệ thống xử lý nước thải 30 m ³ /ngày đêm	Sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải theo GPMT đã được cấp	03 tháng kể từ ngày bắt đầu VHTN	100%
2	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 14.000 m ³ /h			

Ghi chú: Thời gian vận hành thử nghiệm trên đây chỉ là thời gian dự kiến. Trường hợp thay đổi về thời gian, Chủ cơ sở sẽ thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm các công trình.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình:

***Bảng 6.2:** Kế hoạch quan trắc trong GĐVH ổn định công trình xử lý chất thải.*

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh	Thời gian lấy mẫu
1	Mẫu nước thải đầu vào và Mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m ³ /ngày đêm	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Nitrat, Phoshat, Amoni, Dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, Sunfua, Coliform.	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B	- 01 mẫu đơn đối với mẫu nước thải trước xử lý; - 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp đối với nước thải sau xử lý

hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, và tổng lưu lượng của hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi là $14.000 \text{ m}^3/\text{h} < 50.000 \text{ m}^3/\text{h}$, nên theo Phụ lục XXIX, Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì Cơ sở không phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và có lưu lượng xả nước thải của trạm XLNT $< 500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ nên không phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải sinh hoạt (theo Khoản 1, Điều 111, Luật Bảo vệ môi trường).

Cũng theo Khoản 1, Điều 112, Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc nhóm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí nên không phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục bụi, khí thải công nghiệp.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Cơ sở không thuộc đối tượng cần quan trắc định kỳ.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

7.1. Cam kết

Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến nhà máy, bao gồm:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

- Vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh của Cơ sở đều được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn đã cam kết với chủ đầu tư KCN Quang Minh (*Biên bản thoả thuận đầu nối số 06/2017/BB-NĐ ngày 19 tháng 04 năm 2017 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế*).

- Khí thải lò hơi được xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội trước khi ra phát thải ra ngoài môi trường.

- Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định của pháp luật và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các chương trình quan trắc, kiểm soát môi trường vào nguồn tiếp nhận trong quá trình hoạt động của cơ sở.

- Khắc phục sự cố kịp thời, có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan chức năng ở địa phương để giải quyết nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu tới nguồn tiếp nhận nước thải; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có sự cố xảy ra.

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

7.2. Kiến nghị

Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế xem xét trình Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế” để có thể sớm triển khai hoạt động.

Xin chân thành cảm ơn!

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt QHCT khu công nghiệp Quang minh I tại huyện Mê Linh tỉnh
Vinh Phúc - tỷ lệ 1/2000.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về Quy hoạch Xây dựng và Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng V/v Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

Căn cứ văn bản số 805/CP-CN ngày 18-6-2003 của Chính phủ V/v chủ trương đầu tư xây dựng các khu công nghiệp Quang Minh và Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và văn bản số 1186/CP-CN ngày 23-8-2004 của Chính phủ V/v dự án KCN Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Quyết định số 4026/QĐ-UB ngày 23/10/2003 của UBND tỉnh Vĩnh phúc V/v Phê duyệt địa điểm lập dự án khả thi đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh, do Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư.

Căn cứ quyết định số 1807/QĐ-UB ngày 13-5-2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Quang Minh giai đoạn II.

Căn cứ văn bản số 158/BXD-KTQH ngày 17/2/2004 của Bộ Xây dựng V/v QHCT Khu công nghiệp Quang Minh tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về kết quả thực hiện kết luận thanh tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Khu công nghiệp Quang Minh.

Xét đề nghị tại tờ trình số 1020/SXD-QH ngày 27-06-2008 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt qui hoạch xây dựng KCN gồm các nội dung sau:

I. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang minh I tại huyện Mê linh - tỷ lệ 1/2000.

II. Chủ đầu tư : Công ty TNHH đầu tư và phát triển Nam Đức

III. Nội dung qui hoạch :

1. Thành phần hồ sơ : Theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về Quy hoạch Xây dựng và Thông tư số

	(CN)						
2	Đất CTCC (CC)	1,4884	1,4884	1,6168	2,1713	3,6597	1,06
3	Đất cây xanh + Nghĩa địa (CX) <i>không tính phần CX cách ly</i>	26,7700	23,9330	16,3700	10,4667	34,3970	9,98
4	Đất đầu mối HTKT (DM)	3,4759	3,4759	0	0	3,4759	1,01
5	Đất giao thông, bến bãi	30,2136	33,0500	8,3153	13,6600	46,7100	13,56
	Tổng cộng:	244,4777	244,4777	99,9223	99,9223	344,4000	100,0

4.2/ Quy hoạch chia lô :

*Đất công nghiệp: có tổng diện tích 256,1574 ha bao gồm 18 lô từ lô CN-01 đến lô CN-18, diện tích lô từ 3,9061 đến 26,2929 Ha.

*Đất XD công trình công cộng: tổng diện tích 3,6759 Ha, gồm 05 lô từ lô CC-01 đến lô CC-05, diện tích lô từ 0,15 Ha đến 1,6105 Ha.

*Đất đầu mối hạ tầng: tổng diện tích 3,4759 Ha gồm 0521ô, lô DM-01 và DM-02, diện tích lô từ 1,6571 Ha đến 1,8188 Ha.

*Đất cây xanh: có tổng diện tích 34,397 Ha, gồm 07 lô từ lô CX-01 đến lô CX-07, diện tích lô từ 0,732 Ha đến 23,9587 Ha. Trong tổng diện tích cây xanh có 01 lô ký hiệu CX-07 với diện tích là 3,9759 Ha là khu đất nghĩa địa.

*Đất giao thông: có tổng diện tích: 46,71 Ha.

4.3/ Một số nội dung cơ bản về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

Sau khi đồ án quy hoạch định hướng phát triển thị tứ Quang Minh được phê duyệt năm 2002, trong đó có diện tích đất phát triển công nghiệp đợt đầu và đồ án quy hoạch cụm công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 được phê duyệt năm 2003, đến nay đã có trên 123 doanh nghiệp đã vào đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, nhiều doanh nghiệp đã đi vào sản xuất ổn định; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp đã cơ bản được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Nhưng để đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung phát triển, tuân thủ các tiêu chuẩn quy phạm trên cơ sở hiện trạng đã được xây dựng, đồ án quy hoạch Khu công nghiệp Quang Minh1 điều chỉnh một số lô đất trong quy hoạch cụm công nghiệp Quang Minh 1, cụm công nghiệp Quang Minh 2 và mặt cắt giao thông của một số tuyến giao thông trong khu công nghiệp (thể hiện trong quy hoạch giao thông).

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được thể hiện trong bảng sau:

kiến trúc cảnh quan công nghiệp, đồng thời góp phần cải tạo vi khí hậu môi trường và giảm thiểu tiếng ồn.

- Các công trình của các xí nghiệp sản xuất được định hướng theo 2 khu vực chính là khu vực phía Bắc đường trục chính và khu vực phía Nam đường trục chính, với các công trình kiến trúc đơn giản, hiện đại, mang màu sắc công nghiệp.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật :

5.1. Quy hoạch hệ thống giao thông :

*Mạng lưới giao thông :

-Mặt cắt 1-1: 36 m ($6+10,5+3+10,5+6$)

-Mặt cắt 2-2: 30 m ($9,75+10,5+9,75$)

-Mặt cắt 3-3: 24 m ($6,75+10,5+6,75$)

-Mặt cắt 4-4: 13,5 m ($3+7,5+3$)

-Mặt cắt 5-5: 19,5 m ($6+10,5+6$)

*Điều chỉnh một số tuyến đường giao thông nội bộ so với QHCT 1/2000 đã được phê duyệt:

-Bỏ các tuyến đường:

+ Tuyến giao thông mặt cắt ngang 24 m (GD1) từ đỉnh A5 đến đỉnh Đ1

+ Tuyến giao thông từ đỉnh C4-Đ4-E4.

+ Đoạn đường mặt cắt ngang 36 m từ khu công nghiệp Quang Minh 1 nối với công nghiệp Quang Minh 2 và hệ thống cầu vượt đường sắt Hà Nội-Lào Cai.

-Bổ sung xây dựng mới: tuyến đường mặt cắt ngang 13,5 m từ đỉnh Y2 đến đỉnh Y3 với chiều dài 505 m.

-Điều chỉnh mặt cắt ngang một số tuyến đường gồm:

Ký hiệu mặt cắt	Quy hoạch đã phê duyệt (m)	Điều chỉnh quy hoạch (m)	Lộ giới (m)
2-2	30m ($7,5+15+7,5$) -Tuyến G1-G2-G3	30m ($9,75+10,5+9,75$)	30
3-3	24m ($6+12+6$) -Tuyến B1-B0-B2-B3; C1-C2; D1-D2-D3; F1-F2-F3; K1-K2-K3	24m ($6,75+10,5+6,75$)	24
5-5	24m ($6+12+6$) - Tuyến song song với đường sắt và giáp đất cây xanh cách ly với khu dân cư xã Quang Minh	19,5m ($6+10,5+3$)	19,5

- Tiêu chuẩn dùng nước : Được xác định theo tiêu chuẩn sử dụng lâu dài theo QHXdVN hiện hành.

- Mạng lưới cấp nước : Đường ống cấp nước chính dùng ống nhựa PVC D200 mm đặt trên vỉa hè đường trục chính khu công nghiệp (36 m), các tuyến ống nhánh có D=110 mm.

5.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước bản và VSMT :

- Chỉ tiêu tính toán áp dụng theo QHXdVN hiện hành

- Hệ thống thoát nước bản trong khu vực QH được XD là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom vào hệ thống thoát chung, hệ thống thoát nước dùng ống PVC kết hợp cống BTCT để thu gom nước thải từ các hộ dùng nước dẫn về trạm xử lý nước thải của khu công nghiệp. Công suất trạm xử lý nước thải là 12.000 m³/ngày.

- VSMT : Rác thải được thu gom hàng ngày và được phân loại trước khi đưa đến khu xử lý tập trung của khu vực.

5.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

Nguồn điện : nguồn điện cao thế cấp cho khu công nghiệp Quang Minh 1 được lấy từ đường dây 22 kV lộ (472 & 473) -E 25.1 (hiện có) của trạm 110kV Phúc Yên cấp cho các trạm biến áp của các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp Quang Minh 1.

- Đề nghị di chuyển đường dây 22kV và các cột điện 22kV gần trạm biến áp (22/0,4kV) nằm dưới lòng đường lên vỉa hè đường quy hoạch (được thể hiện trên bản vẽ QH cấp điện).

- Mạng điện cao thế cấp cho các trạm biến áp của các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp Quang Minh 1 là đường dây 22kV đi trên không; Mạng điện hạ thế 0,4kV trong các nhà máy dùng cáp ngầm theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chỉ tiêu tính toán : áp dụng theo QHXdVN hiện hành

- Hệ thống chiếu sáng đường:

+Đối với đường có giải phân cách: dùng đèn cao áp chiếu sáng 2 bên, cột đèn dùng cột thép bát giác tráng kẽm, cột trồng trên dải phân cách.

+Đối với đường không có giải phân cách: dùng đèn cao áp chiếu sáng 1 bên, cột đèn dùng cột sắt bát giác tráng kẽm, cột trồng trên vỉa hè đường quy hoạch.

Hiện nay có các dây đèn chiếu sáng 1 bên nằm bên dưới lòng đường quy hoạch, đề nghị di chuyển lên vỉa hè đường quy hoạch.

* Thông tin liên lạc :

- Nguồn cấp : thuộc tổng đài điều khiển của Bưu điện Vĩnh Phúc, nhu cầu sử dụng được tính toán đảm bảo phù hợp yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài.

- Đường dây thông tin liên lạc: dùng dây cáp thông tin luôn trong ống luôn cấp

- Vị trí, hướng tuyến theo hệ thống kỹ thuật chung được đặt trên hệ phổ theo các trục giao thông.

- Hình thức đầu tư : xây dựng đồng bộ với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng, Ban quản lý các KCN Vĩnh Phúc, UBND huyện Mê Linh, UBND thị trấn: Quang Minh, Chi Đông, Công ty TNHH Đầu tư, Phát triển hạ tầng Nam Đức công bố Quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN Vĩnh Phúc, Chủ tịch UBND huyện Mê Linh, Chủ tịch UBND thị trấn: Quang Minh, Chi Đông, Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư, Phát triển hạ tầng Nam Đức và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Nơi nhận:
- CPCT, CPVP,
 - Như điều 3,
 - Lưu VT, NCTH

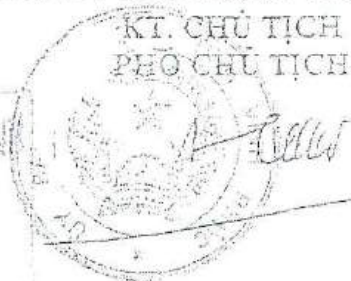
(186)

(25/)

CHỖ TRƯỞNG SỞ Y SẮC CHÍNH

18-08-2008

Số chứng nhận: 4647. Quyển: 001.



Phùng Quang Hùng

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

BẢN VẼ QUY HOẠCH KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH I

VỊ TRÍ - LÔ ĐẤT CÁC DOANH NGHIỆP VÀO ĐẦU TƯ

ĐI SẦM BAY NỘI BÀI

ĐI KIM HOA

Công ty TNHH INAC Việt Nam

INAC

KHU VỰC NHÀ CÀ

ĐI HÀ NỘI

LÔ	CHỦ ĐẦU TƯ	LÔ	CHỦ ĐẦU TƯ	LÔ	CHỦ ĐẦU TƯ	LÔ	CHỦ ĐẦU TƯ	LÔ	CHỦ ĐẦU TƯ
1	C.TY TNHH TM&DV QUẢNG PHÁT	14-2	C.TY CP TONMA VNSTEEL TL	38-2	C.TY TNHH HANG VINA	42	C.TY TNHH TỰ VẤN Y DƯỢC Q. TẾ	45A	CHỦ ĐẦU TƯ
2	C.TY CP HATCON	15	C.TY CP DUNG CUCK XE	38-3	C.TY TNHH TỰ VẤN Y DƯỢC Q. TẾ	42-1	C.TY TNHH PHAM THIEN XONG 2	46A	C.TY TNHH MTV BRERSON
3	C.TY TNHH VIT - GARMENT	15-1	C.TY CP DUNG CUCK XE	38-4	C.TY TNHH HANG VINA	42-2	C.TY TNHH HOKUYO VN	46B	C.TY CP CÔNG NGHỆ BƠ ĐỒ
4	TỔNG C.TY CÔNG NGHỆ SẠCH ĐẲNG	15-2	C.TY CP SMTA LEGROIP	39-1	C.TY TNHH PHONG PAINT VN	43-1	C.TY TNHH THAI SAKO PATANA VN	47	C.TY TNHH CENSTAR HAI
5	C.TY TNHH LOGITECH VN	16	C.TY CP DT XD PT THU HO	39-2	C.TY TNHH CHUN FUN	43-2	C.TY CP MÂY BİM	47	C.TY TNHH CENSTAR HAI
6-2	C.TY CP TM&DV HOANG GIA	17A	C.TY TNHH SX&TM&DV HONG LINH	39-3	C.TY TNHH KHANH CHIEC	43-3	C.TY CP NƠI THẬT CHAU A	48	C.TY CP GALAXY VN
6-3	C.TY CP TM&DV ĐỒNG LỢI	17B	C.TY TNHH LÊ VIỆT	39-4	C.TY CP VIỆT NHẬT	43-4	C.TY CP HOC	48A	C.TY CP VINH THUNG
7	NHÀ ĐIỀU HÀNH KEN	18	C.TY CP NHOM VIỆT ĐỒNG	39-5	C.TY CP HUNG THUAN PHAT	43-5	C.TY TNHH SƠI VINH PHAT	49A	C.TY CP DT AD TON PHAT
8A	C.TY CP V. TRAC	19	C.TY TNHH BIT ACTIVE	39-6	C.TY CP TON PICESXA VN	43-6	C.TY CP TINH DAI & CHAT THOM	49B	C.TY TNHH LEBER RUS DT SEI
9A	C.TY CP INTEX VN	20	C.TY TNHH CÔNG CỐ GIỚI I	39-7	C.TY CP NHẬT THÁNH	43-7	C.TY TNHH NAM NGUYEN	49C	C.TY CP TATCO VN
9B	C.TY CP ĐP SMO KIM	21	C.TY CP ĐP PHUC HUNG	39-8	C.TY TNHH VIỆT THAI	43-8	C.TY CP HUNG	49D	C.TY TNHH SX CNG&TM&DV LINH SON
9C	NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG	22	C.TY CP X&TM TB CN CHIE	39-9	C.TY TNHH VIỆT THAI	43-9	C.TY TNHH T&M HOANG	49E	C.TY TNHH NGANG GIANG
10A	C.TY TNHH THANH MAI	23	C.TY CP LILAMA 3	39-10	C.TY CP SX&TM TÂN ĐỨC	44	C.TY TNHH T&M HOANG	49F	C.TY TNHH C&T BENHAN
10B	C.TY CP NHOM VIỆT ĐỒNG	24	C.TY CP EURO WINDOW	39-11	C.TY TNHH KINH TẾ VN	44-1	AN BAO BỊ CÔNG MINH	49H1	C.TY TNHH C&S NHÀ CHAU AU
11A	C.TY TNHH MASA	25	C.TY CP ĐC HOANG HUNG	39-12	C.TY TNHH T&M HOANG	44-2	C.TY TNHH T&M PHONG	49H2	C.TY CP B&O Đ&C UONG
11B	C.TY CP WOODSLAND	26	C.TY CP ĐC PHAM THAI	39-13	C.TY TNHH T&M HOANG	44-3	TÔNG C.TY CP B&C VIETTEL	49M	C.TY TNHH T&M X&LA THANH
12	NHÀ MÁY CEMENT PHANG	27A	C.TY TNHH MTV OK ME LINH	39-14	C.TY CP DT ANH HOANG NGOC	44-4	C.TY CP CN THAI BINH DUNG	49M.2	C.TY TNHH CN DT LOTUS
12A	C.TY CP V&T NGÂN S&C	27B	C.TY TNHH THUYC THUY VN	39-15	C.TY TNHH X&C MINH T&N	44-5	C.TY CP CN THAI BINH DUNG	49K	C.TY TNHH PHONG NGUYEN
13	C.TY HO NANG LUONG	28	C.TY CP THIỆP M&N	39-16	C.TY TNHH CS M&B	44-6	C.TY CP Đ&K&TM THANG LONG		
14	C.TY CP LILAMA HA NOI	29A	C.TY TNHH TRANG AN	39-17	C.TY TNHH CHIEC SANG & TROT	44-7	C.TY TNHH VIỆT HÀ NỘI		
14.1	C.TY CP DT&CN TH Q MINH	30	C.TY CP S&C D&C V&C	39-18	C.TY CP Đ&C V&C PH&M BAY	44-8	C.TY TNHH MTV BRERSON		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THUÊ LẠI ĐẤT

Số **103** /2013 /HDKT-ND

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số: 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức số 1902000406 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Vĩnh Phúc cấp ngày 19/08/2003;
- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22/10/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v thành lập, phê duyệt dự án và giao cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Vĩnh Phúc;
- Căn cứ Biên bản thỏa thuận ba bên ký ngày 21 tháng 08 năm 2013 giữa Công ty TNHH Tư vấn Y được Quốc với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Gas Hà Nội và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức;
- Căn cứ vào Biên bản thanh lý Hợp Đồng Thuê Lại Đất và thuê cơ sở hạ tầng số 64/HĐ-ND ngày 8/5/2010 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTĐ-ND ngày 6/9/2010, ký ngày 21 tháng 8 năm 2013 giữa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Gas Hà Nội với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức;
- Căn cứ các văn bản pháp luật có liên khác của Việt Nam;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 08 năm 2013, tại Văn phòng Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức, chúng tôi gồm có các Bên dưới đây:

I. BÊN CHO THUÊ : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
Địa chỉ : KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Liên lạc : Điện thoại: 04 32484282/20214649 Fax: 04 38134514
Mã số thuế : 2500222438
Số tài khoản : USD: 031 0137 0001916 VND: 031 0101 0834036
Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa
Đại diện pháp luật : Ông Nguyễn Khắc Sơn Chức vụ: Giám đốc
(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

II. BÊN THUÊ: : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ**
Địa chỉ : B18+19 Khu B Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Liên lạc : Điện thoại: 04. 3537 7274 Fax: 04. 3537 7273
Mã số thuế : 0101424904
Số tài khoản : 03401.01.01.0169362
Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên
Đại diện pháp luật : Ông Nguyễn Ngọc Thành Chức vụ: Tổng Giám đốc
(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

Hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng**") với các điều kiện và điều khoản sau đây:

MỤC A: THUÊ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Điều 1: Đối tượng thuê

Bên A đồng ý cho Bên B thuê cơ sở hạ tầng (sau đây gọi tắt là "Cơ sở hạ tầng") tại Khu công nghiệp Quang Minh, TP Hà Nội để Bên B sử dụng vào mục đích sản xuất và kinh doanh trên lô đất có diện tích khoảng 1.558,9m² tại Lô đất 42A2, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội như được nêu trong Mục B của Hợp đồng này (Sau đây gọi tắt là "**Lô đất thuê**").

Điều 2: Tiền thuê cơ sở hạ tầng, phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp.

- 2.1** Giá tiền thuê cơ sở hạ tầng (tính trên diện tích Lô đất thuê mà Bên A cho Bên B thuê lại) áp dụng trong suốt thời gian thuê là 10/USD/m²/ toàn bộ thời gian thuê (chưa bao gồm VAT). Trường hợp diện tích đất chính xác của Lô đất thuê ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ít hơn hoặc nhiều hơn 1.558,9m² thì số tiền thuê cơ sở hạ tầng quy định trong Điều 2.1 này sẽ được điều chỉnh tương ứng theo diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- 2.2** Ngoài tiền thuê cơ sở hạ tầng, Bên B phải trả cho Bên A phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp (phí quản lý) với đơn giá tại thời điểm hiện tại là 0,2 USD/m²/năm (chưa bao gồm VAT). Hàng năm, Bên B sẽ thanh toán khoản phí này cho Bên A trong vòng 30 (ba mươi) ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm; phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp có thể được điều chỉnh hàng năm theo các nguyên tắc sau (a) mức điều chỉnh được dựa trên CPI (chỉ số giá tiêu dùng) do Chính Phủ Việt Nam công bố hàng năm so với đơn giá đã áp dụng của năm trước liền kề và (b) Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản về phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp khi được điều chỉnh hàng năm. Phí dịch vụ và bảo dưỡng khu công nghiệp điều chỉnh được áp dụng chung cho các nhà đầu tư tại KCN Quang Minh. Phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp của năm đầu tiên được tính từ ngày Bên A bàn giao Lô đất thuê cho Bên B thể hiện trên Biên bản bàn giao đất đến ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 3: Phương thức, đồng tiền thanh toán

- 3.1** Về tiền thuê cơ sở hạ tầng: Các Bên công nhận và đồng ý rằng tiền thuê cơ sở hạ tầng đến thời điểm này đã được Bên B thanh toán đầy đủ cho Bên A theo hình thức kế thừa quyền nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Gas Hà Nội.

- 3.2 Về tiền phí quản lý Khu công nghiệp: thanh toán theo quy định tại Khoản 2.2 của Điều 2 của Hợp đồng này.

MỤC B: THUÊ LẠI ĐẤT

Điều 4: Vị trí, diện tích và mục đích sử dụng của Lô đất thuê:

- 4.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại 1.558,9m² đất tại Khu công nghiệp Quang Minh, TP Hà Nội để sử dụng vào mục đích xây dựng các công trình phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với nội dung của Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp cho Bên B. Số diện tích đất chính xác của Lô đất thuê được xác định theo kết quả đo đạc ghi trong bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) do cơ quan có thẩm quyền của TP Hà Nội cấp cho Bên B.
- 4.2 Vị trí Lô đất thuê mà Bên B thuê lại được xác định theo như trích lục bản đồ mốc giới, và bản vẽ mô tả tình trạng hiện tại của Lô đất thuê được đính kèm theo Hợp đồng này..

Điều 5: Tiền thuê lại đất thô

- 5.1 Tiền thuê lại đất thô: Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A tiền thuê lại đất thô để Bên A trả cho Thành phố Hà Nội với mức giá hàng năm theo quy định của UBND TP Hà Nội áp dụng đối với Khu công nghiệp Quang Minh. Giá tiền thuê đất thô có thể được điều chỉnh theo qui định của thành phố Hà Nội.
- 5.2 Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán tiền thuê lại đất thô cho Bên A hàng năm theo thông báo nộp tiền của Bên A.

Điều 6: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- 6.1 Bên A hỗ trợ Bên B xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Lô đất thuê (Sổ đỏ) cho Bên B.
- 6.2 Bên B có trách nhiệm cung cấp đủ hồ sơ giấy tờ cần thiết phục vụ cho việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (Việc cung cấp đầy đủ hồ sơ giấy tờ cần thiết sẽ được hai bên xác nhận bằng văn bản).

MỤC C: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 7: Thời hạn thuê cơ sở hạ tầng và thời hạn thuê lại đất

Thời hạn thuê cơ sở hạ tầng và thời hạn thuê lại đất sẽ được tính từ ngày Bên A bàn giao đất cho Bên B thể hiện trên Biên bản bàn giao đất được hai Bên ký vào ngày bàn giao và hết hạn vào ngày 28 tháng 09 năm 2053.

Điều 8: Thời điểm tính tiền thuê lại đất thô, phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp và thời hạn bàn giao đất.

Tiền thuê lại đất thô và phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp được tính từ ngày Bên A bàn giao Lô đất thuê cho Bên B thể hiện trên Biên bản bàn giao đất.

Điều 9: Các quy định khác liên quan đến thanh toán

- 9.1. Trường hợp Bên B không thanh toán Tiền thuê lại đất thô, phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp, và các khoản tiền khác đến hạn được thoả thuận giữa Các Bên hoặc phải trả theo hoặc trên cơ sở Hợp Đồng Thuê Lại Đất và Thuê Cơ Sở Hạ Tầng cho Bên A (sau đây gọi là **Khoản Tiền Đến Hạn**), thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền lãi phạt chậm trả với mức lãi suất 1,9%/tháng tính trên khoản tiền chậm trả cho khoảng thời gian chậm trả tính từ ngày đến hạn cho đến ngày thực thanh toán. Nếu Khoản Tiền Đến Hạn cùng với lãi suất phát sinh (nếu có) vẫn không được thanh toán đầy đủ trong vòng một (01) tháng kể từ ngày đến hạn, Bên A có quyền ngừng cung cấp các dịch vụ liên quan đến Cơ Sở Hạ Tầng được Bên A cung cấp cho Bên B trên cơ sở Hợp Đồng Thuê Lại Đất và Thuê Cơ Sở Hạ Tầng cho đến khi Khoản Tiền Đến Hạn cùng với lãi suất phát sinh (nếu có) được thanh toán đầy đủ.
- 9.2. Thuế Giá trị gia tăng (VAT): Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A tiền thuế VAT theo quy định của Chính phủ. Bên A sẽ xuất hoá đơn VAT cho Bên B đối với mỗi khoản thanh toán mà Bên B phải trả, bao gồm tiền thuê lại đất, phí dịch vụ và bảo dưỡng Khu công nghiệp.
- 9.3. Điều khoản về thanh toán:
- Các khoản tiền phải trả bởi Bên B cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này sẽ được chuyển vào Tài khoản của Bên A tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Hàng Hải, chi nhánh Đồng Đa - Hà Nội, Việt Nam theo thông tin sau đây:
- Người thụ hưởng : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
- Số tài khoản : (VND) 031-01-01-083-4036
- Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa
- 9.4. Tất cả các khoản tiền mà Bên B thanh toán cho Bên A quy định tại Hợp đồng này được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố vào ngày Bên B thực thanh toán cho Bên A. Các khoản tiền lãi, tiền phạt (nếu có) cũng đều được quy đổi ra tiền VND theo các xác định tại Điều này khi xác định và thanh toán cho Bên A.

Điều 10: Quyền lợi và trách nhiệm của Bên A

- 10.1 Nhận đủ tiền thuê cơ sở hạ tầng, tiền thuê lại đất thô và các khoản phí khác từ Bên B theo quy định của Hợp đồng.
- 10.2 Yêu cầu Bên B tuân thủ các nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng.
- 10.3 Tôn trọng quyền sở hữu các hạng mục công trình mà Bên B xây dựng trên Lô đất thuê với điều kiện là các công trình này được Bên B xây dựng theo quy định của luật xây dựng và các quy định về xây dựng áp dụng trong KCN Quang Minh.
- 10.4 Bên A chịu trách nhiệm làm việc với Đơn vị quản lý ngành điện của Nhà nước (EVN) để cấp điện đến chân tường rào Lô đất thuê mà Bên B thuê lại. Bên B sẽ thanh toán tiền điện cho Đơn vị quản lý ngành điện mà Bên B trực tiếp ký Hợp đồng cung cấp điện. Giá điện được tính theo giá quy định chung của Đơn vị quản lý ngành điện áp dụng trong Khu công nghiệp Quang Minh.

- 10.5 Bên A chịu trách nhiệm và phối hợp cùng với Đơn vị cấp nước sạch để đảm bảo cấp nước sạch đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam và đồng hồ đo nước đến tường rào Lô đất thuê. Giá nước sạch được tính theo giá chung áp dụng trong KCN Quang Minh của Đơn vị cấp nước sạch. Bên B sẽ thanh toán phí sử dụng nước sạch hàng tháng cho Đơn vị cấp nước theo Hợp đồng cung ứng nước sạch do Bên B ký trực tiếp với Đơn vị cung cấp nước sạch. Khối lượng nước sạch Bên B sử dụng hàng tháng được tính theo đồng hồ đo nước.
- 10.6 Xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải từ quá trình sản xuất, sinh hoạt của Bên B sẽ do Bên B tự xử lý đạt tiêu chuẩn cột C theo TCVN 5945:2005/BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành trước khi xả thải vào hệ thống nước thải chung của Khu công nghiệp Quang Minh. Bên A sẽ chịu trách nhiệm xử lý tiếp để đạt tiêu chuẩn yêu cầu theo qui định của Chính phủ. Bên B phải thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên A theo giá xử lý nước thải qui định tại Khu công nghiệp Quang Minh. Phí phí xử lý nước thải có thể được điều chỉnh theo đơn giá chung áp dụng trong Khu công nghiệp Quang Minh. Khối lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch Bên B sử dụng mỗi tháng. Nội dung chi tiết về việc xử lý nước thải giữa hai Bên sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.
- 10.7 Hệ thống giao thông: Bên A có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống giao thông trong Khu công nghiệp Quang Minh, bao gồm đường kết nối đến tường rào phía trước của Lô đất thuê. Các trục đường chính, đường nhánh và hệ thống đèn đường sẽ được lắp đặt theo đúng quy hoạch, thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt của Khu công nghiệp Quang Minh.
- 10.8 Hệ thống thoát nước: Bên A có trách nhiệm lắp đặt hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải để đảm bảo Khu công nghiệp Quang Minh không bị úng ngập, không gây ô nhiễm môi trường, trừ trường hợp bất khả kháng.
- 10.9 Đường dây điện thoại: Bên A chịu trách nhiệm phối hợp với công ty viễn thông để cung cấp cho Bên B các đường dây điện thoại đến tường rào phía trước Lô đất thuê của Bên B.
- 10.10 Bên A chịu trách nhiệm duy trì cơ sở hạ tầng trong tình trạng tốt và quản lý các hoạt động của cơ sở hạ tầng và tiện ích cung cấp cho Bên B để đảm bảo rằng hệ thống cơ sở hạ tầng có thể được sử dụng trong hoạt động kinh doanh thông thường.
- 10.11 Bên A cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng này.

Điều 11: Quyền lợi và trách nhiệm của Bên B

- 11.1 Yêu cầu Bên A bàn giao Lô đất thuê và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo nội dung của Hợp đồng này.
- 11.2 Nhận bàn giao Lô đất thuê từ Bên A theo qui định tại Hợp đồng này.
- 11.3 Thanh toán cho Bên A hoặc bất kỳ Bên nào khác đầy đủ các khoản tiền phí là khoản phải trả của Bên B như: phí thuê cơ sở hạ tầng, phí thuê đất thô, phí bảo dưỡng và dịch vụ công nghiệp, phí xử lý nước thải, tiền điện, nước, v.v... theo qui định của Hợp đồng này.
- 11.4 Thiết kế hai hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải riêng biệt để đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải chung của Khu công nghiệp Quang Minh. Bên B có trách nhiệm tuân thủ tất cả các qui định về bảo vệ môi trường theo Hợp đồng này và Luật pháp Việt Nam.
- 11.5 Sử dụng cơ sở hạ tầng và Lô đất thuê một cách hiệu quả, đúng mục đích, tuân thủ các qui định của Bên A và Cơ quan có thẩm quyền.

- 11.6 Tuân thủ các qui định của Khu công nghiệp và các qui định của địa phương về vấn đề an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng, phòng chống cháy nổ và các vấn đề khác đảm bảo không được làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.
- 11.7 Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này.

Điều 12: Các tuyên bố và đảm bảo

12.1 Bên A tuyên bố và đảm bảo với Bên B rằng:

- 12.1.1 Bên A là một công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có đủ năng lực để thực hiện các công việc kinh doanh của mình tại Việt Nam; có đầy đủ và duy trì hợp lệ tất cả các quyền yêu cầu liên quan và được ủy quyền, và có quyền pháp lý đầy đủ để cho Bên B thuê lại Lô đất thuê.
- 12.1.2 Hợp đồng này không vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ của Bên A và không vi phạm bất kỳ hợp đồng nào với các bên thứ ba mà Bên A là hoặc sẽ là một trong những bên tham gia ký kết. Hơn nữa, việc thực hiện Hợp đồng này không hoặc sẽ không cấu thành bất kỳ một hành vi vi phạm bất kỳ thỏa thuận, pháp luật hay quy định hiện hành, bản án, quyết định hoặc lệnh của tòa án hay cơ quan chính phủ nào của Bên A.
- 12.1.3 Bên A đã được sự đồng ý của Ban Giám đốc và các thành viên của mình để ký kết Hợp đồng này và thực hiện các nghĩa vụ của mình như đã cam kết theo các điều khoản qui định trong Hợp đồng này.
- 12.1.4 Bên A có và đã đạt được các quyền hợp pháp theo pháp luật Việt Nam để thực hiện Hợp đồng này, cho thuê lại Lô đất thuê và chuyển giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Lô đất thuê – đứng tên chủ quyền sử dụng đất cho Bên B.
- 12.1.5 Lô đất thuê không vướng vào bất cứ trở ngại nào, bao gồm các khoản nợ, thế chấp, cầm cố, cho thuê, quyền hoa lợi, đấu giá, và việc chiếm giữ dưới bất kỳ hình thức nào.

12.2 Bên B tuyên bố và đảm bảo với Bên A rằng:

- 12.2.1 Bên B là một công ty trách nhiệm hữu hạn được đăng ký và hoạt động theo Luật pháp Việt Nam; có quyền thực hiện các công việc kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam và có đầy đủ thẩm quyền thuê lại Lô đất thuê.
- 12.2.2 Hợp đồng này không vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ của Bên B và không vi phạm bất kỳ hợp đồng nào với các bên thứ ba mà Bên B là hoặc sẽ là một trong những bên tham gia ký kết.
- 12.2.3 Bên B đã được thẩm quyền và sự đồng ý của các chủ sở hữu của mình để ký Hợp đồng này và thực hiện các nghĩa vụ của mình cam kết tại đây theo các điều khoản qui định trong Hợp đồng này.

Điều 13: Giải quyết tranh chấp

- 13.1. Bên A và Bên B tại đây cam kết tuân thủ đầy đủ các điều khoản của Hợp Đồng này. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, bất đồng hay khiếu kiện phát sinh từ hay liên quan đến Hợp Đồng này hoặc bất kỳ hành vi vi phạm, chấm dứt hay vô hiệu của Hợp Đồng, mỗi Bên cần thông báo cho Bên kia bằng văn bản và giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hoà giải. Thời gian hòa giải là bốn mươi lăm (45) Ngày Làm Việc kể từ ngày ra thông báo đó để giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hoà giải.

- 13.2. Nếu không đạt được thoả thuận chung chấp nhận được về việc giải quyết tranh chấp, thì các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp, theo qui định pháp luật.
- 13.3. Khi có bất kỳ tranh chấp nào nảy sinh và khi có bất cứ tranh chấp nào đang được Toà án phân xử, thì ngoại trừ các vấn đề liên quan đến tranh chấp, các Bên sẽ tiếp tục thực hiện các quyền và các nghĩa vụ còn lại của mình theo Hợp đồng này.

Điều 14: Sửa đổi, bổ sung

Không có sự sửa đổi, thay đổi và bổ sung nào của bản Hợp đồng này có thể ràng buộc Bên A và Bên B trừ khi có sự đồng ý của cả hai Bên bằng văn bản, do người được uỷ quyền hoặc Người đại diện có thẩm quyền của các Bên ký.

Điều 15: Thoả thuận toàn bộ

Hợp đồng này cấu thành toàn bộ thoả thuận giữa các Bên về vấn đề của Hợp đồng này và thay thế cho mọi thoả thuận, thương lượng và các hợp đồng trước đây giữa các Bên. Không có sự giải thích bằng lời nói hay thông tin bằng lời nói bởi bất cứ Bên nào có thể làm thay đổi ý nghĩa hay diễn giải của Hợp đồng này.

Điều 16: Hiệu lực

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và đóng dấu;

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây:

- 16.1 Hết thời hạn thuê đất theo qui định tại Điều 7 của Hợp đồng này mà hai Bên không thoả thuận gia hạn thời gian thuê;
- 16.2 Hai bên thống nhất bằng văn bản chấm dứt Hợp đồng này;

Điều 17: Các qui định chung

- 17.1. Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 17.2. Không Bên nào được phép chuyển nhượng Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quyền nào của mình theo Hợp Đồng này mà không được Bên kia đồng ý trước bằng văn bản.
- 17.3. Trường hợp Bên A bị phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng dự án, hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác tạo nên pháp nhân mới thì Chủ đầu tư mới sẽ có trách nhiệm kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Bên A như được qui định tại Hợp đồng này. Mọi chi phí liên quan (nếu có) theo qui định của pháp luật sẽ do Bên A hoặc Chủ đầu tư mới chịu.
- 17.4. Trường hợp, Bên B bị phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Dự án hoặc các quyền theo Hợp đồng này cho tổ chức, cá nhân khác thì Chủ đầu tư mới và Bên A phải ký lại Hợp đồng Thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất mới, và Chủ đầu tư mới sẽ thanh toán các khoản nợ cho Bên A (những khoản nợ mà Bên B vẫn chưa thanh toán) trên cơ sở kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Bên B tại Hợp đồng này. Trường hợp này, Bên B hoặc chủ đầu tư mới phải thanh toán cho Bên A một khoản phí hợp lý cho thủ tục hành chính cho việc chuyển nhượng theo chi phí thực tế mà hai Bên thoả thuận.

Điều 18: Ký kết

Hợp Đồng này được ký thành sáu (06) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản gốc, 02 bản còn lại sẽ được gửi đến các cơ quan chức năng liên quan.

ĐỂ LÀM BẰNG, Các đại diện được ủy quyền hợp lệ của Các Bên ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng và năm được ghi ở phần đầu của Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc



NGUYỄN KHẮC SƠN

ĐẠI DIỆN BÊN B

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC THÀNH

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 01221000498

Chứng nhận lần đầu: ngày 24 tháng 9 năm 2013

- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Văn bản số 28/2013/CT-CV ngày 12/8/2013 của Công ty TNHH Một thành viên Gas Hà Nội, Biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng ngày 08/5/2013 giữa Công ty TNHH Một thành viên Gas Hà Nội và Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức;
- Căn cứ theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất số 103/2013/HDKT-NĐ ký giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH tư vấn y dược quốc tế ngày 21/8/2013;
- Căn cứ Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ nộp kèm theo của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ ngày 19 tháng 9 năm 2013,

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0101424904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 19/3/2013.

+ Địa chỉ Trụ sở chính: B18+19 Khu B Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội;

+ Điện thoại: 04.35377274

Fax: 04.35377273

- Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông Nguyễn Ngọc Thành

+ Sinh ngày: 23/7/1970;

+ Quốc tịch: Việt Nam;

+ Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty ;

+ Chứng minh thư nhân dân số : 012274730 cấp ngày 24/12/2011; Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội ;

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 916, Nhà Nơ 8, Khu bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;

+ Chỗ ở hiện tại: Phòng 916, Nhà Nơ 8, Khu bán Đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: Dự án chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu: Sản xuất các loại cao dược liệu phục vụ nguyên liệu cho ngành dược và thực phẩm chức năng như: cao lá sắn dây, cao lá cây rau má, cao cây trinh nữ hoàng cung, cao cây diếp cá, v.v.

- Công suất dự kiến: 15- 20 tấn thành phẩm /năm.

Doanh nghiệp phải chấp hành và tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực sản xuất thuốc, dược phẩm khi thực hiện dự án.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 42A2, Khu công nghiệp Quang Minh I, huyện Mê Linh, TP Hà Nội (Căn cứ theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất số 103/2013/HDKT-NĐ ký giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH tư vấn y dược quốc tế ngày 21/8/2013).

- Diện tích đất dự kiến thuê: 1.558,9 m².

Bên thuê và bên cho thuê đất phải tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của địa điểm và diện tích đất thuê, đảm bảo phù hợp với quy hoạch khu công nghiệp Quang Minh I được phê duyệt.

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn tự có của doanh nghiệp: 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng);

- Vốn vay và huy động tín dụng từ ngân hàng và các tổ chức dụng khác: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).

Chủ đầu tư phải tự chịu trách nhiệm về nguồn vốn đăng ký đầu tư thực hiện dự án.

Điều 5. Thời hạn thực hiện dự án: Căn cứ theo thỏa thuận Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất số 103/2013/HDKT-NĐ ngày 21/8/2013 ký giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH tư vấn y dược quốc tế; Thời hạn thuê đất phải phù hợp với thời hạn hoạt động của KCN Quang Minh I đã được phê duyệt và quy định của Luật Đất đai.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện dự án đăng ký dự kiến như sau:

- Từ tháng thứ nhất đến tháng thứ tư: hoàn thành việc xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các thủ hành chính liên quan đến quá trình hoạt động của dự án;

- Từ tháng thứ năm đến tháng thứ mười: Xây dựng, cải tạo nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và chạy thử;

- Từ tháng thứ mười đến tháng thứ mười hai: tuyển dụng đào tạo cán bộ công nhân viên;

- Từ tháng thứ mười ba: Dự án chính thức đi vào hoạt động.

Điều 7. Ưu đãi đầu tư đối với dự án: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư phải thực hiện và tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Đất đai, các quy định khác có liên quan của pháp luật và Thành phố Hà Nội; Đồng thời phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ đăng ký đầu tư, hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng đã ký giữa các bên;

b) Tuân thủ quy hoạch khu công nghiệp, trả tiền thuê sử dụng hạ tầng khu công nghiệp và phí quản lý khu công nghiệp theo hợp đồng đã ký giữa các bên; Việc đầu tư xây dựng Nhà máy phải tuân thủ theo đúng chứng chỉ quy hoạch và giấy phép xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số: 29/2011/NĐ-CP ngày 18/04/2011 của Chính phủ; đồng thời tuân thủ theo các quy định của Bộ Y tế trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm; Chấp hành quy định của pháp luật về an toàn phòng chống cháy nổ khi thực hiện dự án; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đánh giá dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định 113/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ;

d) Doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

e) Hàng tháng và hàng quý doanh nghiệp phải có báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện dự án, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, chính sách đối với người lao động gửi về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và các cơ quan có liên quan để theo dõi và thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Điều 9. Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 02 bản (hai bản) gốc; Chủ đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội./.

CHỨNG THỰC BẢN SÁC ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 02-08-2016

Số chứng thực: 7.10.7 (Quyết số 02/2016)



Nguyễn Xuân Chính



PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Thị Chiên

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 359 /GPXD

I. Cấp cho: Công ty TNHH tư vấn y dược Quốc tế.

- Địa chỉ: Lô 42A, khu công nghiệp Quang Minh I, huyện Mê Linh, Hà Nội.

II. Được cấp phép xây dựng các công trình thuộc dự án: “Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” như sau:

1. Tổng số: 04 hạng mục công trình. Cụ thể:

1.1. Nhà xưởng sản xuất:

- + Diện tích xây dựng: khoảng 820,76 m²;
- + Diện tích sàn xây dựng: khoảng 2.290 m²;
- + Chiều cao khoảng: 13,45 m (từ cốt sân tới đỉnh mái);
- + Chiều cao tầng 1: 4,5 m
- + Số tầng: 03 tầng.

1.2. Nhà phụ trợ: (Lò hơi + Nhà để than củi)

- + Diện tích xây dựng: khoảng 70,8 m²;
- + Diện tích sàn xây dựng: khoảng 70,8 m²;
- + Chiều cao (từ cốt sân tới đỉnh mái): khoảng 7,2 m (Nhà lò hơi) và 5,2m (Nhà để than củi);
- + Số tầng: 01 tầng.

1.3. Nhà nén khí và thay đồ:

- + Diện tích xây dựng: khoảng 37,37 m²;
- + Diện tích sàn xây dựng: khoảng 37,37 m²;
- + Chiều cao khoảng: 4,46 m (từ cốt sân tới đỉnh mái);
- + Số tầng: 01 tầng.

1.4. Nhà bảo vệ:

- + Diện tích xây dựng: khoảng 4,75 m²;
- + Diện tích sàn xây dựng: khoảng 4,75 m²;
- + Chiều cao khoảng: 2,9 m (từ cốt sân tới đỉnh mái BTCT);
- + Số tầng: 01 tầng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: tháng.

Hà Nội, ngày tháng năm 201 ..

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**

Số: 309/TB-UBND

Mê Linh, ngày 25 tháng 11 năm 2013

THÔNG BÁO

**Về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của
dự án “Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP”
tại Lô 42A2, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh**

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường dự án “Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” tại Lô 42A2, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh của Công ty TNHH Tư vấn Y dược quốc tế và Tờ trình số 414/TTr-TNMT ngày 21/11/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh.

2. Công ty TNHH Tư vấn Y dược quốc tế có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Đối với bụi và khí thải trong quá trình thi công và sau khi dự án đi vào hoạt động phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Nước thải trong giai đoạn thi công và sau khi dự án đi vào hoạt động phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT(Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, QCVN 08:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công dự án và khi dự án đi vào hoạt động phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom chất thải rắn không nguy hại, chất thải nguy hại - Thực hiện việc thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn (bao gồm cả chất thải thông thường và chất thải nguy hại) để đảm bảo theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 3/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội và Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo quy định, kết quả giám sát được lưu giữ tại cơ quan quản lý dự án và định kỳ gửi báo cáo về UBND huyện Mê Linh (qua phòng Tài nguyên và Môi trường) để kiểm tra, giám sát. Tần suất báo cáo là 06 tháng/lần.

3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và hoạt động của dự án “Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” của Công ty TNHH Tư vấn Y dược quốc tế tại Lô 42A2, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh.

4. Công ty TNHH Tư vấn Y dược quốc tế có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Sở TN&MT (để b/c);
- Công ty TNHH Tư vấn Y dược quốc tế (để t/h);
- Phòng TN&MT (để giám sát);
- Lưu: VT.TMNT.T(06b). *huy*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Trọng

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ**

- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số: 01221000498 về việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP Lô 42A2 – KCN Quang Minh I - Huyện Mê Linh – TP Hà Nội của UBND TP Hà Nội BQL các KCN và Chế xuất Hà Nội ký ngày 24 tháng 9 năm 2013;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế;

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Thay đổi tên dự án)

Điều 1: Quyết định thay đổi tên dự án với nội dung như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế
- Địa chỉ: Lô 42A2 – KCN Quang Minh I - Huyện Mê Linh – TP Hà Nội
- Tên gọi cũ là: Dự án chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP
- Tên gọi mới là: Dự án Nghiên cứu phát triển và làm chủ công nghệ sản xuất qui mô công nghiệp một số chế phẩm Vi sinh, Enzym và Protein tên viết tắt là: CNC.02.DAPT/13

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký là ngày nêu ở trên, Ban quản lý dự án và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban quản lý dự án;
- Phòng Tài chính – Kế toán;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2016

BIÊN BẢN 07

NGHIỆM THU NỘI BỘ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án : XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÀNH PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP - DỰ
ÁN CNC.02.DAPT/13

Hạng mục : Hệ thống xử lý nước thải.

Địa điểm : Lô 42A2 - KCN Quang Minh 1 - Huyện Mê Linh - TP Hà Nội.

1. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Ban Giám đốc : Công ty CPĐT PT Hạ tầng & Kỹ thuật môi trường NUCETECH

Ông: Đoàn Văn Động

Chức vụ: Giám đốc

b. Đại diện đơn vị thi công: Công ty CPĐT PT Hạ tầng & Kỹ thuật môi trường
NUCETECH

Ông: Vũ Anh Thế

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Ông: Ngô Tuấn Hường

Chức vụ: Tổ trưởng công nhân lắp đặt

2. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 19...ngày 19...tháng 11...năm 2016

Kết thúc: 11...ngày 19...tháng 11...năm 2016

3. Đánh giá công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu;

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng có liên quan được áp dụng:

TCXD 182 1996: Máy nén khí – Sai số lắp đặt

TCXD 183 1996: Máy bơm – Sai số lắp đặt

b) Về tiến độ xây dựng hạng mục, công trình:

- Ngày khởi công: ...05/11/2015.....

- Ngày hoàn thành:

c) Về công suất đưa vào vận hành của công trình: 100%

- Theo thiết kế được duyệt: ..20..m³/ngđ

- Theo thực tế đạt được:m³/ngđ

d) Về chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng

Hà Nội, ngày 14 tháng 12, năm 2016

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án : XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÀNH PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP - DỰ
ÁN CNC.02.DAPT/13

Hạng mục : Hệ thống xử lý nước thải.

Địa điểm : Lô 42A2 - KCN Quang Minh 1 - Huyện Mê Linh - TP Hà Nội.

1. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH tư vấn Y Dược quốc tế

Ông: Hoàng Tuấn Huy

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Đàm Duy Hợi

Chức vụ: Phó BQLDA

**b. Đại diện Tư vấn giám sát: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ tư vấn Việt
Lào**

Ông: Nguyễn Vinh Quang

Chức vụ: Giám sát trưởng

Ông: Hoàng Văn Trọng

Chức vụ: TVGS

**c. Đại diện nhà thầu thi công: Công ty CPĐT PT Hạ tầng & Kỹ thuật môi trường
NUCETECH**

Ông: Đoàn Văn Động

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Vũ Anh Thế

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 11...ngày 14. tháng 12. năm 2016

Kết thúc: 12... ngày 14 tháng 12. năm 2016

Tại: công trình thi công

3. Đánh giá công trình xây dựng:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Hợp đồng kinh tế số : 20141213/HDDKT/IMC-NCT và các PLHĐ kinh tế đi kèm

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng có liên quan được áp dụng;

TCXD 182 1996: Máy nén khí – Sai số lắp đặt



TCXD 183 1996: Máy bơm – Sai số lắp đặt

- Biên bản nghiệm thu nội bộ của nhà thầu thi công xây dựng;
- b) Về tiến độ xây dựng hạng mục, công trình:
 - Ngày khởi công:05/...01/...2015.....
 - Ngày hoàn thành: ..28/11.../...2016.....
- c) Về công suất đưa vào vận hành của công trình: 100%
 - Theo thiết kế được duyệt: 30 m³/ngđ
 - Theo thực tế đạt được: 30 m³/ngđ
- d) Về chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng

Đạt yêu cầu

- e) Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt:
- f) Các ý kiến khác (nếu có) :

Không

4. Kết luận :



Đạt yêu cầu



Đồng ý nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng



5. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC
Hoàng Tuấn Hưng



TƯ VẤN GIÁM SÁT

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Vĩnh Quang



ĐƠN VỊ THI CÔNG

GIÁM ĐỐC
ThS. Đoàn Văn Động

Hà Nội, ngày 19.. tháng 04.. năm 2017

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỔI

“V/v thoát nước mặt, nước thải KCN Quang Minh”

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, ngày 23 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Điều 35, Chương IV, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Căn cứ vào Hợp đồng xử lý nước thải số 448/2013/HĐ-XLNT ngày 21/09/2013...
- Căn cứ vào nhu cầu xả thải của Công ty TNHH Tư vấn & Dược Quốc Tế

Hôm nay vào hồi 10.. giờ 30.. phút, ngày 19.. tháng 04.. năm 2017.. Tại văn phòng Công ty TNHH Đầu tư và PTH T Nam Đức, chúng tôi gồm có:

I/ ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PTH T NAM ĐỨC:

Ông/Bà: Nguyễn Khắc Sơn.....

Chức vụ : Giám đốc.....

Ông/Bà: Lê Thị Hạnh.....

Chức vụ : CB Giám sát Môi trường.....

Ông/Bà: Nguyễn Thanh Luân.....

Chức vụ : CB Giám sát.....

II/ ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & DƯỢC QUỐC TẾ

Ông/Bà: Hoàng Tuấn Huy.....

Chức vụ : Giám đốc.....

Ông/Bà:.....

Chức vụ :.....

Nội dung biên bản:

Cùng nhau xác nhận biên bản thỏa thuận đầu nổi hệ thống thoát nước mặt, nước thải của Công ty TNHH Tư vấn & Dược Quốc Tế vào hệ thống thoát nước mặt, nước thải chung của Khu công nghiệp Quang Minh, cụ thể như sau:

- Vị trí đầu nổi thoát nước mặt:

+ Điểm 1: Cách đường Lã Nhì phía Tây Công ty khoảng 23 m trên diện F1.H1

+ Điểm 2:

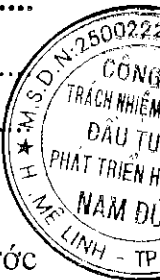
+ Điểm 3:

- Vị trí đầu nổi thoát nước thải:

+ Điểm 1: Cách đường Lã Nhì phía Tây Công ty khoảng 22 m trên diện F1.H1

+ Điểm 2:

Yêu cầu về kỹ thuật:



1. Thoát nước mặt:

Yêu cầu bên B trước khi đấu nối vào hệ thống chung của KCN phải có hồ ga và trước cửa xả phải có lưới chắn rác, mắt lưới 5 cm và không được lẫn nước thải. Sau khi đấu nối xong bên B phải trả lại mặt bằng hiện trạng đúng theo yêu cầu kỹ thuật ban đầu.

2. Thoát nước thải:

Khi thi công bên B phải có hồ ga và trước khi đấu nối phải có lưới chắn rác, mắt lưới 3 cm. Cấp độ xả đạt cấp độ C., khối lượng = 80.% chỉ số nước đầu vào và không được lẫn nước mặt. Công đi qua đường phải là cống trọng tải C, khi lắp đặt chú ý bảo vệ các cơ sở kỹ thuật khác có trên lề đường.

3. Cốt cao độ tại cửa xả:

- Cốt dòng chảy thoát nước mặt:

+ Điểm 1: + 8.28

+ Điểm 2:

+ Điểm 3:

- Cốt dòng chảy thoát nước thải:

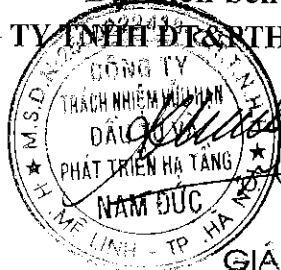
+ Điểm 1: + 8.58

+ Điểm 2:

4. Bên B cam kết vị trí xả, số lượng cửa xả đúng theo biên bản này đã ghi nhận. Trường hợp có cửa xả hoặc lối thoát nước thải khác trong phạm vi doanh nghiệp thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản kết thúc vào hồi 11. giờ 00. phút cùng ngày. Biên bản này được lập thành 03 bản đã đọc lại cho các bên tham gia cùng nghe, các bên đã thống nhất và cùng ký vào biên bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi báo cáo BQL các KCN và CX Hà Nội.

Đại diện bên A
CÔNG TY TNHH Đ&NTHT NAM ĐỨC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Pôn



Đại diện bên B
GIÁM ĐỐC
Hoàng Tuấn Huy



Số: 02 /CV-IMC.QM

Mê Linh, ngày 28 tháng 4 năm 2017

V/v đề nghị điều chỉnh nội dung bản cam
kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Huyện Mê Linh- Hà nội

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường số 309 /TB-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 của UBND huyện Mê Linh về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” tại lô 42A2, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh.

Công ty TNHH Tư vấn y dược quốc tế xin báo cáo và đề nghị UBND Huyện Mê Linh- Hà Nội điều chỉnh một số nội dung trong Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” do Công ty TNHH Tư vấn Y dược quốc tế làm chủ đầu tư đã được UBND huyện Mê Linh xác nhận đăng ký tại Văn bản số 309 /TB-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 như sau:

1. Nội dung xin thay đổi bổ sung

1.1. Bổ sung danh sách máy móc của dự án tại Trang 16 Bản cam kết BVMT đã được xác nhận

“13. Máy dập viên; 14. Máy đóng nang; 15. Máy bao phim; 16. Máy ép vỉ; 17. Máy đóng lọ, 18. Máy lau nang; 19. Một số máy móc phục vụ giai đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm”.

1.2. Thay đổi nội dung của sơ đồ hệ thống xử lý nước thải của Công ty tại Trang số 32 bằng Thuyết minh và Sơ đồ sau đây:

- Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải được chia làm 3 dòng:

Dòng 1: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt, văn phòng ... được thu gom bằng hệ thống ống dẫn PVC vào bể tự hoại (WC) xử lý. Đầu ra bể tự hoại được dẫn tiếp vào bể xử lý nước thải của nhà máy.

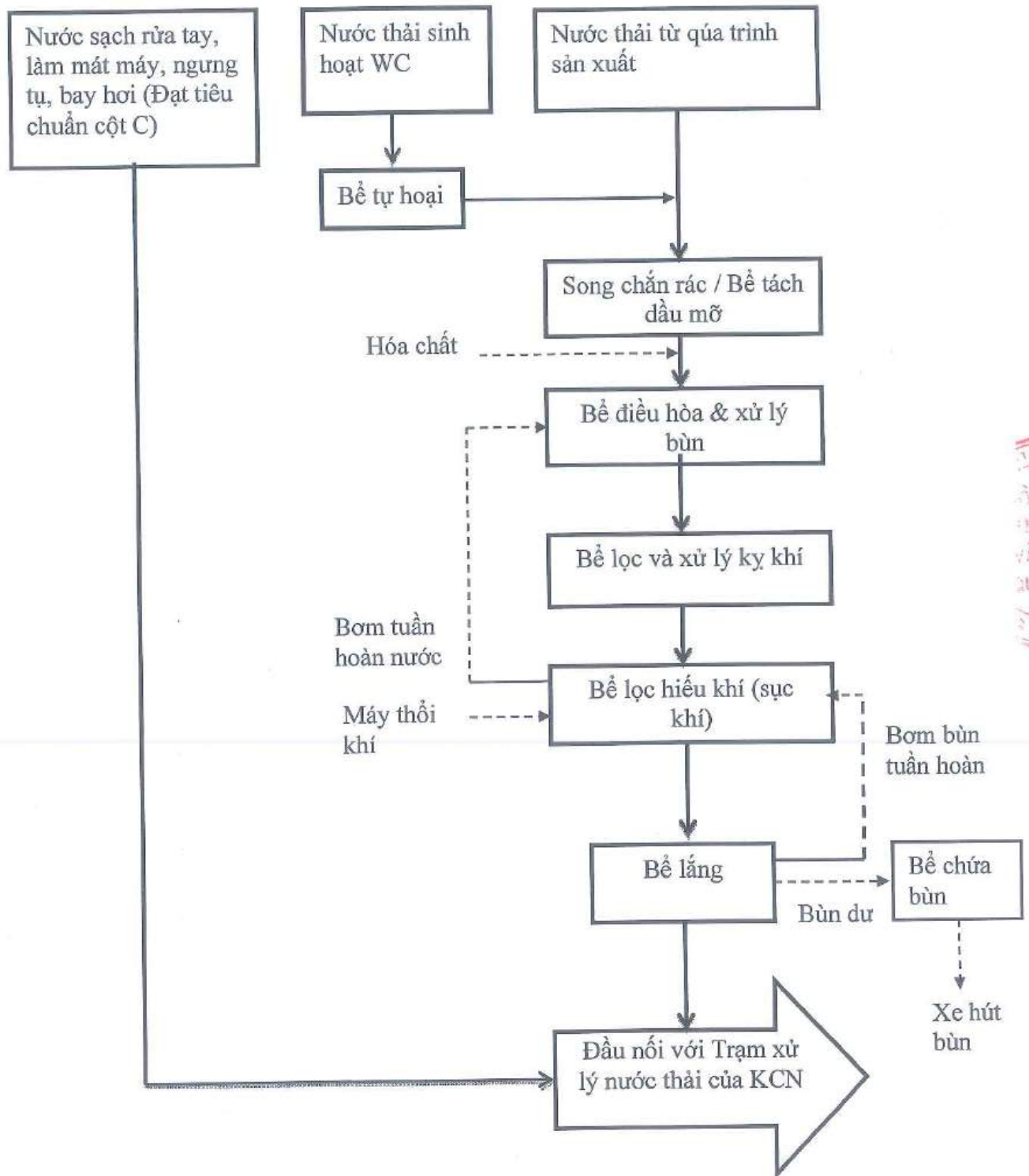
Dòng 2: Nước thải từ các hoạt động sản xuất được thu gom bằng hệ thống đường ống kín PVC, đi qua song chắn rác đồng thời là bể tách dầu mỡ, sau khi nước thải tách rác, dầu mỡ được dẫn sang bể điều hòa và xử lý bùn. Công đoạn tiếp là bể lọc và xử lý kỵ khí. Nước thải sau quá trình xử lý kỵ khí sẽ đi vào bể xử lý hiếu khí (bể sục khí). Sau khi xử lý hiếu khí, nước thải sẽ được đưa vào bể lắng và dẫn ra hệ thống đường ống kín đầu nối vào Trạm xử lý nước thải của KCN Quang Minh. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước của Công ty sẽ đảm bảo



Tiêu chuẩn đầu vào Trạm xử lý nước thải của KCN theo điều khoản hợp đồng, thỏa thuận trước khi đầu nối.

Dòng 3: Nước thải sạch từ nguồn nước làm mát máy, nước bay hơi – ngưng tụ, rửa dụng cụ sạch ... (đạt tiêu chuẩn cột C theo hợp đồng đầu nối KCN) và được dẫn bằng đường ống PVC đầu nối vào trạm XLNT của KCN Quang Minh.

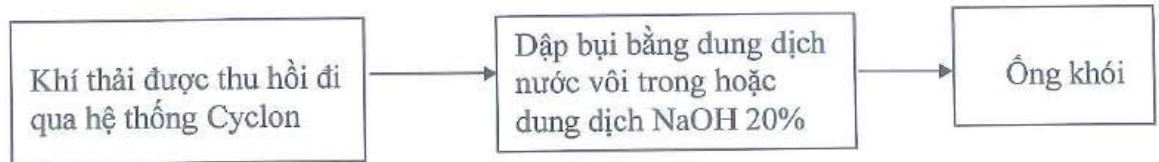
- Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải:



1.3 Thay đổi tên từ “ Dự án chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” thành “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh- Công ty TNHH tư vấn Y dược Quốc tế”.

1.4 Sửa đổi bổ sung vào mục 3.1.1.2 phần “Giảm thiểu bụi, khí thải từ hệ thống lò hơi đốt than”:

Lò hơi đốt than được thiết kế kết hợp với hệ thống xử lý khí, bụi thải trước khi thải ra môi trường bao gồm các công đoạn như sau:



1.5 Thay đổi phần thứ 2 của mục 4.2.2 (Giám sát chất lượng nước) như sau:

Chất lượng nước thải: Tối thiểu đạt mức C-TCVN 5945-2005 (chi tiết theo hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 148/2013/HĐ-XLNT giữa Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH tư vấn Y Dược Quốc tế). Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức có trách nhiệm xử lý nước thải đạt theo tiêu chuẩn qui định của nhà nước.

2. Cam kết của Chủ đầu tư

Công ty TNHH Tư vấn Y Dược Quốc tế cam đoan về tính trung thực các nội dung báo cáo trên đây là đúng sự thật. Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường; Đảm bảo các yếu tố gây tác động đến môi trường không khí, nước, đất cũng như môi trường kinh tế xã hội và sức khỏe cộng đồng khu vực lân cận nằm trong tiêu chuẩn cho phép của pháp luật Việt Nam quy định.

(Kèm theo công văn là Giấy xác nhận, Bản cam kết bảo vệ môi trường “ Dự án chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” của Công ty TNHH Y dược Quốc tế đã được xác nhận và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp ngày 07/7/2016)

3. Đề nghị

Công ty TNHH Tư vấn Y Dược Quốc tế kính đề nghị UBND Huyện Mê Linh- Thành phố Hà Nội chấp thuận việc thay đổi một số nội dung tại bản cam kết bảo vệ môi trường của “Dự án chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” nay là “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh- Công ty TNHH tư vấn Y dược Quốc tế” tại Lô 42A2, KCN Quang Minh I, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội, tạo điều kiện để Công ty chấp hành đầy đủ quy định liên quan đến Luật Bảo Vệ Môi trường./.

Nơi nhận:

- Ban QLDA KCN&CX Hà Nội;
 - UBND huyện Mê Linh;
 - Lưu: VT.
- (để b/c)



CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC

Hoàng Tuấn Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3533/UBND-TNMT

Mê Linh, ngày 26 tháng 6 năm 2017

v/v chấp thuận điều chỉnh nội dung bản cam kết
bảo vệ môi trường của Công ty TNHH
Tư vấn Y dược Quốc tế

Kính gửi: Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế

UBND huyện Mê Linh nhận được Văn bản số 02/CV-IMC.QM ngày 28/4/2017 của Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế (Công ty IMC) về việc đề nghị điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký.

Sau khi xem xét Báo cáo số 100/BC-TNMT ngày 15/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mê Linh có ý kiến như sau:

Chấp thuận điều chỉnh một số nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường đã được UBND huyện Mê Linh xác nhận tại Thông báo số 309/TB-UBND ngày 25/11/2013 do Công ty TNHH Tư vấn Y dược quốc tế đề nghị tại văn bản số 02/CV-IMC.QM ngày 28/4/2017. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Đề nghị Công ty TNHH Tư vấn Y dược quốc tế thực hiện đầy đủ nội dung tại bản cam kết bảo vệ môi trường và nội dung đề nghị điều chỉnh đã được UBND huyện Mê Linh xác nhận. /

Nơi nhận:

- Như K/gửi;
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Ban Quản lý các KCN và Chế xuất Hà Nội (để biết);
- Phòng TNMT (để t/h);
- Lưu: VT. TNMT.Thịnh05b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Hoài

Phụ lục chi tiết các nội dung UBND huyện Mê Linh chấp thuận điều chỉnh

(Kèm theo Văn bản số 353/UBND-TNMT ngày 26 tháng 6 năm 2017)

1. Bổ sung danh sách máy móc của dự án tại Trang 16 Bản cam kết BVMT đã được xác nhận.

“13. Máy dập viên; 14. Máy đóng nang; 15. Máy bao phim; 16. Máy ép vỉ; 17. Máy đóng lọ, 18. Máy lau nang; 19. Một số máy móc phục vụ giai đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm”.

2. Thay đổi nội dung của sơ đồ hệ thống xử lý nước thải của Công ty tại Trang số 32 bằng Thuyết minh và Sơ đồ:

- Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải được chia làm 2 dòng chính:

Nước thải được chia làm 3 dòng:

Dòng 1: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt, văn phòng ... được thu gom bằng hệ thống ống dẫn PVC vào bể tự hoại (WC) xử lý. Đầu ra bể tự hoại được dẫn tiếp vào bể xử lý nước thải của nhà máy.

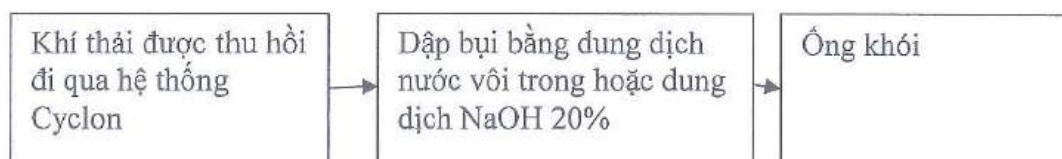
Dòng 2: Nước thải từ các hoạt động sản xuất được thu gom bằng hệ thống đường ống kín PVC, đi qua song chắn rác đồng thời là bể tách dầu mỡ, sau khi nước thải tách rác, dầu mỡ được dẫn sang bể điều hòa và xử lý bùn. Công đoạn tiếp là bể lọc và xử lý kỵ khí. Nước thải sau quá trình xử lý kỵ khí sẽ đi vào bể xử lý hiếu khí (bể sục khí). Sau khi xử lý hiếu khí, nước thải sẽ được đưa vào bể lắng và dẫn ra hệ thống đường ống kín đầu nối vào Trạm xử lý nước thải của KCN Quang Minh. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước của Công ty sẽ đảm bảo Tiêu chuẩn đầu vào Trạm xử lý nước thải của KCN theo điều khoản hợp đồng, thỏa thuận trước khi đầu nối.

Dòng 3: Nước thải sạch từ nguồn nước làm mát máy, nước bay hơi – ngưng tụ, rửa dụng cụ sạch ... (đạt tiêu chuẩn cột C theo hợp đồng đầu nối KCN) và được dẫn bằng đường ống PVC đầu nối vào trạm XLNT của KCN Quang Minh.

(Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tại trang cuối của phụ lục này).

3. Sửa đổi bổ sung vào mục 3.1.1.2 phần “Giảm thiểu bụi, khí thải từ hệ thống lò hơi đốt than”:

Lò hơi đốt than được thiết kế kết hợp với hệ thống xử lý khí, bụi thải trước khi thải ra môi trường bao gồm các công đoạn như sau:

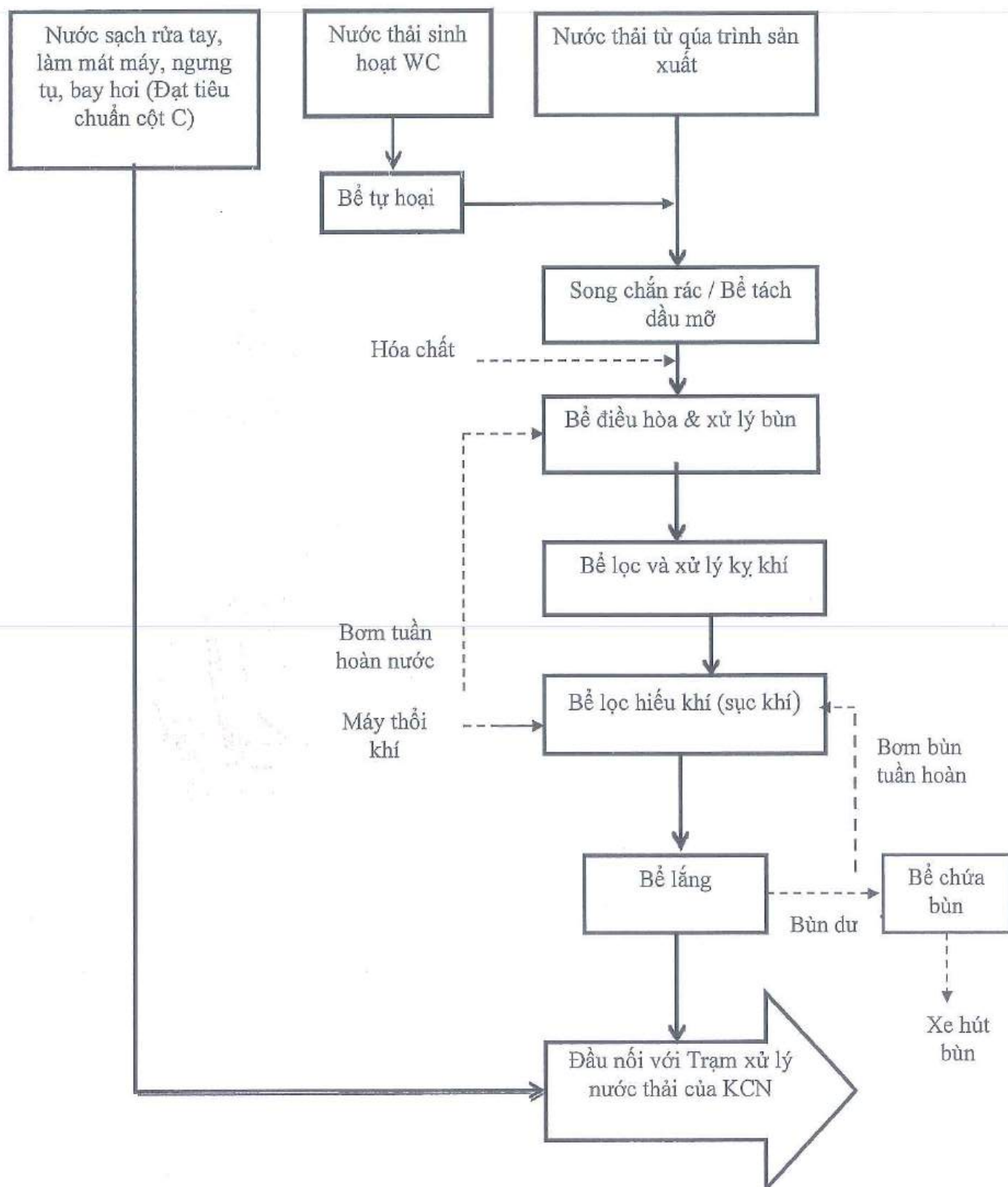


4. Thay đổi phần thứ 2 của mục 4.2.2 (Giám sát chất lượng nước) như sau: Chất lượng nước thải đầu ra sau khi xử lý từ Công ty đạt tiêu chuẩn đầu vào

của Trạm xử lý nước thải của KCN do thỏa thuận giữa Công ty và Chủ đầu tư Trạm xử lý nước thải KCN Quang Minh.

5. Thay đổi tên dự án từ “Dự án chiết suất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP” thành dự án “Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh – Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế”.

Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải:



XÁC NHẬN
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 8 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 269/TDPCCC-P3 ngày 13/6/2014 và số 989/TD-PCCC-P3 ngày 07/11/2017 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội;

Sau khi xem xét hồ sơ và văn bản đề nghị nghiệm thu về PCCC số 161/IMC ngày 16/01/2018 của Công ty TNHH tư vấn y dược Quốc tế.

Người đại diện là Ông (bà): Hoàng Tuấn Huy Chức danh: Giám đốc

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TP HÀ NỘI
XÁC NHẬN

Công trình: Nhà máy sản xuất chiết xuất cao dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP.

Địa điểm: Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH tư vấn y dược Quốc tế.

Được xác nhận nghiệm thu về PCCC gồm:

- Giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối thoát nạn;

- Hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn;

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động, họng nhận nước từ xe chữa cháy, trang bị bình chữa cháy;

- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy;

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 24/01/2018 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội.

- Duy trì liên tục các nội dung về bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan, chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC đã được lắp đặt như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về PCCC./.

Nơi nhận:

- C66 - Bộ Công an (để báo cáo);

- Chủ đầu tư (để thực hiện);

- Phòng CS PC&CC số 6;

(để theo dõi)

- Lưu: P3.

Hà Nội, ngày **02** tháng **02** năm 2018

GIÁM ĐỐC



Thiếu tướng Hoàng Quốc Định

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ

**BẢNG TỔNG HỢP LƯỢNG KHÍ THẢI, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG,
CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI NĂM 2022**

Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất	Loại hình sản phẩm	Biện pháp xử lý khí thải	Lượng nước thải phát sinh (m3/ngày đêm)	Biện pháp xử lý nước thải (Tự xử lý đạt QCVN/Đầu nối vào HTXLNTTT KCN/chuyên giao nước thải)	Chất thải rắn (tấn/năm)		Biện pháp xử lý chất thải rắn
								CTR thông thường	CTR nguy hại	
1	Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh- Công ty TNHH tư vấn Y Dược Quốc tế	Lô 42A2-KCN Quang Minh 1-Mê Linh-Hà Nội	Thực phẩm chức năng	Không đáng kể	Sử dụng hệ thống màng lọc/ túi lọc và đập nước, than hoạt tính khử mùi để xử lý khí thải	35,8	Có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn Cột B-QCVN 40:2011/BTNMT (Đầu nối vào HTXLNTTT KCN)	- Bã được liệ: 2,04 tấn -CTR sinh hoạt: 4,42 tấn	234,7 kg	- Chất thải thông thường chuyển giao cho Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp Quốc Bình. - CTNH chuyển giao cho Công ty TNHH môi trường công nghiệp xanh.
2	Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh 2 - Công ty TNHH tư vấn Y Dược Quốc tế	Lô 38-2-KCN Quang Minh 1-Mê Linh-Hà Nội	Thực phẩm chức năng	Không đáng kể		13,7	Có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn Cột B-QCVN 40:2011/BTNMT (Đầu nối vào HTXLNTTT KCN)	- CTR sinh hoạt, công nghiệp 11,8 tấn	25,5 kg	

NGƯỜI LẬP

(Ký, và ghi rõ họ tên)

Ans Han Tung

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022



GIÁM ĐỐC
Hoàng Tuấn Huy

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0101424904

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 11 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 33, ngày 27 tháng 03 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL MEDICAL CONSULTANTS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: IMC CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 9 Lô A, Tổ 100 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.35377274

Fax: 024.35377273

Email: info@imc.net.vn

Website: www.imc.net.vn

3. Vốn điều lệ

220.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	Việt Nam	P903 18T1 khu Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	198.000.000.000	90,000	025070000152	

2	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Việt Nam	Căn 903, Nhà 18T1, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	22.000.000.000	10,000	031173004579	
---	------------------	----------	--	----------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/12/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025070000152

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 903, Nhà 18T1, Khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 903, Nhà 18T1, Khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: HOÀNG TUẤN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/06/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078048599

Ngày cấp: 23/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1801 V2 HomeCity Tổ 45 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1801 V2 HomeCity Tổ 45 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG *Trần Hà Thanh*



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Hà Thanh

453

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số: 01.12.2023 /HDXLCT-MTX

- Căn cứ luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020; luật dân sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật số: 72/2020/QH14 ngày 01/01/2022 của Quốc hội về bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ giấy phép hành nghề Xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh lần thứ 2 ngày 10/9/2021;
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ

Địa chỉ : Số 9 Lô A, tổ 100 Hoàng cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống đa, Hà Nội
Đại diện : Ông Hoàng Tuấn Huy Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 04.35377274;
Mã số thuế : 0101424904;

BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH

Địa chỉ : Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Điện thoại: 0211.3869994 Fax: 0211.3875874
Mã số thuế: 0102169887
Tài khoản: 114 0000 26975 – Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Nam Thăng Long
Đại diện : Ông Đỗ Viết Bình Chức vụ: Giám đốc công ty

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận nội dung Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:

Điều 1: Bên A thuê bên B thực hiện các công việc sau:

Tiếp nhận, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại của bên A theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.

Điều 2: Loại chất thải, địa điểm, thời gian tiếp nhận:

1. Danh mục chất thải:

STT	Loại chất thải	Tình trạng tồn tại	Mã chất thải	ĐVT	Đơn giá
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Kg	6.000
2	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	Rắn	18 01 04	Kg	6.000
3	Giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	Kg	6.000
4	Hỗn hợp dung dịch hóa chất thải của phòng thí nghiệm	Lỏng	13 01 02	Kg	6.000
5	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	Kg	3.000
6	Than hoạt tính	Rắn	02 11 02	Kg	5.000

2. Địa điểm giao nhận chất thải:

Tại kho lưu giữ chất thải của bên A: Lô 42A2 Khu CN Quang minh I - Mê linh- Hà nội và Lô 38-2 Khu CN Quang Minh I - Mê Linh- Hà nội

3. Địa điểm xử lý chất thải: Tại Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải – Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh - Xã Ngọc Thanh, TP Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

4. Thời gian giao nhận: Sau 1 ngày, kể từ khi nhận được thông báo của bên A

Điều 3: Giá cả và Phương thức thanh toán:

1. Giá cả: Chi phí thu gom vận chuyển theo đơn giá. Giá chưa bao gồm thuế VAT

3. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong khoảng thời gian 05 ngày kể từ khi hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc xử lý.

4. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên:

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:

- Bên A chịu trách nhiệm hướng dẫn xe ra vào và tạo điều kiện cho bên B trong việc bốc xếp và vận chuyển chất thải.
- Cử người đại diện giao nhận và ký xác nhận khối lượng bàn giao.
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, bên A phải thông báo trước cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

- Chất thải công nghiệp và nguy hại phải được kiểm soát tại nguồn theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ tài nguyên môi trường về việc quản lý CTNH.

- Bàn giao Chứng từ chất thải nguy hại cho bên B khi bên B nhận chuyển giao chất thải từ bên A.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B:

- Chịu trách nhiệm bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Cùng bên A xác nhận khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở thanh toán.

- Thông tin đầy đủ cho bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

- Hoàn thiện chứng từ chất thải nguy hại sau khi xử lý xong theo đúng quy định của pháp luật và trả lại cho bên A kèm theo biên bản hoàn thành xử lý trong thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày nhận chất thải.

- Xuất hóa đơn VAT đầy đủ.

- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương án xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.

Điều 5: Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng này, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết trên tinh thần thương lượng và hợp tác, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

2. Trong thời hạn Hợp đồng này còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt Hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt Hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

3. Mọi sửa đổi bổ sung của Hợp đồng phải được lập thành văn bản kèm theo hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này nếu không được các bên thương lượng và hòa giải được với nhau sẽ được giải quyết tại Tòa án tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 6: Hiệu lực của Hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký và được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 01 bản, cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên làm nghiệm thu thanh toán hợp đồng.

2. Sau khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của hợp đồng, nếu không có vấn đề phát sinh thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

3. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Hoàng Tuấn Huy



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Bình

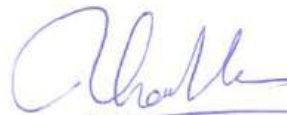
**BẢNG TỔNG HỢP LƯỢNG KHÍ THẢI, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG,
CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI NĂM 2023**

Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức

STT	Tên cơ sở	Loại hình sản xuất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
			Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ngày đêm)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách đầu nầu (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm; m ³ /năm)	Nguy hại (kg/năm)	
1	Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh- Công ty TNHH tư vấn Y Dược Quốc tế	Thực phẩm chức năng	31.7	Có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn Cột B-QCVN 40:2011/BTNMT (Đầu nối vào HTXLNTTT KCN)	-	Không đáng kể	-	4.40	1078 m ³	194.4	-
2	Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh 2 - Công ty TNHH tư vấn Y Dược Quốc tế	Thực phẩm chức năng	17.3	Có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn Cột B-QCVN 40:2011/BTNMT (Đầu nối vào HTXLNTTT KCN)	-	Không đáng kể	-	4.58	5562.8 kg	25.0	-

NGƯỜI LẬP

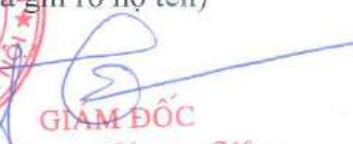
(Ký, và ghi rõ họ tên)


HOÀNG THANH MAI

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC

(Ký, và ghi rõ họ tên)



HOÀNG TUẤN HUY

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 20240101.01/HĐKT/IMC-MTĐTQB

Căn cứ bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;

Căn cứ bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;

Căn cứ Luật Môi trường do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1/1/2015;

Căn cứ thông tư 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/03/2010 hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT - BTNMT ngày 28/5/2015 hướng dẫn chi tiết thực hiện một số nội dung về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu của hai bên ký hợp đồng.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ (BÊN A)

Đại diện : Ông **Hoàng Tuấn Huy** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Số 9 Lô A, Tổ 100 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 04.35377274;

Fax:

Mã số thuế : 0101424904;

2. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ MÔI TRƯỜNG QUỐC BÌNH (Bên B)

Địa chỉ văn phòng : Thôn Bảo Tháp – Xã Kim Hoa -Huyện Mê Linh -TP. Hà Nội

Điện thoại: 0987893168

Mã số thuế: 0109081938

Tài khoản số: 4278882886

Mở tại : Ngân hàng BIDV-Chi nhánh Quang Minh – Hà Nội

Người đại diện : Ông Nguyễn Khắc Thủy

Chức vụ: Giám đốc

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG NỘI DUNG SAU :

Điều 1. Nội dung hợp đồng :

- 1.1. Bên A thuê bên B thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong phạm vi cơ sở hoạt động của bên A.
- 1.2. Chu kỳ thực hiện : Theo thỏa thuận hai bên.

Điều 2. Quy cách và phương thức thực hiện :

- Bên A bố trí địa điểm thuận lợi để tập kết rác thải, cử người hướng dẫn khi bên B thực hiện công việc theo chu kỳ.



- Bên B bố trí nhân lực thu gom, vận chuyển rác thải đến bãi đổ quy định của thành phố

Điều 3. Địa điểm và thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện: từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/01/2025
- Địa điểm thực hiện tại:
 - + Nhà máy Công nghệ cao IMC Quang Minh 1 – Lô 42A2 Khu CN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội
 - + Nhà máy Công nghệ cao IMC Quang Minh 2 – Lô 38-2 Khu CN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

Điều 4. Trách nhiệm của các bên:

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- Bố trí địa điểm tập kết rác thải, tạo điều kiện thuận lợi để bên B xúc dọn rác thải.
- Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng và đúng thời gian thỏa thuận.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

- Xúc dọn, vận chuyển rác thải đúng địa điểm và thời gian quy định trên.
- Cung cấp số liệu thu gom, vận chuyển rác thải thực tế thực hiện cho bên A để làm cơ sở nghiệm thu quyết toán.

Điều 5. Giá trị hợp đồng - Thanh toán:

5.1. Giá trị hợp đồng:

- Đơn giá: 200.000đ/m³ (đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT)
- Tổng giá trị hợp đồng: Đơn giá x khối lượng.

5.2. Phương thức nghiệm thu - thanh toán:

5.2.1. Phương thức nghiệm thu:

☐ Hàng tháng ☐ Hàng quý ☐ 6 tháng/lần ☐ 12 tháng/lần

5.2.2. Thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B theo một trong các hình thức sau:
Tiền ☐ mặt Séc ☐ quyền khoản
☐ Ủy nhiệm chi ☐ Ủy nhiệm thu qua ngân hàng.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng
- Sau khi bên B xuất hóa đơn chứng từ hợp lệ cho bên A, bên A trả tiền và hai bên không có gì vướng mắc thì đương nhiên hợp đồng được thanh lý.

Điều 6. Điều khoản chung

- Đơn giá và giá trị hợp đồng có thể được tăng hoặc giảm khi UBND thành phố Hà Nội điều chỉnh, sửa đổi quy định về thu phí vệ sinh trên địa bàn Hà Nội.
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trên. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, hai bên bàn bạc thống nhất trên nguyên tắc không làm tổn hại đến lợi ích mỗi bên. Trường hợp không thể giải quyết được bằng thương lượng hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội và phán quyết của Tòa là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, bao gồm 02 trang và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Hoàng Tuấn Huy



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khắc Chử

PHỤ LỤC

(Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số

20240101.01/HĐKT/IMC-MTĐTQB, ngày 01 tháng 01 năm 2024).

1. Bảng báo giá phế liệu:

STT	Hạng mục	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Ghi chú
1	Nilon sạch	Kg	6.000	6.000	Đưa về lò tái chế
2	Màng nhôm	Kg	5.000	5.000	Đưa về lò tái chế
3	Nilon bẩn	Kg	4.000	4.000	Đưa về lò tái chế
4	Thùng carton	Kg	2.000	2.000	Đưa về lò tái chế
5	Nhựa	Kg	3.000	3.000	Đưa về lò tái chế
6	Đồng đỏ	Kg	100.000	100.000	Đưa về lò tái chế
7	Đồng vàng	Kg	70.000	70.000	Đưa về lò tái chế
8	Sắt vụn	Kg	5.000	5.000	Đưa về lò tái chế

3. Bảng giá xử lý chất thải công nghiệp:

STT	Hạng mục	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Ghi chú
1	Rác thải văn phòng	Kg	3.000	3.000	Xử lý đúng nơi quy định
2	Bã cây ép	M3	200.000	200.000	Xử lý đúng nơi quy định



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 – VILAS 1349

*Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội*

*Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội*

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 02177/2024/PKQ/24.113



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ
Địa điểm quan trắc : Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh, Lô 42A2 Khu công nghiệp
Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - NT: Nước thải tại cửa xả cuối cùng ra rãnh thu gom nước thải khu công
nghiệp, tọa độ KĐ: 105,76067, VĐ: 21,19259
Mã hóa mẫu : NT2405.0039
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 17/05/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011 /BTNMT	TCVN 5945:2005 (Cột C)
				NT	Cột B	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	31,1	40	45
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,31	5,5 ÷ 9	5,0-9
3	Asen ^(b)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,002	0,1	0,5
4	Chi ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,008	0,5	1
5	Mangan ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,2	1	5
6	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B:2023	2,6	-	-
7	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	53,1	50	100
8	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	132,8	150	400
9	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	26,2	100	200
10	Sắt ^(b)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,3	5	10
11	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	8,6	10	15
12	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	18,2	40	60
13	tổng phosphor (tổng P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,08	6	8

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
9. Chỉ tiêu đánh dấu (H) không thuộc danh mục công nhận Vimcerts trong nước thải, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vila
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lại kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- TCVN 5945:2005: Nước thải công nghiệp – Tiêu chuẩn thải

+ **Cột C:** Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị qui định trong cột B nhưng không vượt quá giá trị qui định trong cột C chỉ được phép thải vào các nơi được quy định (như hồ chứa nước thải được xây riêng, cống dẫn đến nhà máy xử lý nước thải tập trung...).

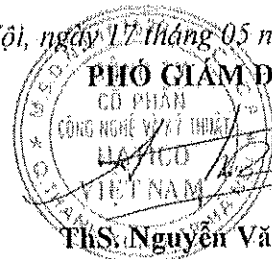
TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2024



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vincerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

9. Chỉ tiêu đánh dấu (H) không thuộc danh mục công nhận Vincerts trong nước thải, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vira

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 02178/2024/PKQ/24.113



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ
Địa điểm quan trắc : Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh. Lô 42A2 Khu công nghiệp
Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - K1: Khu vực cổng công ty, tọa độ KĐ: 105,76073, VĐ: 21,19264
- K2: Khu vực đường nội bộ, tọa độ KĐ: 105,76067, VĐ: 21,19263
Mã hóa mẫu : KXQ2405.0062 – KXQ2405.0063
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02
Ngày lấy mẫu : 06/05/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 17/05/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K1	K2	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	25,6	26,1	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	74,1	72,7	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,2	0,2	-
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	95	100	350
5	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,4	69,4	70 ⁽¹⁾
6	CO ^(b)	µg/Nm ³	HD.LM15/CO/KKXQ	3.251	3.344	30.000
7	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	79	77	200
8	Bụi tổng ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	124	130	300
9	Carbon dioxide (CO ₂) ^(#)	mg/m ³	FCC-3000G(Trung Quốc) /QTPT/KK/CO2	530	529	-

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: + QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

(1): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
9. Chỉ tiêu đánh dấu (#) không được công nhận trong Vimcert 269, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vila
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội.
6. Không tự ý sao lại kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

-
1. (-) Không quy định
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vincerts
 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
 9. Chỉ tiêu đánh dấu (H) không được công nhận trong Vincert 269, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vila
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 02179/2024/PKQ/24.113



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ
Địa điểm quan trắc : Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh. Lô 42A2 Khu công nghiệp
Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - K3: Khu vực xưởng sản xuất, tọa độ KĐ: 105,76078, VĐ: 21,19284
Mã hóa mẫu : KLV2405.0029
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí môi trường lao động Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 06/05/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 17/05/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				K3	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	26,2	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	73,5	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	TCVN 5508:2009	0,2	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	72,8	85 ⁽²⁾
5	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,006	10
6	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,105	10
7	Carbon dioxide (CO ₂) ^(c)	mg/m ³	FCC-3000G(Trung Quốc) /QTPT/KK/CO2	528	18.000
8	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,123	8 ⁽³⁾
9	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,73	40

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn)

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

+ ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimecerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiến kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lại kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Liên kế 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 08950/2024/PKQ/24.4256

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ
Địa điểm quan trắc : Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh, lô 42 A2 khu công nghiệp
Quang Minh I, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - NT.091124-011- Nước thải tại cửa xả cuối cùng ra rãnh thu gom nước
thải khu công nghiệp, tọa độ: VĐ=21.19259, KĐ=105.76067 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 09/11/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	TCVN 5945:2005
				NT	Cột B	Cột C
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	28,9	40	45
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,3	5,5 ÷ 9	5,0-9
3	Asen ^(b)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,002	0,1	0,5
4	Chì ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,01	0,5	1
5	Mangan ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,24	1	5
6	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	1,9	-	-
7	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7,9	50	100
8	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	19,8	150	400
9	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	17,6	100	200
10	Sắt ^(b)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,12	5	10
11	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	9,2	10	15
12	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	25,2	40	60
13	Tổng phosphor (Tổng P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,13	6	8

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- **TCVN 5945:2005:** Nước thải công nghiệp – Tiêu chuẩn thải

+ **Cột C:** Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm lớn hơn giá trị qui định trong cột B nhưng không vượt quá giá trị qui định trong cột C chỉ được phép thải vào các

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimecerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

nơi được quy định (như hồ chứa nước thải được xây riêng, cống dẫn đến nhà máy xử lý nước thải tập trung...).

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

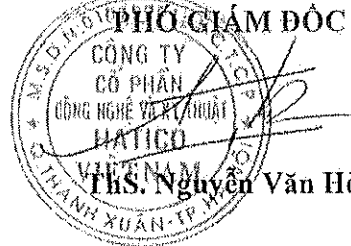


Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC



Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimecerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Pylas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 08951/2024/PKQ/24.4256

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ
Địa điểm quan trắc : Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh, lô 42 A2 khu công nghiệp
Quang Minh I, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - KXQ.091124-015- Khu vực cổng công ty, tọa độ: VD=21.19264,
KD=105.76073 (K1)
- KXQ.091124-016- Khu vực đường nội bộ, tọa độ: VD=21.19263,
KD=105.76067 (K2)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02
Ngày lấy mẫu : 09/11/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K1	K2	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	28,5	28,9	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	69,2	68,5	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,3	0,2	-
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	108	104	350
5	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,1	59,5	70 ⁽¹⁾
6	CO ^(b)	µg/Nm ³	HD.LM15/CO/KKXQ	4.171	3.960	30.000
7	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	98	96	200
8	Bụi tổng ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	138	132	-
9	Carbon dioxide (CO ₂)	mg/m ³	QTPT/KK/CO2	528	533	-

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí (Trung bình 1 giờ)

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ

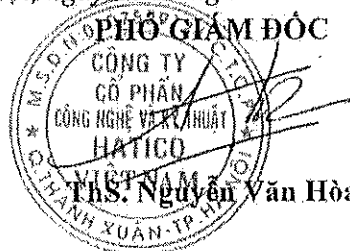
TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024



1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 08952/2024/PKQ/24.4256

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ
Địa điểm quan trắc : Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh, lô 42 A2 khu công nghiệp
Quang Minh I, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - KLV.091124-013- Khu vực xưởng sản xuất, tọa độ: VĐ=21.19284,
KĐ=105.76078 (K3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí môi trường lao động Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 09/11/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 20/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 03: 2019/BYT
				K3	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	28,1	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	71,5	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió ^(c)	m/s	TCVN 5508:2009	0,2	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,096	10
5	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,098	10
6	Carbon dioxide (CO ₂) ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO2	586	18.000
7	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,135	8 ⁽²⁾
8	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,98	40
9	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,2	85 ⁽³⁾

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn)

+ ⁽¹⁾ **QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾ **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ ⁽³⁾ **QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

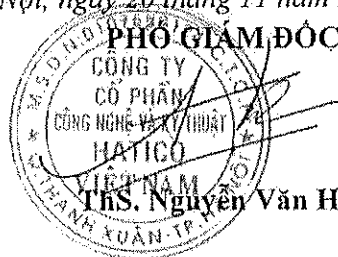
Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimecerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiển kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 0681-2025-KQPT/KT.451

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy công nghệ cao IMC Quang Minh 1 của Công ty TNHH Tư vấn Y dược Quốc tế
Địa chỉ : Lô 42A2, khu công nghiệp Quang Minh I, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tên mẫu : Khí thải Mã mẫu : 451.KT.250418
Ngày lấy mẫu : 18/04/2025 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 18/04/2025 Ngày hoàn thành phân tích : 22/04/2025

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT (Cột B)
				451.KT.250418	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	170	180 ⁽¹⁾
2	Lưu lượng	m ³ /h	UP EPA Method 2 GREEN/SOP-QTHT-KT04	4.339,3	-
3	Nhiệt độ	°C	GREEN/SOP-QTHT-KT06	180	-
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	78,96	850 ⁽²⁾
5	CO	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	815,1	1.000 ⁽²⁾
6	SO ₂	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	7,86	450 ⁽¹⁾
7	CO ₂	%	GREEN/SOP-QTHT-KT02	4,29	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 451.KT.250418: Mẫu khí thải tại ống khói khu vực lò hơi

X= 2344487, Y= 578770

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

⁽¹⁾K_p= 1: Hệ số lưu lượng nguồn thải P≤20.000 m³/h. K_v= 0,9: Hệ số vùng loại 3 để tính giá trị tối đa cho phép đối với thông số Bụi tổng; lưu huỳnh đioxit, SO₂

⁽²⁾K_p= 1: Hệ số lưu lượng nguồn thải P≤20.000 m³/h. K_v= 1,0: Hệ số vùng loại 3 để tính giá trị tối đa cho phép đối với thông số Cacbon oxit, CO; Nitơ oxit, NO_x(tính theo NO₂)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

QA/QC



Bùi Ngọc Bình

Lê Thị Thiên Trang



Vũ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

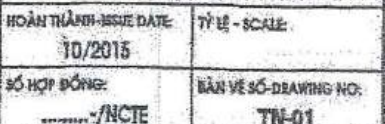
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

QT 1.11 - BM02 Kết quả thử nghiệm

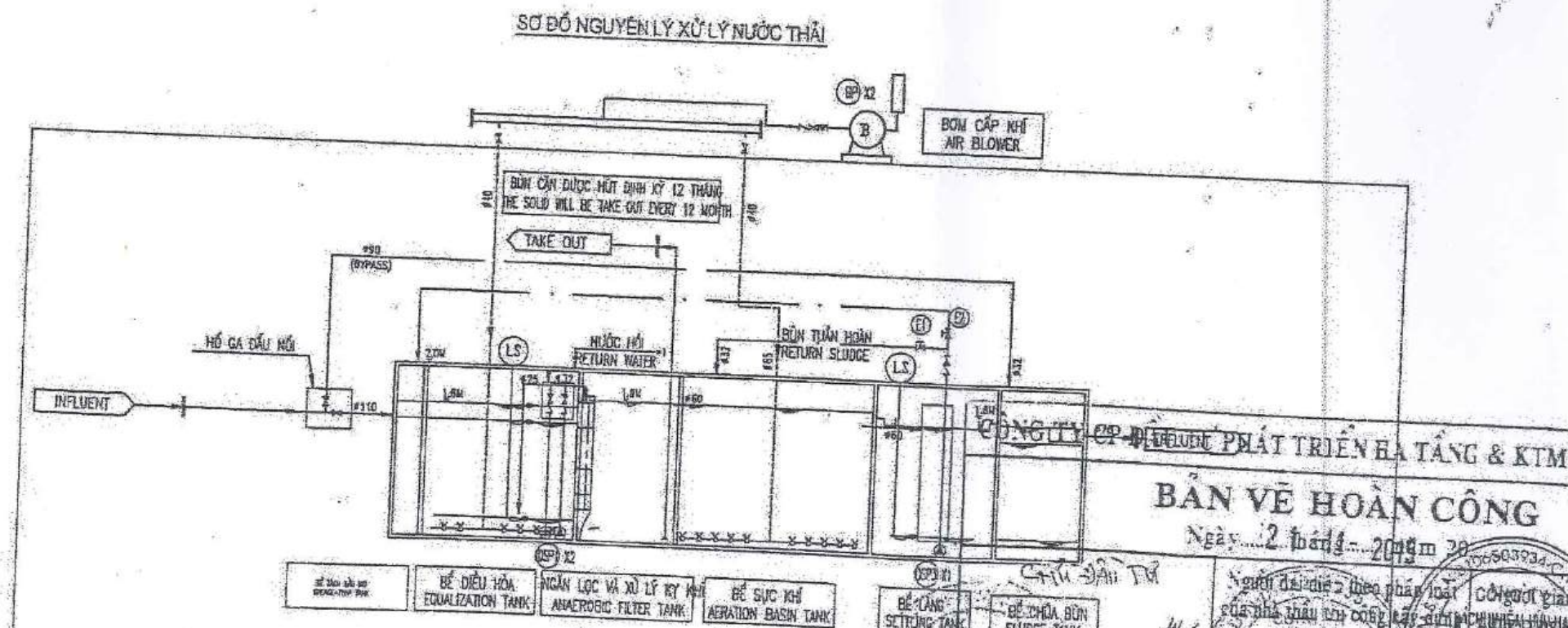
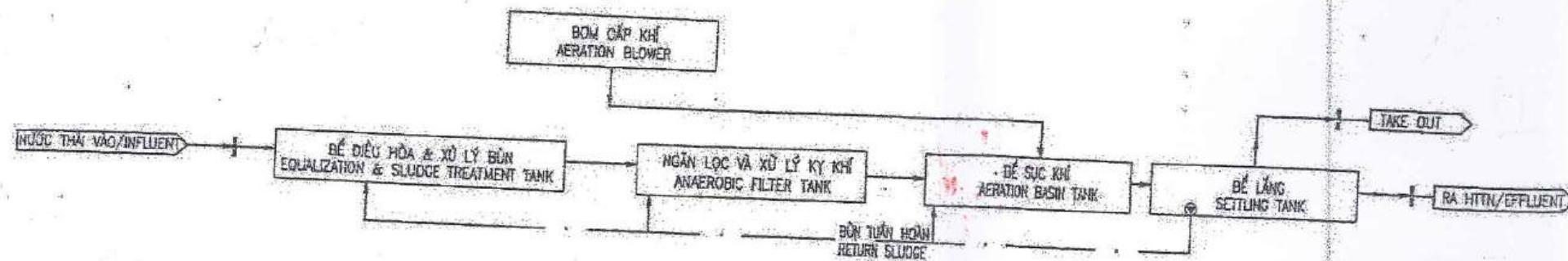
bản hành lần 4

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện



SƠ ĐỒ NGUYÊN TẮC XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ AFSB® -F, Q=30M³/NGÀY



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 2 tháng 2 năm 2014

GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Huy

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Vinh Quang

SỬA ĐỔI - REVISION

Lần số	Ngày	Mô tả	Chức vụ
1			
2			
3			
4			



TÊN DỰ ÁN - PROJECT

XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÀNH PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẾ
DỰ ÁN CHC.02.DAP.113

Địa điểm xây dựng - LOCATION: KCN CHANG ANH

Hạng mục - ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CƠ QUAN THIẾT KẾ - DESIGNED BY:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ số 55 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 3428490 - Fax: 3428491
E-MAIL: MICETECH@GMAIL.COM - WEBSITE: HTTP://MICETECH.VN

GIÁM ĐỐC
THS. ĐOÀN VĂN ĐỘNG

(Signature)

(Signature)

HỌ VÀ TÊN: THS. ĐOÀN VĂN ĐỘNG

THIẾT KẾ - DESIGNED

(Signature)

Kiểm tra - CHECK BY

(Signature)

GRUPOU THỰC HIỆN:

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HOÀN THÀNH - ISSUE DATE:

10/2014

SỐ HỢP THỐNG:

-/NCTE

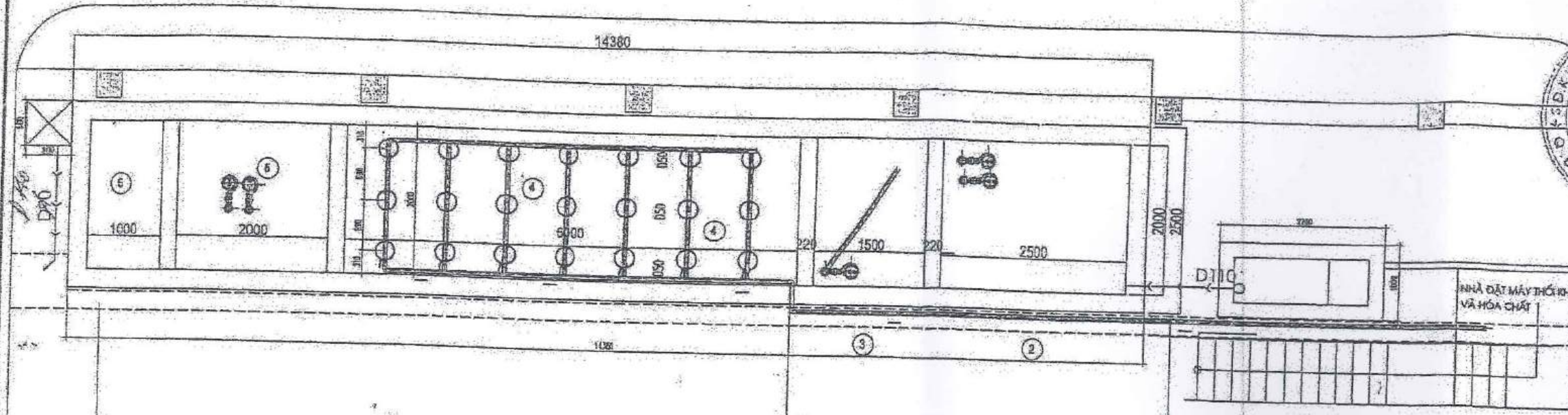
TỶ LỆ - SCALE

1:1

BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO:

CN-01

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



HÀO KỸ THUẬT

ỐNG CẤP KHÍ KHOAN SÁT

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG & KTM T NUCETECH
HÀO KỸ THUẬT D60

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 21 tháng 10 năm 2014

 GIÁM ĐỐC Hoàng Tuấn Huy	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công xây dựng GIÁM ĐỐC Hoàng Tuấn Huy	Người giám sát thi công xây dựng GIÁM ĐỐC Nguyễn Vĩnh Quang
---------------------------------------	---	--

- | | | | | | |
|------------------------------------|----------------------------------|---|-----------------------------------|--------------------------|-------------|
| ① | ② | ③ | ④ | ⑤ | ⑥ |
| BỂ TÁCH DẦU MỖ
GREASE-TRAP TANK | BỂ ĐIỀU HÒA
EQUALIZATION TANK | NGĂN LỌC VÀ XỬ LÝ KỶ KHI
ANAEROBIC FILTER TANK | BỂ SỤC KHÍ
AERATION BASIN TANK | BỂ LẮNG
SETTLING TANK | BỂ CHỨA BÙN |

SỬA ĐỔI - REVISION

Lần NO.	Ngày DATE	Nội dung CONTENT	Chấp thuận APPROVE

CHỈ ĐẠO THI CÔNG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG NUCETECH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ
HÀNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI

XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÀNH PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP
DỰ ÁN CNC.02 DAP.013

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION: KCN GIANG MỸ HƯNG
HÀNG MỤC - ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CƠ QUAN THIẾT KẾ - DESIGNED BY:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG NUCETECH
 Địa chỉ: Số 85 Đường Cầu Giấy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Tel: 04.3864470 - Fax: 04.3864471
 E-mail: nuctech@gmail.com - Website: http://nuctech.vn

GIÁM ĐỐC
 TH. ĐOÀN VĂN DŨNG

THIẾT KẾ - DESIGNED
 HỌ VÀ TÊN TH. ĐOÀN VĂN DŨNG

Kiểm tra - CHECK BY
 HỌ VÀ TÊN TH. ĐOÀN VĂN DŨNG

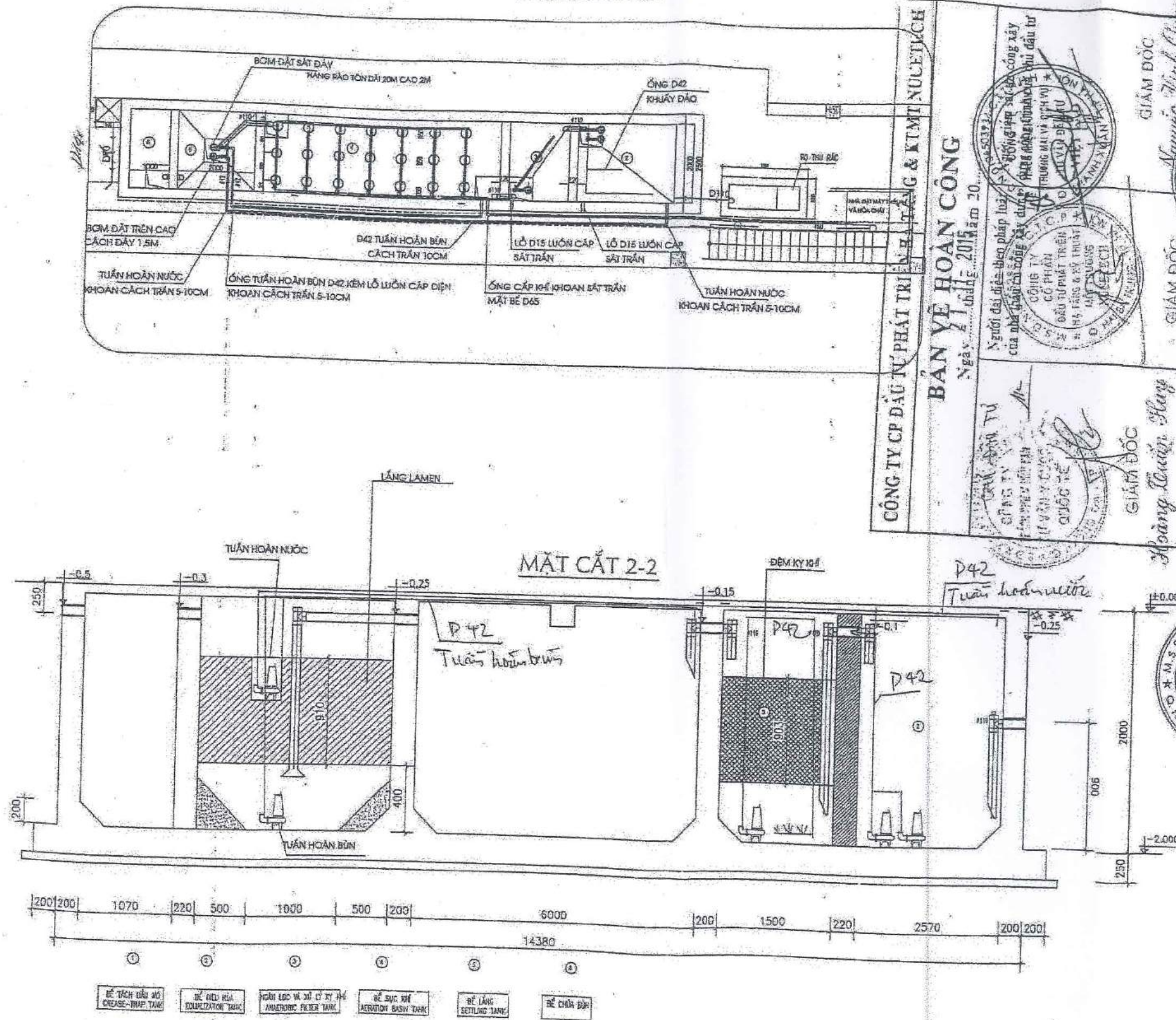
THIẾT KẾ THỰC HIỆN
 HỌ VÀ TÊN TH. ĐOÀN VĂN DŨNG

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
MẶT BẰNG CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HOÀN THÀNH - ISSUE DATE 10/2014	TỶ LỆ - SCALE 1:1
SỐ HỢP ĐỒNG -/NCTE	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO. CN-03

MẶT BẰNG CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG & KỸ THUẬT NUCETECH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 11 tháng 10 năm 2015

Người đại diện pháp luật của nhà đầu tư công xây dựng và quản lý công trình: **ÔNG NGUYỄN VĂN CHU**
 Giám đốc: **Nguyễn Văn Chu**
 Giám đốc: **Hoàng Văn Hùng**

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG COMENT	CHẤP TRƯNG APPROVE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT: **XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÀNH PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN GUP DỰ ÁN CNC.02.DAPT13**

Địa điểm xây dựng - LOCATION: **KCN CHƯƠNG NHINH**

Hạng mục - ITEM: **HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

CƠ QUAN THIẾT KẾ - DESIGNED BY: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG NUCETECH**

Địa chỉ số 88 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Tel: 04.3428.698 - Fax: 04.3428.697
 E-mail: nuctech@gmail.com - Website: http://nuctech.vn

Giám đốc: **TRẦN VĂN ĐÔNG**

Thiết kế - DESIGNED: **Ph**

Kiểm tra - CHECK BY: **Ph**

Đơn vị thực hiện: **HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG**

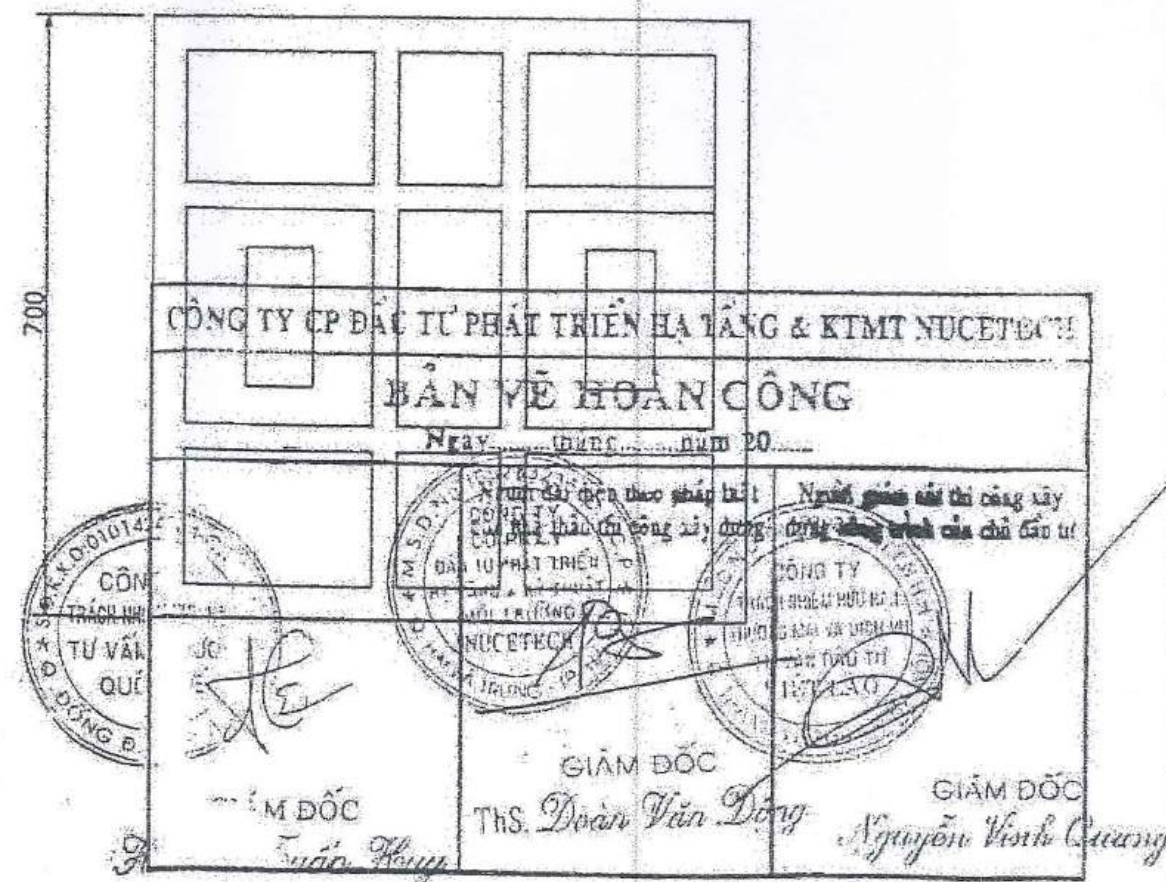
Tên bản vẽ - DRAWING TITLE: **MẶT BẰNG CHI TIẾT VÀ MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Ngày thành lập - ISSUE DATE: **10/2014**

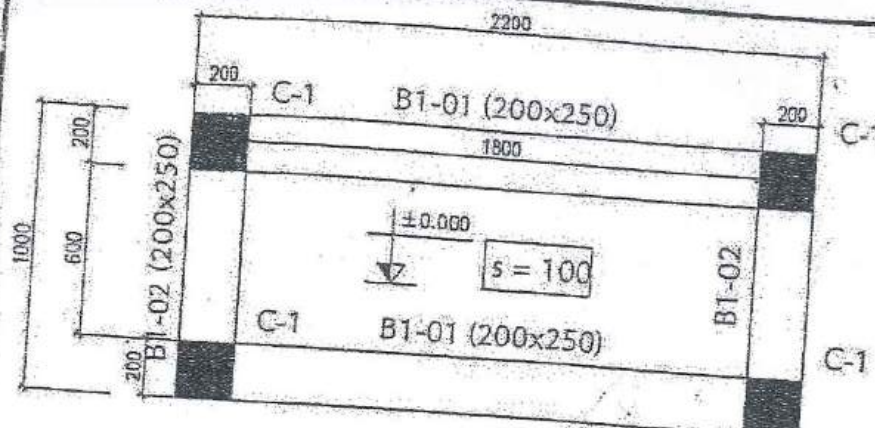
Tỷ lệ - SCALE: **1:1**

Số hợp đồng: **...../NCTE**

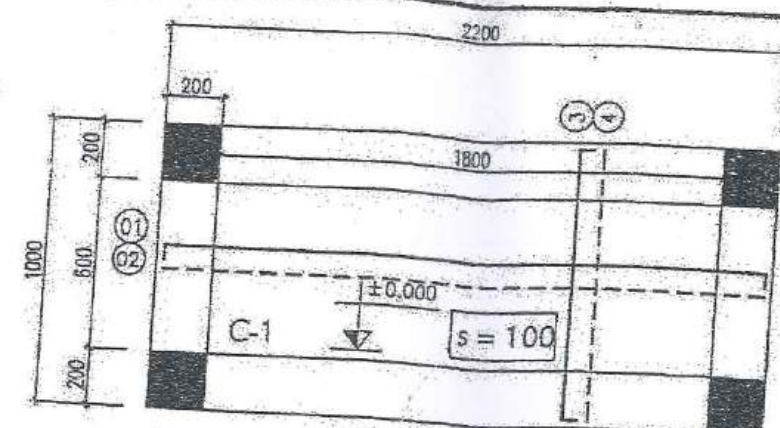
Bản vẽ số - DRAWING NO.: **CN-04**

[illegible]

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẾ NHẬN APPROVED
CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER  CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ ĐÔNG ĐA - TP. HỒ CHÍ MINH			
TÊN DỰ ÁN - PROJECT: XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÀNH PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP DỰ ÁN CNC.02.DAPTHIS			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION: KCN QUANG NHỊN I HẠNG MỤC - ITEM:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
CƠ QUAN THIẾT KẾ - DESIGNED BY:  CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHỈ: SỐ 36 ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG, QUẬN KIM SÁI, TP. HỒ CHÍ MINH TEL: 08.36264990 - FAX: 08.36264811 E-MAIL: NUCETECH@GMAIL.COM - WEBSITE: HTTP://NUCETECH.VN			
GIÁM ĐỐC THS. ĐOÀN VĂN DŨNG 			
CHỮA - CH. DESIGNER  HỌ VÀ TÊN: THS. ĐOÀN VĂN DŨNG			
THIẾT KẾ - DESIGNED  HỌ VÀ TÊN: TRẦN VĂN KHEM			
KIỂM TRA - CHECK BY  HỌ VÀ TÊN: THS. ĐOÀN VĂN DŨNG			
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN: HỒ SƠ HOÀN CÔNG			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE: MẶT BẰNG VÀ CHI TIẾT CỦA THẨM			
HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: 10/2014		TỶ LỆ - SCALE:	
SỐ HỢP ĐỒNG:/NCTE		BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO: CN-03A	



MẶT BẰNG KẾT CẤU NẮP BỂ

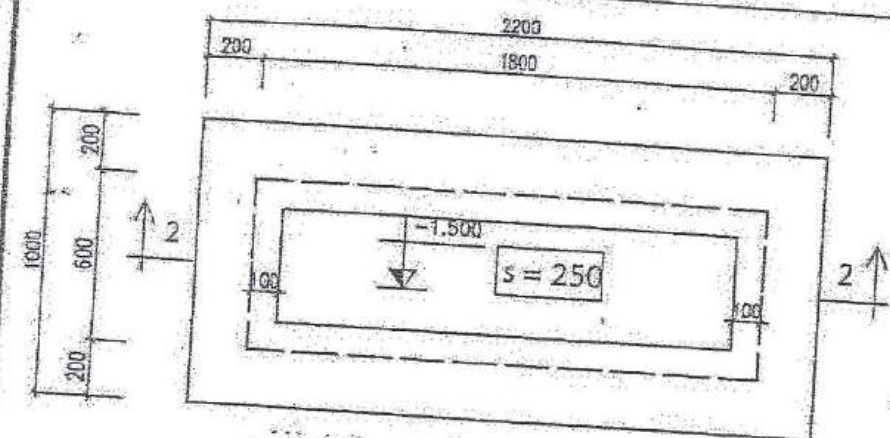


MẶT BẰNG THÉP SÀN NẮP BỂ

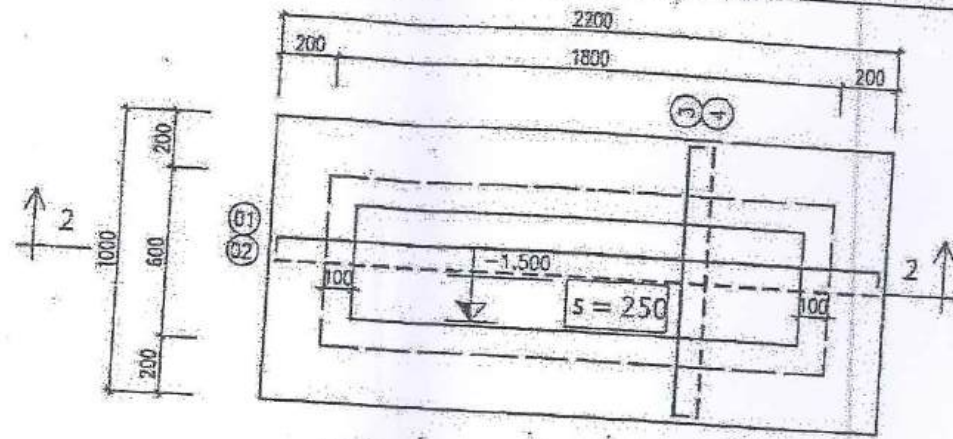
KH	B (mm)	h (mm)	sl (c)
B1-01	200	250	2
B1-02	200	250	2
C-1	200	200	4

§ hữU	§ t thép
01	#BA150
02	#BA150
03	#BA150
04	#BA150

SỬA ĐỔI - REVISION			
Lần	Ngày	Nội dung	Chức vụ



MẶT BẰNG KẾT CẤU ĐÁY BỂ



MẶT BẰNG THÉP SÀN ĐÁY BỂ

§ hữU	§ t thép
01	#10A250
02	#10A250
03	#10A200
04	#10A200

XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÀNH PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP
DỰ ÁN CNG.02.DAFT713

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LOCATION KCN GIANG MINH I
HÀNG MỤC - ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CƠ QUAN THIẾT KẾ - DESIGNED BY:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG NUCETECH
ĐỊA CHỈ SỐ 01 ĐƯỜNG GIANG PHỒNG, QUẬN HÀ ĐA, THÀNH HÀ NỘI
TEL: 04.3456789 - FAX: 04.3456789
E-MAIL: NUCETECH@GMAIL.COM - WWW: WWW.NUCETECH.VN



GIÁM ĐỐC
TH. ĐOÀN VĂN ĐỘNG

HO VÀ TÊN: TH. ĐOÀN VĂN ĐỘNG

THIẾT KẾ - DESIGNED

HO VÀ TÊN: K. TRẦN HỮU TÙNG

KIỂM TRA - CHECK BY

HO VÀ TÊN: TH. ĐOÀN VĂN ĐỘNG

QUẢN LÝ THI CÔNG

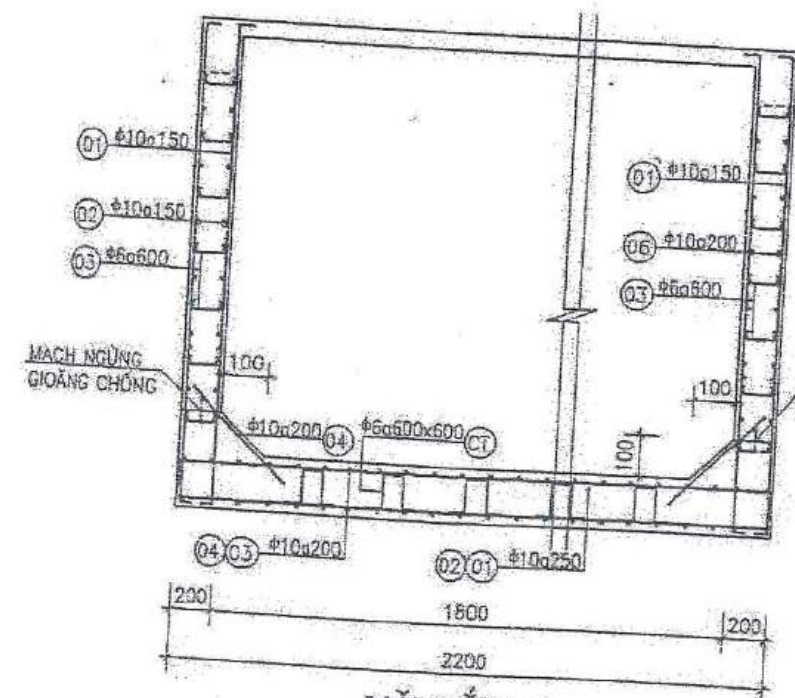
HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

BỂ GOM

HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: 10/2014 TỶ LỆ - SCALE:

SỐ HỢP ĐỒNG: /NCTE BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO: KC-04



MẶT CẮT 1-1

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG & KTMT NUCETECH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 21 tháng 10 năm 2014

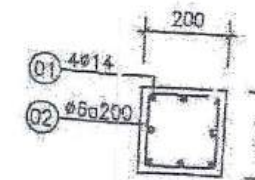
Người lập vẽ: theo phôi vẽ: **GIÁM ĐỐC**
của nhà thầu thi công xây dựng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG & KTMT NUCETECH** là chủ đầu tư

Người kiểm tra: **GIÁM ĐỐC**
của nhà thầu thi công xây dựng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG & KTMT NUCETECH**

THÀNH XUYÊN - TP. HÀ NỘI

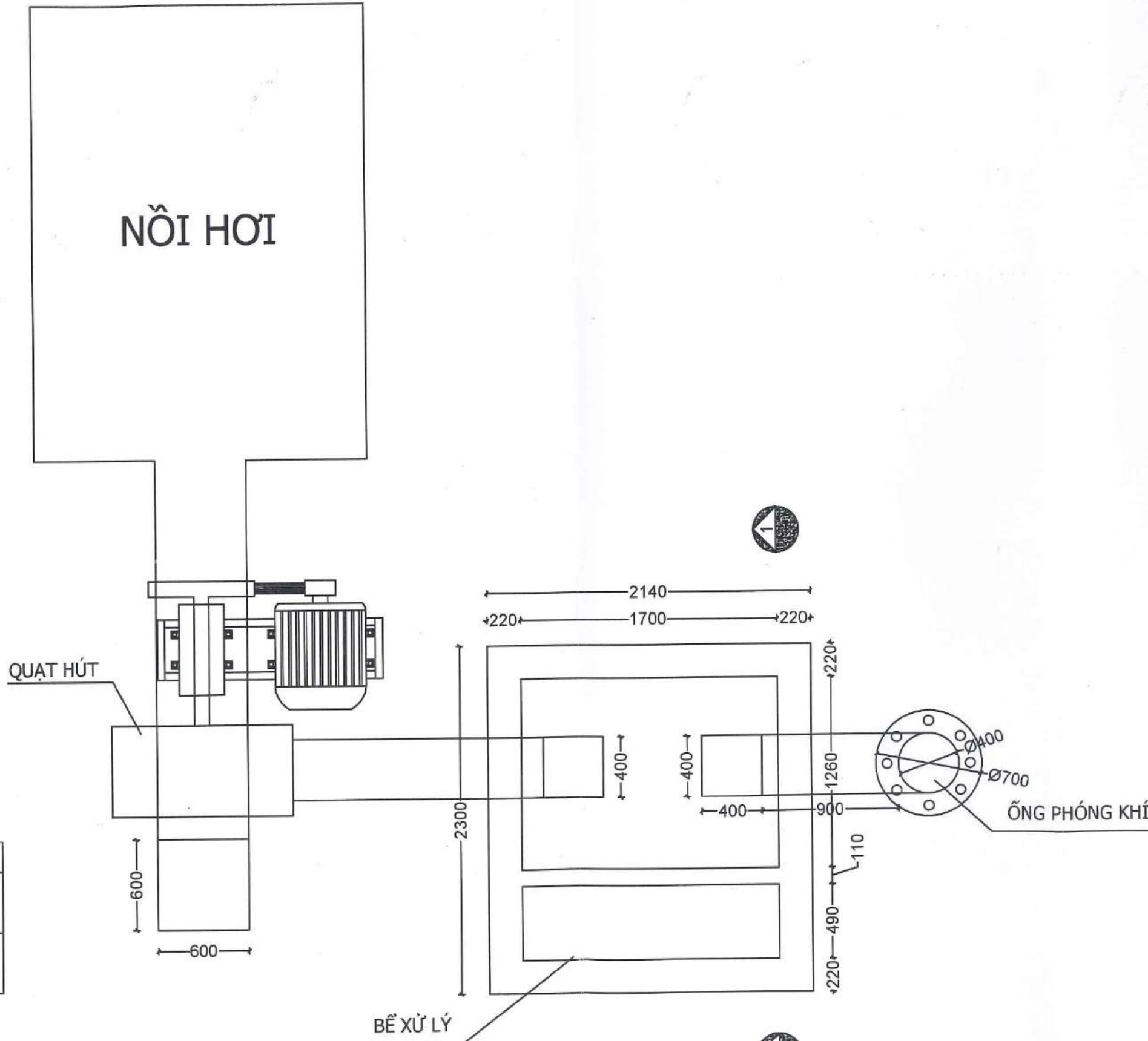
GIÁM ĐỐC: **Nguyễn Hữu Hùng**
TH. ĐOÀN VĂN ĐỘNG

DÂY B1-01, B1-02



§ t c-1

BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG



QUẠT HÚT	
MODEL: VNS-C3-6G	AIR FLOW: 1200-1400 M3/H
POWER: 11 KW	
SPEED: 1450 RPM	PRESSURE: 1200-1000 PA
VOL TAGE: 380V	

SỬA ĐỔI- MODIFY

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẬP THUẬN APPROVED

GHI CHÚ:

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI



NHÀ THẦU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HÓA XANH VIỆT NAM



ĐỊA CHỈ: 13/4/4/Đ Cầu Diễn, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
SĐT: 022432272900 - DĐ: 0962092626
EMAIL: hoaxanhvietnam@gmail.com

Giám đốc :

Handwritten signature

THS. NGUYỄN VĂN HOÀ

CHỦ TRÌ:

Handwritten signature

THS. NGUYỄN VĂN HOÀ

KIỂM TRA

Handwritten signature

KS. NGÔ XUÂN HỒNG

THIẾT KẾ

Handwritten signature

KS. NGÔ XUÂN HỒNG

VẼ BÔI

Handwritten signature

KS. NGUYỄN VĂN VIỆT

GIAI ĐOẠN:

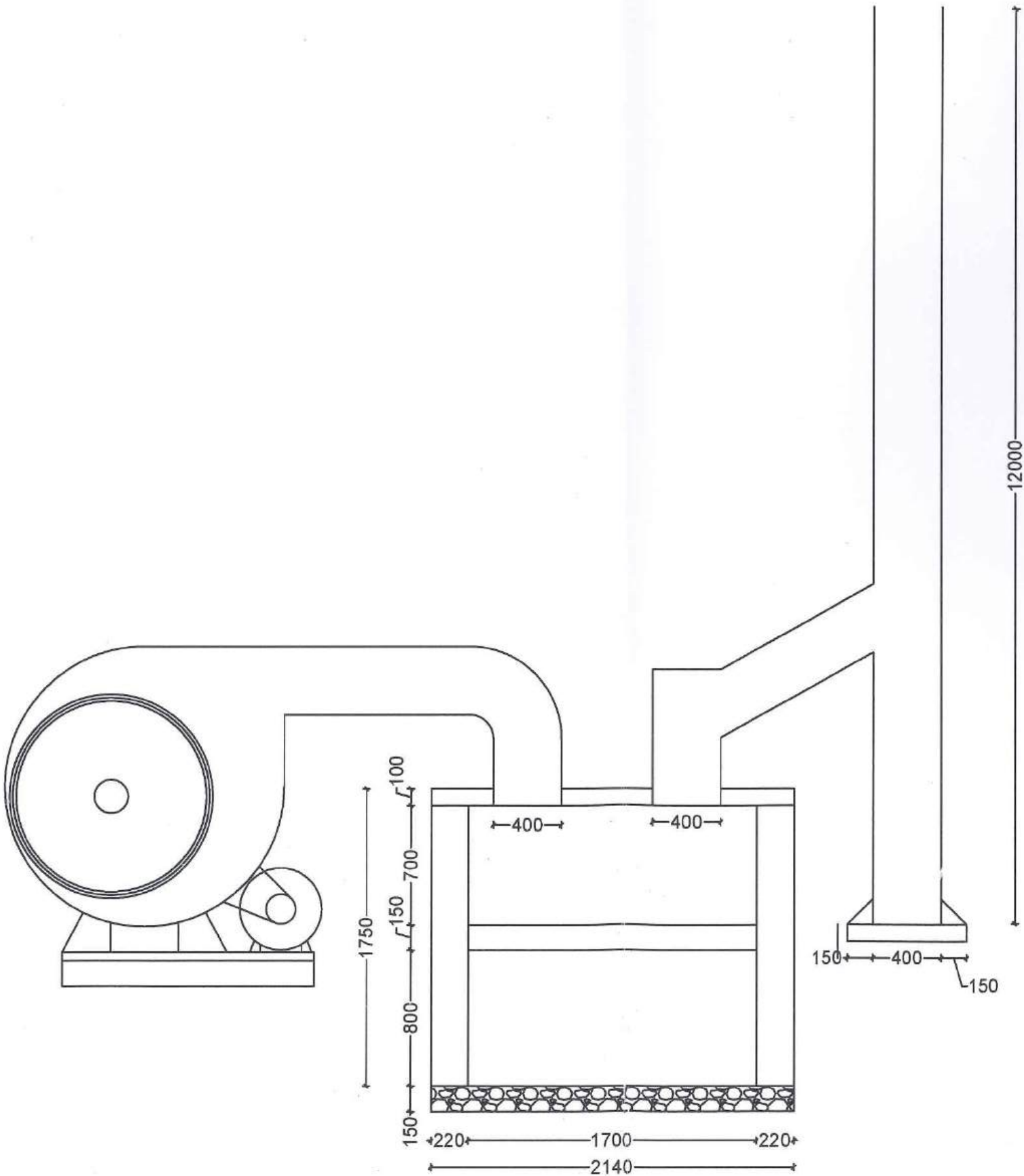
HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

TỔNG MẶT BẰNG

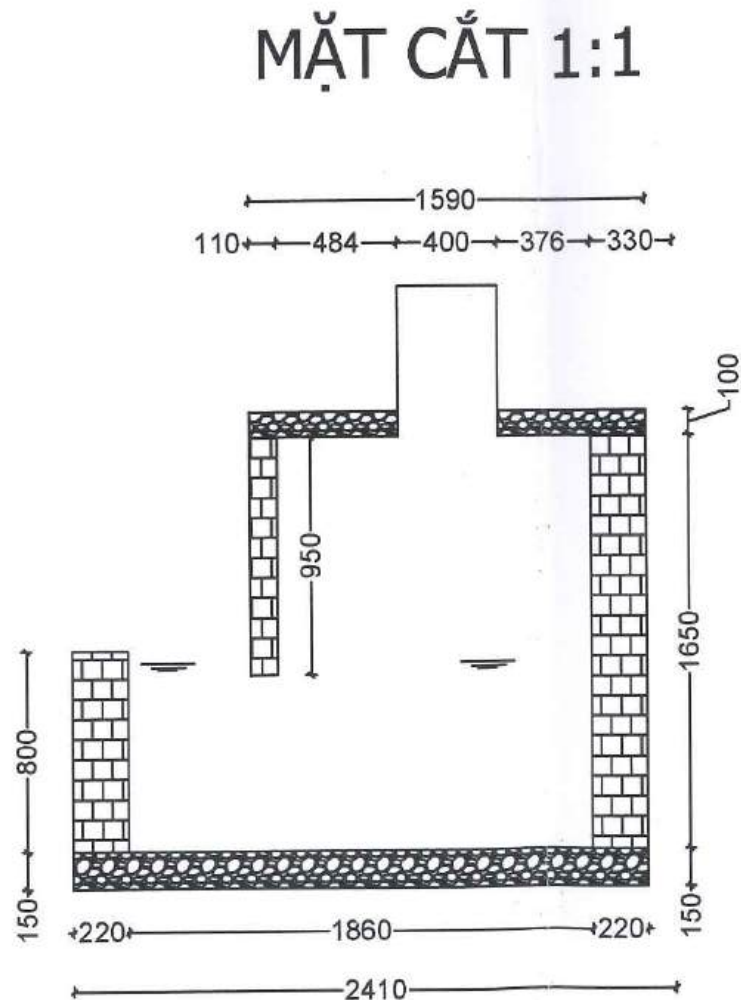
NGÀY HOÀN CÔNG	10/2024
SỐ BẢN VẼ	01
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TKTC-01

CHI TIẾT BỂ



SỬA ĐỔI- MODIFY			
LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẬP THUẬN APPROVED
GHI CHÚ:			
HẠNG MỤC:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI			
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HÓA XANH VIỆT NAM ĐỒNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI			
NHÀ THẦU			
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HÓA XANH VIỆT NAM			
Địa chỉ: 13A/44/9 Cầu Diễn, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội SĐT: 022432272900 - DĐ: 0962892626 EMAIL: hoaxanhvietnam@gmail.com			
Giám đốc :			
THS. NGUYỄN VĂN HOÀ			
CHỦ TRÍ:		THS. NGUYỄN VĂN HOÀ	
KIỂM TRA		KS. NGÔ XUÂN HỒNG	
THIẾT KẾ		KS. NGÔ XUÂN HỒNG	
VẼ BÔI		KS. NGUYỄN VĂN VIỆT	
GIAI ĐOẠN:			
HOÀN CÔNG			
TÊN BẢN VẼ:			
CHI TIẾT BỂ			
NGÀY HOÀN CÔNG		10/2024	
SỐ BẢN VẼ		04	
KÝ HIỆU BẢN VẼ		TKTC-01	

CHI TIẾT BỂ



SỬA ĐỔI- MODIFY			
LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẬP THUẬN APPROVED
GHI CHÚ:			
HANG MUC:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI			
10101424904-G.T.T.N.H CÔNG TY CHỦ ĐẦU TƯ TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ ĐỒNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI			
NHÀ THẦU			
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HÓA XANH VIỆT NAM			
ĐỊA CHỈ: 134/44/9 Cầu Diễn, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội SĐT: 022432272900 - DD: 0962092626 EMAIL: hoaxanhvietnam@gmail.com			
Giám đốc :			
THS. NGUYỄN VĂN HOÀ			
CHỦ TRÌ:		THS. NGUYỄN VĂN HOÀ	
KIỂM TRA		KS. NGÔ XUÂN HỒNG	
THIẾT KẾ		KS. NGÔ XUÂN HỒNG	
VẼ BỎI		KS. NGUYỄN VĂN VIỆT	
GIAI ĐOẠN:			
HOÀN CÔNG			
TÊN BẢN VẼ:			
CHI TIẾT BỂ			
NGÀY HOÀN CÔNG		10/2024	
SỐ BẢN VẼ		04	
KÝ HIỆU BẢN VẼ		TKTC-01	

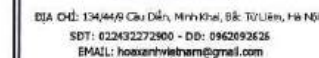
SỬA ĐỔI- MODIFY

GHI CHÚ:

HANG MUC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
KHÍ THẢI LÒ HƠI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
HÓA XANH VIỆT NAM



Giám đốc :

ThS. NGUYỄN VĂN HOÀ

CHỦ TRÌ:

ThS. NGUYỄN VĂN HÒA

KIỂM TRA

KS. NGÔ XUÂN HỒNG

THIẾT KẾ

KS. NGÔ XUÂN HỒNG

VỀ BỜ

KS. NGUYỄN VĂN VIỆ

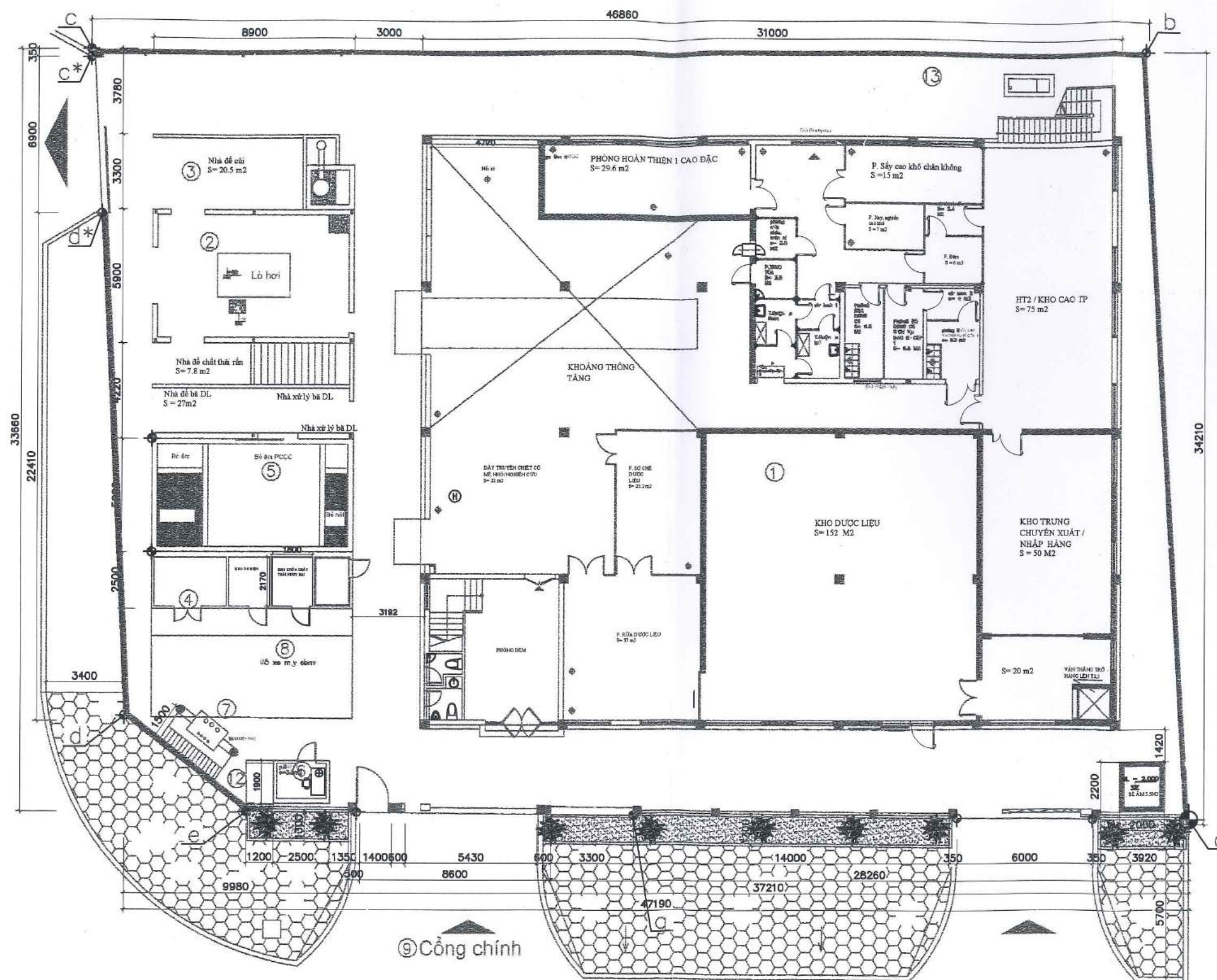
GIAI ĐOẠN:

HOÀN CÔNG

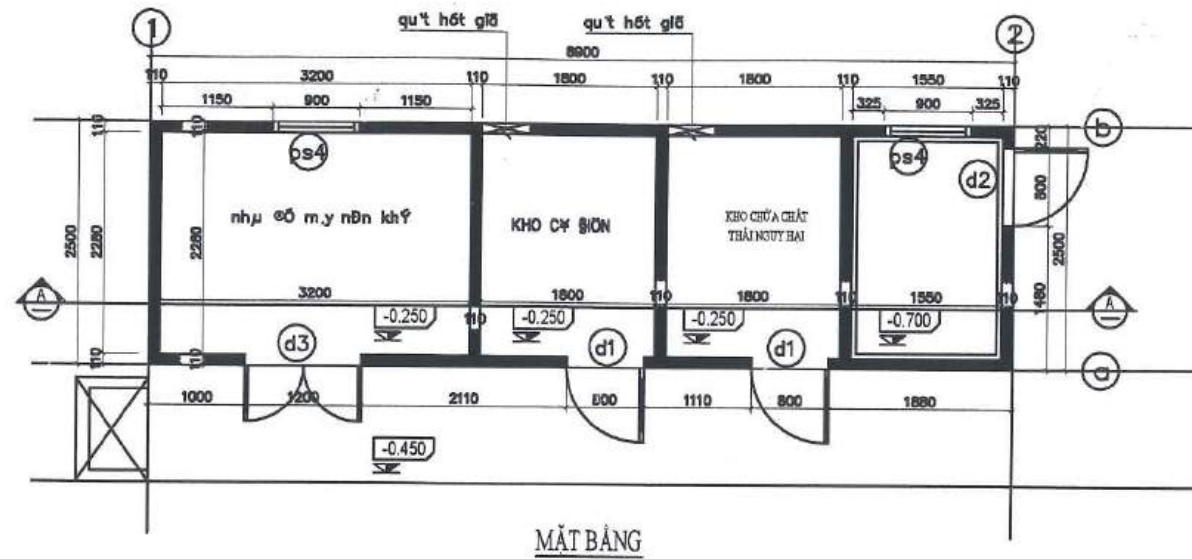
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT BẾ

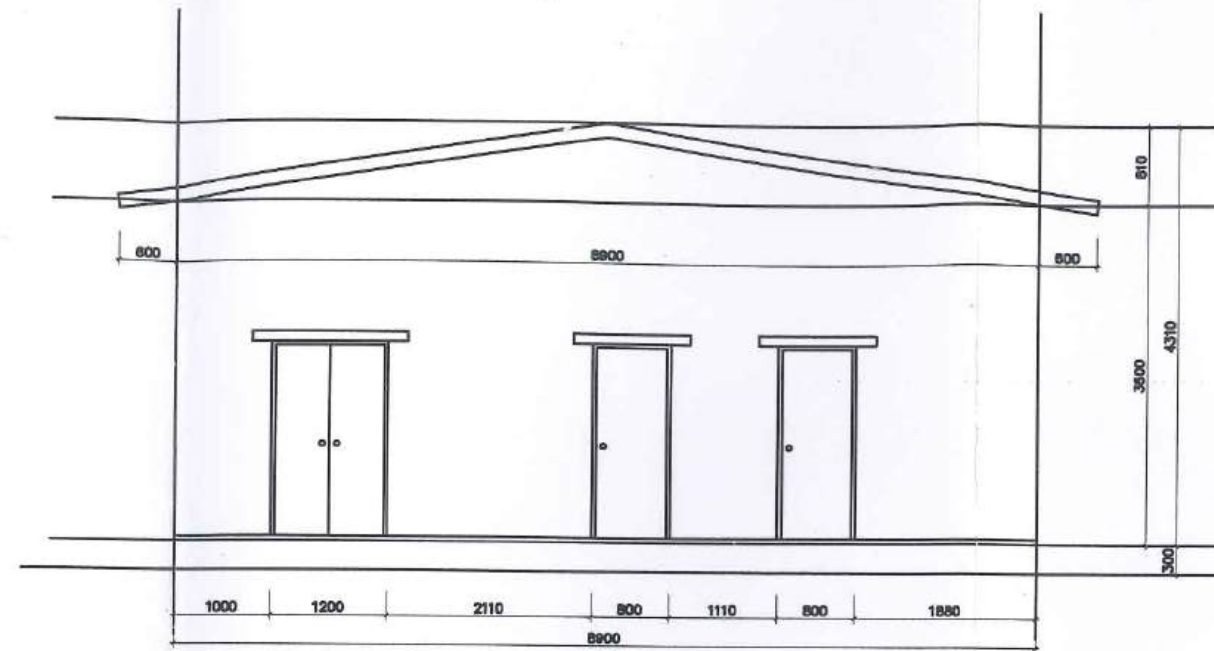
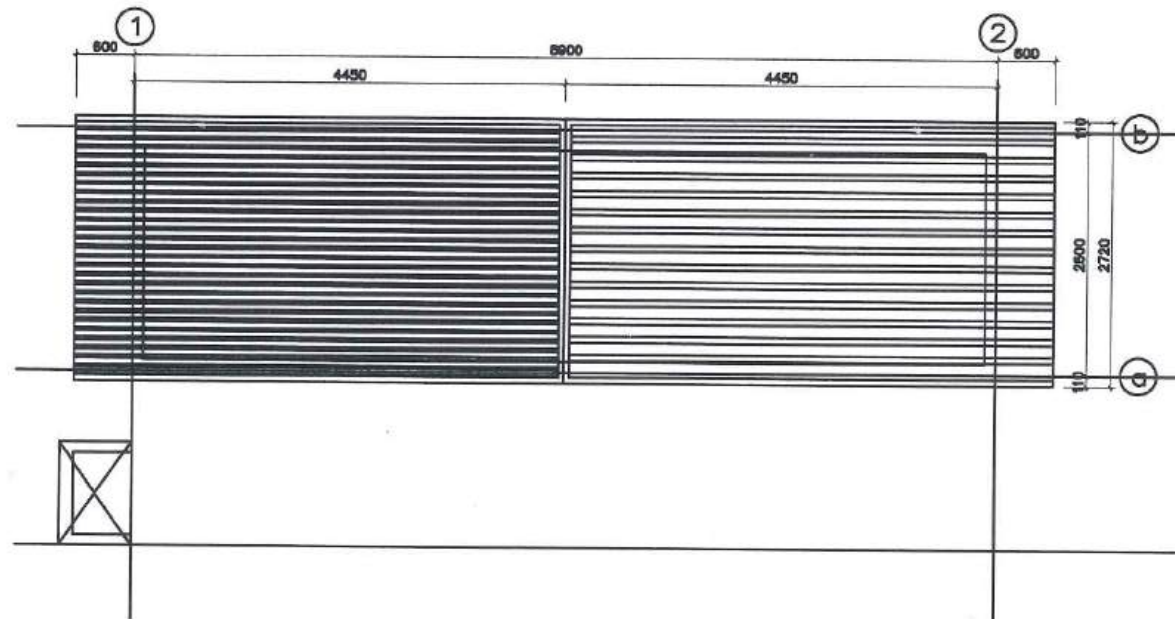
NGÀY HOÀN CÔNG	10/2024
SỐ BẢN VẼ	04
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TKTC-01



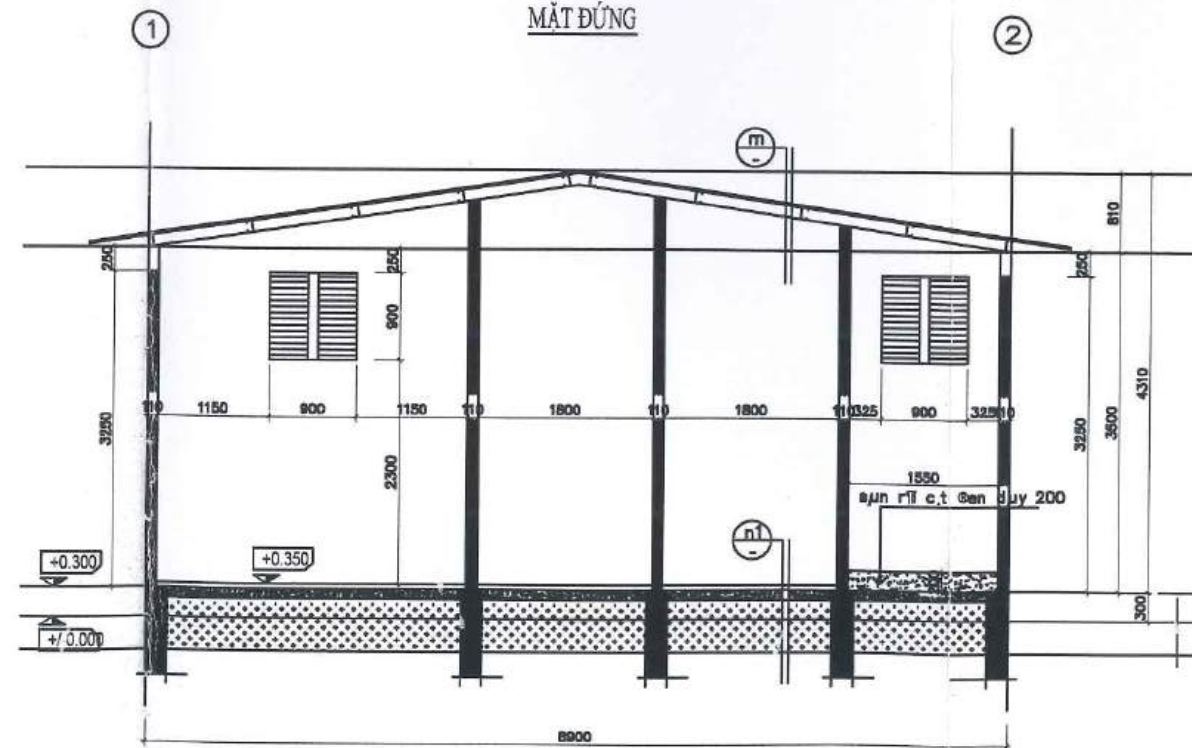
CHI TIẾT KHO CHỨA RÁC



MẶT BẰNG



MẶT ĐỨNG



MẶT CẮT A-A

SỬA ĐỔI- MODIFY

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẬP THUẬN APPROVED

GHI CHÚ:

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
KHÍ THẢI LÒ HƠI



NHÀ THẦU

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
HÓA XANH VIỆT NAM



ĐỊA CHỈ: 134/44/9 Cầu Diễn, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
SĐT: 022432272900 - ĐD: 0962092626
EMAIL: hoaxanhvietnam@gmail.com

Giám đốc:

THS. NGUYỄN VĂN HOÀ

CHỦ TRÍ:

THS. NGUYỄN VĂN HOÀ

KIỂM TRA

KS. NGÔ XUÂN HỒNG

THIẾT KẾ

KS. NGÔ XUÂN HỒNG

VỀ BỒI

KS. NGUYỄN VĂN VIỆT

GIẢI ĐOẠN:

HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT BẾ

NGÀY HOÀN CÔNG	10/2024
SỐ BẢN VẼ	04
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TKTC-01